KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

HOÀNG HẢI HÀ – HOÀNG THANH TÚ

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

MÔN

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

LỚP 9 - PHẦN LỊCH SỬ

(HỖ TRỢ GIÁO VIÊN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY THEO SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9 – PHẦN LỊCH SỬ, BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG TÀI LIỆU

ĐGTX:	Đánh giá thường xuyên
GV:	giáo viên
HS:	học sinh
SGK:	sách giáo khoa
SGV:	sách giáo viên
SBT:	sách bài tập

LỜI NÓI ĐẦU

Quý thầy cô thân mến!

Kế hoạch bài dạy Lịch sử và Địa lí 9 – phần Lịch sử là tài liệu tham khảo giúp các thầy, cô giáo thuận tiện trong việc triển khai các bài học trong SGK *Lịch sử và Địa lí 9* (phần Lịch sử) – bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* theo hướng dẫn của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH.

Mỗi bài học đều xác định rõ mục tiêu, quá trình tổ chức các hoạt động và sản phẩm cụ thể. Điều này giúp thầy, cô giáo kiểm soát được quá trình dạy học một cách tường minh (mục tiêu như thế nào và thông qua hoạt động chính nào để có được sản phẩm phù hợp).

Chúng tôi hi vọng tài liệu *Kế hoạch bài dạy* này sẽ hữu ích, giúp thầy cô, giáo triển khai tốt nội dung môn *Lịch sử và Địa lí 9 – phần Lịch sử* theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS.

Các tác giả

MỤC LỤC

Chương 1. Thế giới từ năm 1918 đến năm 1945 ..... **5**

Bài 1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945 ..... **5**

Bài 2. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 ..... **10**

Bài 3. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 ..... **17**

Bài 4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) **24**

Chương 2. Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 ..... **31**

Bài 5. Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918 – 1930 ..... **31**

Bài 6. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam **39**

Bài 7. Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939 ..... **44**

Bài 8. Cách mạng tháng Tám năm 1945 ..... **50**

Chương 3. Thế giới từ năm 1945 đến năm 1991 ..... **57**

Bài 9. Chiến tranh lạnh (1947 – 1989) 57
Bài 10. Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 64
Bài 11. Nước Mỹ và Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991 69
Bài 12. Khu vực Mỹ La-tinh và Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 74
Chương 4. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991 84
Bài 13. Việt Nam trong những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 84
Bài 14. Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1946 – 1950 89
Bài 15. Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 – 1954 97
Bài 16. Việt Nam kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1965 104
Bài 17. Việt Nam kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975 114
Bài 18. Việt Nam trong những năm 1976 – 1991 122
Chương 5. Thế giới từ năm 1991 đến nay 129
Bài 19. Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay
Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay 129
Bài 20. Châu Á từ năm 1991 đến nay 135
Chương 6. Việt Nam từ năm 1991 đến nay 142
Bài 21. Việt Nam từ năm 1991 đến nay 142
Chương 7. Cách mạng khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hoá 147
Bài 22. Cách mạng khoa học – kĩ thuật và xu thế toàn cầu hoá 147
Chủ đề 3. Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ơ Biển Đông 154

CHƯƠNG 1 THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

BÀI 1. NƯỚC NGA VÀ LIÊN XÔ TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập.

– Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được những hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tự lực thực hiện các nhiệm vụ được giao trên lớp và ở nhà.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi trong các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử: quan sát tranh, ảnh, lược đồ; khai thác và sử dụng được thông tin tư liệu để tìm hiểu về nước Nga Xô viết từ năm 1918 đến năm 1945.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: biết khai thác tranh, ảnh, tư liệu, bảng số liệu, kết hợp đọc thông tin trong SGK để nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập; trình bày những thành tựu và chỉ ra được những hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để viết đoạn văn ngắn giới thiệu về thành tựu ấn tượng nhất trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ý thức khâm phục và tự hào về những thành tựu mà nhân dân Liên Xô đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; từ đó nhận thức được sức mạnh, tính ưu việt; đồng thời tránh ngộ nhận, phủ nhận quá khứ lịch sử và những thành tựu vĩ đại mà nhân dân Liên Xô đã lao động quên mình để đạt được trong giai đoạn này.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Lược đồ nước Nga Xô viết chống thù trong, giặc ngoài (1918 – 1920).

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu nội dung bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để định hướng vào bài học mới.

– Phương án 2: GV nêu vấn đề: Trong lịch sử thế giới, Liên Xô là nước đầu tiên tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội song hiện nay không còn tên gọi Liên Xô nữa. *Vì sao Liên Xô được thành lập? Liên Xô được thành lập khi nào và đạt được thành tựu gì trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở thời kì đầu? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về những vấn đề đó*.

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**HS suy nghĩ để trả lời.

***Bước 3: Báo cáo thảo luận**

– GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

***Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

– GV nhận xét phần trình bày của HS. GV không chốt đúng sai mà chỉ định hướng vào bài học mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về nước Nga Xô viết từ năm 1918 đến năm 1922 *a) Mục tiêu*

HS nêu được những nét chính về tình hình nước Nga Xô viết trước khi Liên Xô được thành lập.

b) Tổ chức thực hiện

* ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để thực hiện yêu cầu: *Nêu những nét chính về tình hình nước Nga Xô viết từ năm 1918 đến năm 1922*. HS có thể trình bày sản phẩm bằng sơ đồ tư duy hoặc bảng tóm tắt.

* ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm HS thảo luận thực hiện yêu cầu.

* ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***– Các nhóm báo cáo sản phẩm.

– Gợi ý bảng tóm tắt:

TÌNH HÌNH NƯỚC NGA XÔ VIẾT TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1922	
Nội dung	**Nét chính**
Khó khăn	Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười (1917), quân đội 14 nước đế quốc (Anh, Pháp, Mỹ, Nhật,…) đã câu kết với các thế lực phản cách mạng trong nước mở cuộc tấn công vũ trang vào nước Nga Xô viết.
Biện pháp	Từ năm 1919, Nhà nước Xô viết đã thực hiện *Chính sách cộng sản thời chiến* (quốc hữu hoá toàn bộ các xí nghiệp, trưng thu lương thực thừa của nông dân, thi hành chế độ lao động bắt buộc,…) và kiểm soát được các ngành kinh tế then chốt.

	Tháng 3 – 1921, Đảng Bôn-sê-vích đã quyết định thực hiện *Chính sách kinh tế mới* (NEP). Nội dung cơ bản là bãi bỏ trưng thu lương thực thừa và thay thế bằng chính sách thu thuế lương thực, thực hiện tự do buôn bán, cho phép tư nhân được mở các xí nghiệp nhỏ, khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư kinh doanh ở Nga,….
Kết quả	Nước Nga Xô viết đã từng bước vượt qua khủng hoảng, phục hồi kinh tế và đời sống nhân dân được cải thiện.

* ***Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và chốt kiến thức, những phần HS đã làm tốt GV chốt để HS ghi bài, những phần HS chưa trình bày được thì GV bổ sung và nhấn mạnh thêm.

* ***Bước 5: Mở rộng***

– GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi: *Vì sao nhân dân Xô viết bảo vệ được thành quả của Cách mạng tháng Mười?*

GV hướng dẫn để HS nêu được: nhờ sự ủng hộ của nhân dân, lòng yêu nước được phát huy mạnh mẽ để bảo vệ chế độ mới, Hồng quân chiến đấu dũng cảm để bảo vệ Tổ quốc, các chính sách của Đảng Bôn-sê-vích phù hợp đã đem lại nhiều kết quả tích cực.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về Liên Xô từ năm 1922 đến năm 1945

a) Mục tiêu

HS trình bày được những thành tựu và nêu được những hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

b) Tổ chức thực hiện

* ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ học tập:

+ Nhóm 1, 3: Khai thác thông tin trong SGK để hoàn thành Phiếu học tập dưới đây.

PHIẾU HỌC TẬP	
Lĩnh vực	**Thành tựu**
Chính trị	
Kinh tế	
Xã hội, văn hoá, giáo dục	

+ Nhóm 2, 4: Nêu một số hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (trước năm 1941).

* ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS thảo luận hoàn thành Phiếu học tập.

– Nhiệm vụ 2: HS thảo luận tìm ra hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ởLiên Xô (trước năm 1941). ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận*** –Báo cáo sản phẩm:

+ Nhiệm vụ 1: GV gọi đại diện nhóm 1 trình bày Phiếu học tập đã hoàn thành và gọi thành viên của nhóm 3 góp ý, bổ sung.

+ Nhiệm vụ 2: GV gọi đại diện nhóm 2 báo cáo, nhóm 4 góp ý bổ sung.

– Gợi ý sản phẩm:

+ Nhiệm vụ 1:

NHỮNG THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1925 – 1941)	
Lĩnh vực	**Thành tựu tiêu biểu**
Chính trị	– Nhà nước Liên bang Xô viết được thành lập. – Chính quyền Xô viết được củng cố.
Kinh tế	Trở thành cường quốc công nghiệp: sản xuất công nghiệp chiếm 70% tổng sản phẩm quốc dân, sản lượng công nghiệp đứng đầu châu Âu và đứng thứ 2 thế giới.
	Hoàn thành tập thể hoá nông nghiệp với quy mô sản xuất lớn.
Xã hội, văn hoá, giáo dục	Các giai cấp bóc lột bị xoá bỏ
	Xoá được nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất, hoàn thành phổ cập Trung học cơ sở ở các thành phố.
	Các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, văn học – nghệ thuật cũng đạt được nhiều thành tựu to lớn.

+ Nhiệm vụ 2: Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô cũng đã bộc lộ một số hạn chế, thiếu sót như: nóng vội, thiếu dân chủ trong quá trình tập thể hoá nông nghiệp, chưa chú trọng đúng mức đến việc nâng cao đời sống nhân dân,…

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS theo tiêu chí sau:

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SẢN PHẨM

STT	**Tiêu chí**		**Điểm**
1	Nội dung	Nêu được đủ thành tựu tiêu biểu và hạn chế trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô trước năm 1941	4 điểm (thiếu 1 ý trừ 0,5 điểm)
		Bố cục mạch lạc, lô gíc.	1
2	Hình thức	Đúng, đủ tên các thành tựu, hạn chế.	1
		Có sử dụng hình ảnh minh hoạ.	1

3	Báo cáo	Trình bày rõ ràng, tự tin.	1
		Trả lời được câu hỏi thêm của GV hoặc bạn học.	1

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS tổng hợp lại kiến thức đã học để hoàn thành bảng về những thành tựu và những hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

b) Tổ chức thực hiện

– Phương án 1: GV cho HS hoàn thành bảng tương tự như ở hoạt động 2.

– Phương án 2: GV tổ chức trò chơi "Ai nhanh hơn" (theo nhóm). GV chuẩn bị bảng mẫu trên bảng phụ/giấy A0 treo bảng, phát các thẻ thông tin về những thành tựu và hạn chế cho HS. Các nhóm dán thẻ thông tin phù hợp vào bảng phụ/giấy A0.

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để viết đoạn văn giới thiệu về một thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1925 – 1941) mà em ấn tượng nhất.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà thực hiện nhiệm vụ: *Tìm hiểu thông tin thông tin từ sách, báo và internet, viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô (1925 – 1941) mà em ấn tượng nhất.*

GV hướng dẫn HS viết theo dàn ý: tên thành tựu, nét nổi bật của thành tựu, lí do em ấn tượng với thành tựu đó (giá trị, ý nghĩa,…).

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS sưu tầm sách, báo và internet để viết bài theo dàn ý gợi ý.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả vào tiết học sau hoặc thu bài và chấm điểm ĐGTX.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét về việc hoàn thành nhiệm vụ của HS và đánh giá sản phẩm.

BÀI 2. CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Trình bày được những nét chính về phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933, sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu.

– Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử qua quan sát tranh ảnh, khai thác thông để tìm hiểu về châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử qua việc trình bày được những nét chính về phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933, sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để viết đoạn văn hoặc thuyết trình giới thiệu về *Chính sách mới* của Tổng thống Ph. Ru-dơ-ven nhằm đưa nước Mỹ thoát khỏi cuộc đại suy thoái kinh tế.

3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng lòng tin vào phong trào đấu tranh của nhân dân lao động, chống chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa phát xít, nguy cơ chiến tranh; giáo dục tinh thần quốc tế chân chính.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Lược đồ thế giới hoặc lược đồ châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

– Phương án 2: GV nêu vấn đề: Trong những năm 1918 – 1945, các nước tư bản châu Âu đã trải qua những bước phát triển thăng trầm, biến động, mà biến động lớn nhất là sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít Đức và I-ta-li-a. Vậy chủ nghĩa tư bản ở châu Âu giai đoạn này có điểm gì nổi bật? Nguyên nhân nào dẫn tới sự xuất hiện chủ nghĩa phát xít Đức và I-ta-li-a?

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS suy nghĩ, trao đổi nhanh tìm câu trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có). HS có thể trả lời đúng hoặc sai, hoặc trả lời được một ý của câu hỏi.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

Căn cứ vào câu trả lời của HS, GV chọn các ý phù hợp để dẫn dắt, định hướng nhận thức bài học mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về phong trào cách mạng (1918 – 1923) và sự thành lập Quốc tế Cộng sản (1919)

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về phong trào cách mạng (1918 – 1923)

a) Mục tiêu

HS trình bày được những nét chính về phong trào cách mạng ở các nước tư bản châu Âu (1918 – 1923).

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong mục, làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Trình bày những nét chính về phong trào cách mạng ở các nước tư bản châu Âu từ năm 1918 đến năm 1923.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS đọc SGK, ghi ra giấy nội dung trình bày và câu hỏi thắc mắc (nếu có).

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

HS báo cáo kết quả thảo luận.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại nội dung: Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào cách mạng đã bùng nổ ở hầu khắp các nước tư bản châu Âu,

đặc biệt là ở Đức. Qua phong trào, nhiều Đảng Cộng sản đã được thành lập như: Đảng Cộng sản Hung-ga-ri (1918), Đảng Cộng sản Pháp (1920), Đảng Cộng sản Anh (1920), Đảng Cộng sản I-ta-li-a (1921),...

Bước 5: Mở rộng

GV đặt câu hỏi mở rộng: *Đặc điểm nổi bật của phong trào này là gì?* HS nêu được đặc điểm nổi bật của phong trào cách mạng 1918 – 1929 là đông đảo công nhân và các tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh; ngoài những yêu sách về kinh tế, họ còn đưa ra yêu sách về chính trị. Qua phong trào, nhiều Đảng Cộng sản được thành lập.

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về sự thành lập Quốc tế Cộng sản (1919)

a) Mục tiêu

HS trình bày được nét chính về sự thành lập và một số hoạt động chính của Quốc tế Cộng sản từ năm 1919 đến năm 1943.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS làm việc cặp đôi, đọc thông tin trong mục để thực hiện yêu cầu: *Trình bày sự thành lập và một số hoạt động chính của Quốc tế Cộng sản*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK tìm thông tin để trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi trả lời. GV khuyến khích, động viên HS trình bày, đóng góp ý kiến bổ sung.

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

– GV nhận xét và nhấn mạnh một số nội dung sau:

+ Sự thành lập: Quốc tế Cộng sản (Quốc tế thứ ba) được thành lập (1919) tại Mát-xcơ-va, trở thành một tổ chức cách mạng của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

+ Một số hoạt động: Trong thời gian tồn tại (1919 – 1943), Quốc tế Cộng sản đã tiến hành 7 kì đại hội và đề ra đường lối cách mạng đúng đắn cho từng thời kì phát triển của cách mạng thế giới. Năm 1943, do sự thay đổi của tình hình thế giới, Quốc tế Cộng sản tự giải tán. Quốc tế Cộng sản đã có vai trò rất lớn trong việc thống nhất và phát triển phong trào cách mạng thế giới.

– GV cung cấp thêm thông tin: Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy ở Luận cương củaLê-nin con đường cứu nước giải phóng dân tộc đúng đắn cho nhân dân Việt Nam.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về cuộc đại suy thoái kinh tế (1919 – 1933) và sự hình thành chủ nghĩa phát xít

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về cuộc đại suy thoái kinh tế (1919 – 1933) a) Mục tiêu

HS trình bày được nét chính về đại suy thoái kinh tế trong những năm 1929 – 1933 và sự hình thành chủ nghĩa phát xít.

b) Tổ chức thực hiện

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

– Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành các nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để thực hiện yêu cầu: *Khai thác tư liệu và thông tin trong mục, hãy trình bày nguyên nhân, và biểu hiện của cuộc đại suy thoái kinh tế trong những năm 1929 – 1933*.

– Nhiệm vụ 2: GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi: *Sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu diễn ra như thế nào?*

****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS khai thác tư liệu, thông tin trong SGK, thảo luận, thống nhất nội dung trình bày. GV cần theo dõi để có những định hướng kịp thời.

Nhiệm vụ 2: HS khai thác thông tin trong SGK để tìm ý trả lời.

****Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Nhiệm vụ 1: GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp. Nội dung trả lời nêu được:

+ Nguyên nhân: Trong những năm 1929 – 1933, kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ, sản xuất tăng lên nhanh chóng. Nhưng do sản xuất ồ ạt, nhu cầu và sức mua của thị trường không có sự tăng lên tương ứng, làm cho hàng hoá trở nên ế thừa, dẫn tới suy thoái trong sản xuất. Vì thế, đời sống của đa số nhân dân không được cải thiện. Đó là những nguyên nhân dẫn tới cuộc đại suy thoái kinh tế.

+ Biểu hiện: Tháng 10 – 1929, cuộc đại suy thoái kinh tế bùng nổ ở Mỹ, sau đó lan rộng ra toàn thế giới tư bản chủ nghĩa, diễn ra trên tất cả các lĩnh vực (tài chính, công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp), kéo dài gần 4 năm, trầm trọng nhất là năm 1932. Cuộc đại suy thoái đó đã tàn phá nặng nề nền kinh tế và gây ra những hậu quả nghiêm trọng về mặt xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa: công nhân thất nghiệp, nông dân mất ruộng đất, nghèo đói; người tham gia bãi công ở các nước tư bản tăng cao (số công nhân thất nghiệp lên tới 50 triệu, hàng triệu nông dân bị mất ruộng đất, số người tham gia bãi công lên tới 17 triệu).

Từ đó, HS rút ra được hậu quả của cuộc đại suy thoái kinh tế là nền sản xuất bị ngừng trệ, nhiều người mất việc làm, rơi vào tình trạng đói khổ.

– Nhiệm vụ 2: HS trả lời được để thoát khỏi đại suy thoái, các nước Anh, Pháp,... có nhiều thuộc địa, vốn và thị trường nên tiến hành những cuộc đại cải cách kinh tế – xã hội. Trong khi đó, các nước Đức, I-ta-li-a, không có hoặc có ít thuộc địa nên ngày càng thiếu vốn, thiếu nguyên liệu, thị trường, đã đi theo con đường phát xít hoá, thiết lập chế độ độc tài, phát động chiến tranh để phân chia lại thế giới.

****Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và chuẩn kiến thức để HS ghi vào vở.

****Bước 5: Mở rộng***

GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS dựa vào kiến thức bài học để trả lời câu hỏi: *Vì sao chủ nghĩa phát xít thắng lợi ở Đức?*

GV hướng dẫn để HS nêu được lí do: Đức là quê hương của chủ nghĩa quân phiệt Phổ, bị bại trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, chịu những tác động và khủng hoảng nghiêm trọng trong những năm 1929 – 1933, giai cấp tư sản cầm quyền dung túng cho chủ nghĩa phát xít, phong trào cách mạng không đủ sức đẩy lùi chủ nghĩa phát xít,...

2.3. *Hoạt động 3: Tìm hiểu về tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới*

a) Mục tiêu

HS nhận biết và trình bày được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh và khai thác thông tin trong SGK, thảo luận cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày những nét lớn về tình hình chính trị của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới*.

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV cho HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Hãy trình bày sự phát triển kinh tế nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS thảo luận để thực hiện yêu cầu.

– Nhiệm vụ 2: HS khai thác thông tin trong SGK để trình bày.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận*** – HS báo cáo sản phẩm.

– Gợi ý sản phẩm:

+ Nhiệm vụ 1:

◆ Đối nội: Đảng Cộng hoà liên tục nắm chính quyền, đề cao sự phồn vinh của nền kinh tế, ngăn chặn các cuộc đấu tranh của công nhân, đàn áp những người có tư tưởng tiến bộ,…

Năm 1930, Đảng Dân chủ giành thắng lợi trong cuộc bỏ phiếu bầu Quốc hội Mỹ. Năm 1932, ứng cử viên của Đảng Dân chủ là Ph. Ru-dơ-ven được bầu làm Tổng thống.

◆ Đối ngoại: Giới cầm quyền Mỹ theo đuổi lập trường chống Liên Xô, tiếp tục thực hiện học thuyết Mơn-rô (châu Mỹ của người châu Mỹ) để bành trướng, thậm chí can thiệp về quân sự khi cần thiết đối với khu vực Mỹ La-tinh.

Từ năm 1933, Chính phủ của Tổng thống Ph. Ru-dơ-ven đã công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô, thực hiện *Chính sách láng giềng thân thiện* đối với các nước Mỹ La-tinh.

+ Nhiệm vụ 2:

HS nêu được Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, nền kinh tế Mỹ bước vào thời kì "hoàng kim": năm 1929, sản lượng công nghiệp chiếm 48% thế giới, đứng đầu thế giới về ngành công nghiệp sản xuất ô tô, thép và dầu mỏ, nắm trong tay 60% dự trữ vàng của thế giới.

Cuộc đại suy thoái kinh tế bùng nổ ở Mỹ (10 – 1929), bắt đầu từ lĩnh vực tài chính, rồi nhanh chóng lan rộng ra các lĩnh vực công nghiệp và nông nghiệp khiến nền kinh tế, tài chính Mỹ bị chấn động dữ dội.

Để đưa nước Mỹ thoát ra khỏi cuộc đại suy thoái, Tổng thống Ph. Ru-dơ-ven đã thực hiện một hệ thống các chính sách, biện pháp của nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế – tài chính và chính trị – xã hội, được gọi chung là *Chính sách mới*. Chính sách này đã cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản Mỹ, góp phần làm cho nước Mỹ duy trì được chế độ dân chủ tư sản, tình hình chính trị, xã hội dần dần được ổn định.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét chung phần trình bày của HS và tổng kết.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

– Củng cố lại nội dung bài học.

– Kiểm tra lại mục tiêu bài học xem HS đã đạt được chưa.***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để thực hiện yêu cầu: *Lập sơ đồ tư duy về những nét chính của tình hình châu Âu và nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới*.

– Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu các nhóm tiếp tục thảo luận để: *Nêu nhận xét về con đường thoát khỏi đại suy thoái của các nước tư bản châu Âu và nước Mỹ*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS dựa vào thông tin trong SGK để vẽ sơ đồ duy (có thể thực hiện trên lớp hoặc làm ở nhà).

– Nhiệm vụ 2: Các nhóm thảo luận, đưa ra nhận xét.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

HS báo cáo sản phẩm.

– Gợi ý:

+ Nhiệm vụ 1: Sơ đồ được chia thành hai nhóm chính: một nhóm là châu Âu và một nhóm là nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945. Ở mỗi nhóm, HS chọn nội dung lịch sử cơ bản, ví dụ: ở nhóm nước Mỹ đó là kinh tế phát triển nhanh chóng trong những năm 1919 – 1929, suy thoái kinh tế trong những năm 1929 – 1933, thi hành Chính sách mới đã góp phần làm cho nước Mỹ duy trì chế độ dân chủ tư sản, chính trị, xã hội dần ổn định.

GV tổ chức cho HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành ngay tại lớp hoặc thu bài, chấm lấy điểm ĐGTX.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SƠ ĐỒ TƯ DUY

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	Nêu được đủ những nét chính của tình hình châu Âu và nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.	4 điểm (thiếu 1 ý trừ 0,5 điểm)
		Bố cục mạch lạc, lô gíc.	1
2	Hình thức	Sơ đồ trình bày đẹp, chữ viết rõ ràng, sạch sẽ.	1
		Có sử dụng hình ảnh minh hoạ.	1
3	Báo cáo (nếu không báo cáo thì chuyển thành điểm cho tiêu chí hình thức)	Trình bày rõ ràng, tự tin.	1
		Trả lời được câu hỏi thêm của GV hoặc bạn học.	1

+ Nhiệm vụ 2: Nhận xét: Hai con đường thoát khỏi cuộc suy thoái kinh tế của các nước tư bản là sản phẩm tất yếu của những điều kiện lịch sử thế giới trong thời kì này (sự phát triển không đều giữa các nước đế quốc về kinh tế, chính trị; về hệ thống thuộc địa; cuộc đại suy thoái kinh tế là nguyên nhân tác động trực tiếp đối với sự lựa chọn đó).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét việc hoàn thành nhiệm vụ của HS và đánh giá sản phẩm.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng để viết đoạn văn ngắn giới thiệu về Chính sách mới của Tổng thống Ph. Ru dơ-ven.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà: *Tìm hiểu thông tin trên sách, báo, internet, viết đoạn văn ngắn giới thiệu về Chính sách mới của Tổng thống Ph. Ru dơ-ven nhằm đưa nước Mỹ thoát khỏi cuộc đại suy thoái kinh tế*.

GV hướng dẫn HS tìm thông tin từ sách, báo, internet về *Chính sách mới* của Tổng thống Ph. Ru-dơ-ven để viết đoạn văn giới thiệu theo gợi ý sau: Hoàn cảnh ra đời, nội dung chính và kết quả thực hiện *Chính sách mới*, nhận xét về *Chính sách mới.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS tìm hiểu thông tin để viết bài theo gợi ý.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

HS báo cáo sản phẩm vào tiết học sau hoặc nộp lại bài theo yêu cầu của GV.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét về việc hoàn thành nhiệm vụ và đánh giá sản phẩm của HS.

BÀI 3. CHÂU Á TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc khai thác, sưu tầm tài liệu, tranh, ảnh để tìm hiểu về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.

– Năng lực nhận thức lịch sử: nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần giáo dục cho HS tinh thần đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hoà bình, ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân các nước châu Á vì độc lập dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Lược đồ châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

– Tranh, ảnh, tư liệu về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và Đông Nam Á.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS quan sát hình ảnh, suy nghĩ, trao đổi theo cặp để tìm câu trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. HS có thể trả lời đúng hoặc sai, hoặc trả lời được một ý của câu hỏi.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV dựa vào câu trả lời của HS, chọn các ý phù hợp để dẫn dắt, kết nối vào bài học; nêu yêu cầu cần đạt chủ yếu của bài học để định hướng nhận thức của HS.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu tình hình Nhật Bản từ năm 1918 đến năm 1945

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tình hình Nhật Bản trong những năm 1918 – 1929

a) Mục tiêu

HS nêu được tình hình Nhật Bản trong những năm 1918 – 1929. ***b) Tổ chức thực hiện***

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục, làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Nêu những nét chính về tình hình Nhật Bản trong những năm 1918 – 1929*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS đọc SGK và suy nghĩ để trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 1 – 2 HS trình bày. HS giới thiệu về hình 3.3 để thấy được sự phát triển của Nhật Bản trong những năm 1918 – 1929.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

– GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại nội dung: Nhật Bản là nước thứ hai (sau Mỹ) thu được nhiều nguồn lợi trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Vì vậy, nền kinh tế Nhật Bản phát triển nhanh chóng sau chiến tranh.

Giai đoạn	Nét chính về tình hình Nhật Bản
Những năm 1920 – 1921	Nền kinh tế Nhật Bản sa sút, nhiều công ti làm ăn thua lỗ, nhiều nhà kinh doanh bị phá sản, số người thất nghiệp lên tới 12 vạn người. Đời sống người lao động không được cải thiện, phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân bùng lên mạnh mẽ
Những năm 1924 – 1929	Nền kinh tế phát triển nhưng không ổn định: năm 1926, sản lượng công nghiệp phục hồi vượt mức trước chiến tranh, đến năm 1927, cuộc khủng hoảng tài chính ở Tô-ki-ô khiến nhiều ngân hàng phải

	đóng cửa, số công nhân thất nghiệp tăng mạnh, nông dân bị bần cùng hoá, sức mua của người dân giảm sút.

**** Bước 5: Mở rộng***

– GV nêu câu hỏi mở rộng để HS thảo luận cặp đôi: *Tình hình nước Nhật có điểm gì giống so với tình hình nước Mỹ trong thập niên 20 của thế kỉ XX* ?

Để HS rút ra được những đặc điểm nổi bật của Nhật Bản trong giai đoạn này, GV có thể đưa ra những câu hỏi gợi ý như: *Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã tác động đến kinh tế Nhật Bản như thế nào? Vì sao giới cầm quyền Nhật Bản lại chọn con đường quân phiệt hoá bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược?*

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tình hình Nhật Bản trong những năm 1929 – 1945

a) Mục tiêu

HS biết khai thác thông tin để nêu được tình hình Nhật Bản trong những năm 1929 – 1945.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục, thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu: *Tình hình Nhật Bản trong những năm 1929 – 1945 có điểm gì nổi bật.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi trả lời, các HS lắng nghe, bổ sung (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

– GV nhận xét, chốt lại điểm nổi bật về tình hình Nhật Bản trong những năm 1929 – 1945:

+ Cuộc đại suy thoái kinh tế thế giới 1929 – 1933 đã giáng một đòn nặng nề vào kinh tế Nhật Bản: sản xuất công nghiệp giảm sút nhanh chóng, ngoại thương sụt giảm chưa từng có (80%), mâu thuẫn xã hội gay gắt và các cuộc bãi công diễn ra quyết liệt.

+ Trước tình hình đó, Chính phủ Nhật Bản tăng cường chính sách quân sự hoá bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài.

+ Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu diễn ra, Nhật Bản cũng ráo riết chuẩn bị chiến tranh và kéo vào Đông Dương (1940), tấn công hạm đội Mỹ ở Trân Châu cảng (1941), xâm lược các nước Đông Nam Á khác, tiến đánh nhiều đảo thuộc châu Á – Thái Bình Dương,... Tuy nhiên, đến ngày 15 – 8 – 1945, Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện trước quân Đồng minh.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở châu Á từ năm 1918 đến năm 1945

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái quát về phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở châu Á từ năm 1918 đến năm 1945

a) Mục tiêu

HS nêu được nét chính về phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS đọc thông tin trong mục, làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Nêu những nét chính về phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS đọc thông tin trong SGK, tìm ý để trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi bất kì một số HS trả lời câu hỏi. Cả lớp lắng nghe và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét phần trả lời của HS, sau đó nhấn mạnh: Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga đã mở ra một thời đại mới, đó là thời đại có sự gắn kết giữa cách mạng vô sản ở các nước tư bản với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc. Sự ra đời của Quốc tế Cộng sản và các Đảng Cộng sản cùng với sự áp bức bóc lột thậm tệ của các nước thực dân, đế quốc dẫn tới mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với thực dân ngày càng sâu sắc. Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở châu Á dâng cao và lan rộng khắp các khu vực: Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Nam Á và Tây Á. Ở giai đoạn này, phong trào theo hai khuynh hướng chính là dân chủ tư sản (tiêu biểu là Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a,...) và khuynh hướng vô sản (tiêu biểu là Trung Quốc, Việt Nam,...) với nhiều hình thức đấu tranh như: bạo động, bất bạo động, vũ trang, cải cách, nội chiến, cách mạng,...

2.2.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về Cách mạng Trung Quốc trong những năm 1919 – 1945 a) Mục tiêu

HS nêu được nét chính về phong trào cách mạng Trung Quốc trong những năm 1919 – 1945, từ đó nhận thức được sự phát triển của cách mạng Trung Quốc qua các giai đoạn.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS đọc thông tin trong mục, thảo luận nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để hoàn thành Phiếu học tập với yêu cầu: *Nêu những nét chính về phong trào cách mạng Trung Quốc trong những năm 1919 – 1945*.

PHIẾU HỌC TẬP

Giai đoạn	Nội dung chính
1917 – 1927	
1927 – 1937	

Từ tháng 7 – 1937	

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm hoàn thành Phiếu học tập vào bảng phụ hoặc giấy A0.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi đại diện các nhóm lên bảng trình bày sản phẩm.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm và chốt lại nội dung: Phong trào Ngũ tứ với mục tiêu là chống lại sự xâu xé Trung Quốc của các nước đế quốc, đòi xoá bỏ hiệp ước bất bình đẳng giữa Trung Quốc với các nước phương Tây. Lực lượng tham gia chủ yếu là học sinh, sinh viên và các tầng lớp nhân dân. Trong giai đoạn 1927 – 1937, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đông đảo quần chúng nhân dân đã đứng lên chống lại nền thống trị phản động của Quốc dân đảng, đứng đầu là Tưởng Giới Thạch. Từ tháng 7 – 1937, Đảng Cộng sản hợp tác với Quốc dân đảng để cùng kháng chiến chống Nhật.

2.2.3. Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á trong những năm 1918 – 1945

a) Mục tiêu

HS nêu được những nét chính về phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á, từ đó nhận thức được những nét riêng của phong trào đấu tranh giành độc lập giai đoạn này so với giai đoạn trước.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu yêu cầu HS đọc thông tin SGK, thảo luận cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu hoàn cảnh lịch sử, những nét mới của phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á trong những năm 1918 – 1945*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS khai thác thông tin SGK, thảo luận để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– GV mời đại diện 2 – 3 cặp đôi báo cáo kết quả thảo luận và gọi bất kì một số HS khác góp ý, bổ sung hoàn thiện nội dung.

– Nội dung trả lời nêu được:

+ Hoàn cảnh lịch sử: phong trào cách mạng ở Đông Nam Á nói riêng cũng như phong trào cách mạng ở châu Á nói chung chịu ảnh hưởng trực tiếp của Chiến tranh thế giới thứ nhất và tác động của Cách mạng tháng Mười Nga.

+ Nét mới: Giai cấp vô sản trẻ tuổi ở Đông Nam Á bắt đầu trưởng thành và tham gia lãnh đạo phong trào; phong trào dân chủ tư sản cũng có bước phát triển rõ rệt.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, chốt lại ý chính và nhấn mạnh nét mới của phong trào phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á trong những năm 1918 – 1945 như sau:

+ Giai cấp vô sản trẻ tuổi ở Đông Nam Á bắt đầu trưởng thành và tham gia lãnh đạo phong trào, một số Đảng Cộng sản được thành lập như: Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a (5 – 1920), Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930), các Đảng Cộng sản Mã Lai và Xiêm (4 – 1930), Đảng Cộng sản Phi-líp-pin (11 – 1930). Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở một số nước bùng nổ.

+ Phong trào dân chủ tư sản cũng có bước phát triển rõ rệt (đã xuất hiện các chính đảng có tổ chức và ảnh hưởng xã hội rộng lớn).

3. Hoạt động luyện tập**Câu 1.**

a) Mục tiêu

HS hệ thống lại kiến thức đã học, lập được bảng về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 theo trình tự thời gian.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để lập bảng hệ thống những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. GV gợi ý bảng mẫu để HS hoàn thành.

BẢNG HỆ THỐNG NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ TÌNH HÌNH CHÂU Á TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

Nội dung		**Nét chính**	**Điểm nổi bật/Sự kiện nổi bật**
1. Nhật Bản			
2. Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở châu Á	Khái quát		
	Trung Quốc		
	Đông Nam Á		

– Nhiệm vụ 2: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để thực hiện yêu cầu: *Trình bày những biểu hiện chứng tỏ sự phát triển của phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn.

– Nhiệm vụ 2: HS thảo luận, chỉ ra được những biểu hiện chứng tỏ sự phát triển của phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Nhiệm vụ 1: HS báo cáo sản phẩm tại lớp hoặc nộp lại sản phẩm theo yêu cầu của GV.

– Nhiệm vụ 2: GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm lên trình bày trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét về việc hoàn thành nhiệm vụ của HS và đánh giá sản phẩm của HS theo tiêu chí dưới đây.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM BẰNG HỆ THỐNG

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	Nêu được đủ những nét chính (hoàn cảnh, đặc điểm, xu hướng) của tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945.	4 điểm (thiếu 1 ý trừ 0,5 điểm)
		Bố cục mạch lạc, lô gíc.	1
2	Hình thức	Sơ đồ trình bày đẹp, chữ viết rõ ràng, sạch sẽ.	1
		Có sử dụng hình ảnh minh hoạ.	1
3	Báo cáo (nếu có)	Trình bày rõ ràng, tự tin.	1
		Trả lời được câu hỏi thêm của GV hoặc bạn học (điểm cộng).	1

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để nêu được một số sự kiện thể hiện mối liên minh, tình đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia trong những năm 1939 – 1945.

b) Tổ chức thực hiện

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà: *Sưu tầm từ sách, báo và internet, hãy tìm một số sự kiện trong những năm 1939– 1945 thể hiện mối liên minh, tình đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia và giới thiệu với bạn.*

GV hướng dẫn HS sưu tầm sự kiện thể hiện mối liên minh, tình đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia trong những năm 1939 – 1945: cuộc khởi nghĩa Ong Kẹo và Com-ma-đam (1901 – 1937),…

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà theo hướng dẫn của GV.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả trên lớp, nếu không có thời gian trên lớp, GV thu bài làm HS và chấm lấy điểm ĐGTX.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét về việc hoàn thành nhiệm vụ của HS và đánh giá sản phẩm.

BÀI 4. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945)

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai.

– Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.

– Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để chia sẻ hiểu biết, chấm chéo Phiếu học tập,…

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện nhiệm vụ mang tính thực tiễn.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc khai thác và sử dụng lược đồ để trình bày được diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ hai.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu nguyên nhân bùng nổ, chọn sự kiện chính trong diễn biến và phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại; nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để liên hệ và rút ra được bài học đối với việc bảo vệ hoà bình thế giới hiện nay (hoặc liên hệ với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này).

3. Về phẩm chất

– Góp phần giúp HS nhận thức đúng đắn về hậu quả của chiến tranh đối với nhân loại, nâng cao ý thức chống chiến tranh, bảo vệ sự sống của con người và nền văn minh nhân loại.

– Giáo dục cho HS học tập tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất chống chủ nghĩa phát xít, giải phóng đất nước của các dân tộc bị xâm lược, đặc biệt là cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Lược đồ chiến trường châu Á – Thái Bình Dương, lược đồ quân Đức đánh chiếm châu Âu.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

HS nhận biết được yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV hướng dẫn HS quan sát Hình 4.1, Hình 4.2 và sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.

– Phương án 2: GV có thể cho HS xem một đoạn phim tài liệu về Chiến tranh thế giới thứ hai sau đó nêu yêu cầu: *Bộ phim nói về sự kiện nào trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về cuộc chiến tranh đó*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS quan sát tranh ảnh hoặc xem phim tư liệu tìm thông tin để trả lời câu hỏi.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi một vài HS trả lời, các HS khác góp ý, bổ sung (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV lựa chọn ý để dẫn dắt HS vào bài học mới; nêu yêu cầu cần đạt chủ yếu của bài học để định hướng nhận thức của HS.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai*a)*

Mục tiêu

HS trình bày được nguyên nhân chủ yếu dẫn đến bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai, từ đó rèn luyện năng lực tìm hiểu và nhận thức lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– GV cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin SGK để trả lời câu hỏi: *Nguyên nhân nào dẫn tới sự bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ hai?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– GV gọi 2 – 3 HS trả lời và gọi bất kì một số HS khác nhận xét, góp ý cho câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét câu trả lời và chốt lại những nguyên nhân chính dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ hai:

+ Mâu thuẫn về thị trường và thuộc địa tiếp tục nảy sinh giữa các nước đế quốc.

+ Đại suy thoái kinh tế thế giới (1929 – 1933) làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, tạo điều kiện cho các thế lực phát xít lên cầm quyền ở Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản – thủ phạm gây ra chiến tranh.

+ Hình thành hai khối đế quốc đối địch nhau: khối các nước tư bản dân chủ gồm Anh, Pháp, Mỹ và khối phát xít gồm Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản. Tuy nhiên, cả hai khối đế quốc này cùng có chung mâu thuẫn với Liên Xô.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu diễn biến chính và hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ haia)

Mục tiêu

HS trình bày được diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ hai từ đó rút ra được những sự kiện quan trọng và ý nghĩa của các sự kiện đó. Qua đó, HS nhận thức được tinh thần chiến đấu anh dũng của quân dân Liên Xô trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. ***b) Tổ chức thực hiện***

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV chia lớp thành 2 nhóm và nêu nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: *Nêu diễn biến chính giai đoạn I của Chiến tranh thế giới thứ hai*.

+ Nhóm 2: *Nêu diễn biến chính giai đoạn II của Chiến tranh thế giới thứ hai*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– Các nhóm thảo luận theo hướng dẫn của GV.

+ Với yêu cầu của nhóm 1, GV hướng dẫn HS khai thác *Lược đồ quân Đức đánh chiếm châu Âu (1939 – 1941)* để chỉ ra được: Đây là thời kì mà ưu thế thuộc về phe phát xít Đức. HS không cần trình bày chi tiết các trận đánh mà tập trung vào một số sự kiện chính: Đức tấn công Ba Lan, Anh, Pháp tuyên chiến với Đức, Đức chiếm Pháp, tấn công Ba Lan, Đức tấn công Liên Xô, Nhật Bản tấn công căn cứ ở Trân Châu cảng của Mỹ,…

+ Với yêu cầu của nhóm 2, GV hướng dẫn HS chỉ ra được: Đây là thời kì ưu thế thuộc về quân Đồng minh. HS tập trung vào một số sự kiện chính: Liên Xô phản công và thắng lợi ở Xta-lin-grát (từ tháng 11 – 1942 đến tháng 2 – 1943), quân Đồng minh đổ bộ tấn công Noóc-măng-đi (Pháp), công phá Béc-lin,…

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đại diện từng nhóm lên trình bày. HS sử dụng lược đồ Hình 4.3 và Hình 4.4, 4.5 để phần trình bày thêm sinh động.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét phần trình bày của 2 nhóm và sử dụng lược đồ treo tường để giảng cho HS thấy được phát xít Đức chủ động tấn công, chỉ trong một thời gian ngắn và hầu như không bị tổn thất gì đáng kể đã đánh chiếm hầu hết các nước châu Âu.

**** Bước 5: Mở rộng***

GV cho HS hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi: *Cuộc phản công của Hồng quân Liên Xô ở thành phố Xta-lin-grát có ý nghĩa lịch sử như thế nào*? Gợi ý: Cuộc phản công đã tạo ra bước ngoặt của cuộc chiến tranh: từ thế phòng ngự chuyển sang phản công của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh. Sau thất bại tại Xta-lin-grát, quân Đức đã không thể phục hồi sức mạnh như trước được nữa.

2.2.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai

a) Mục tiêu

HS nêu và phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS đọc SGK để trả lời câu hỏi: *Chiến tranh thế giới thứ hai để lại những hậu quả như thế nào đối với lịch sử nhân loại*?

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS đọc thông tin, khai thác các số liệu bảng thống kê để trả lời câu hỏi.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 1 – 2 HS trả lời, các HS khác bổ sung, nhận xét.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và chốt lại nội dung: Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa phát xít. Cuộc chiến tranh đã để lại hậu quả nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại: 60 triệu người chết, 90 triệu người bị thương vì chiến tranh, thiệt hại về vật chất vô cùng nặng nề (gấp 10 lần Chiến tranh thế giới thứ nhất và bằng tất cả các cuộc chiến tranh trong 1 000 năm trước đó cộng lại),...

**** Bước 5: Mở rộng***

GV có thể mở rộng và khắc sâu kiến thức bằng cách yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Em có nhận xét gì về hậu quả Chiến tranh thế giới thứ hai để lại cho nhân loại*? GV gợi ý để HS nêu được nhận xét: Toàn nhân loại phải hứng chịu hậu quả nặng nề, bao gồm cả những nước thắng trận và những nước bại trận ở tất cả các châu lục trên thế giới.

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít

a) Mục tiêu

HS nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chống chủ nghĩa xã hội.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm thảo luận để trả lời một câu hỏi:

+ Nhóm 1: *Vì sao phát xít Đức, I-ta-li-a và quân phiệt Nhật Bản bị tiêu diệt trong Chiến tranh thế giới thứ hai?*

+ Nhóm 2: *Thắng lợi của Liên Xô và các nước Đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai có ý nghĩa lịch sử như thế nào?*

+ Nhóm 3: *Liên Xô và các nước Đồng minh có vai trò như thế nào trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc nhóm, thảo luận để trả lời câu hỏi.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

Các nhóm HS cử đại diện báo cáo sản phẩm.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét phần thảo luận của các nhóm và chốt lại: Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc chiến tranh phi nghĩa do phe phát xít gây ra và "kẻ gieo gió phải gặp bão", các dân tộc bị phát xít chiếm đóng và lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới đã đoàn kết, kiên cường sát cánh cùng lực lượng Đồng minh chiến đấu vì nền hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội,… Chiến tranh kết thúc giúp nhân loại thoát khỏi thảm hoạ của chủ nghĩa phát xít, tạo nên chuyển biến căn bản của tình hình thế giới. Trong cuộc chiến tranh này, Liên Xô, Mỹ, Anh là lực lượng đi đầu, giữ vai trò trụ cột, quyết định thắng lợi, trong đó Liên Xô có vai trò quyết định nhất.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS hệ thống lại nội dung đã học để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân tại lớp để thực hiện yêu cầu:

Vẽ trục thời gian thể hiện những sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945). GV hướng dẫn HS lựa chọn những sự kiện quan trọng của Chiến tranh thế giới thứ hai như: mở đầu, kết thúc, các sự kiện tạo ra bước ngoặt của cuộc chiến tranh để xây dựng trên trục thời gian.

– Nhiệm vụ 2: GV cho HS hoạt động cá nhân *dựa vào thông tin trong bài học, hãy đánh giá vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít và nêu dẫn chứng*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS vẽ trục thời theo hướng dẫn của GV.

– Nhiệm vụ 2: HS sử dụng kiến thức trong SGK để đánh giá vai trò.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***– Báo cáo sản phẩm:

+ Nhiệm vụ 1: HS trình bày sản phẩm đã hoàn thành ngay tại lớp.

+ Nhiệm vụ 2: HS nêu được: Liên Xô giữ vai trò là lực lượng đi đầu và là một trong những lực lượng chủ chốt góp phần quyết định thắng lợi trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít. Dẫn chứng: Mặt trận Đồng minh chống phát xít được thành lập với ba trụ cột là Liên Xô, Mỹ, Anh đã tạo điều kiện để quân Đồng minh chuyển sang phản công; Hồng quân Liên Xô giành thắng lợi tại Xta-lin-grát, mở ra cục diện phản công của quân Đồng minh; quân Đồng minh đã giải phóng nước Pháp; Hồng quân Liên Xô mở chiến dịch công phá Béc-lin, buộc Đức phải kí văn kiện đầu hàng không điều kiện.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS. GV có thể chọn 2 – 3 sản phẩm tốt để chia sẻ với cả lớp.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để liên hệ và rút ra được bài học đối với việc bảo vệ hoà bình thế giới hiện nay.

b) Tổ chức thực hiện

Lưu ý: HS thực hiện hoạt động này tại nhà hoặc ngoài tiết học và báo cáo sản phẩm hoặc nộp bài theo yêu cầu của GV.

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Liên hệ và cho biết: Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại những bài học gì cho việc bảo vệ hoà bình thế giới hiện nay*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn, suy nghĩ độc lập để rút ra bài học đối với việc bảo vệ hoà bình thế giới hiện nay.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

HS có thể trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng hình thức vẽ tranh với thông điệp tuyên truyền chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình trong,...

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét về việc hoàn thành nhiệm vụ của HS có thể cộng điểm với bài làm tốt.

CHƯƠNG 2 VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945

BÀI 5. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ NHỮNG NĂM 1918 – 1930

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930 gồm: phong trào yêu nước của giai cấp tư sản, tầng lớp tiểu tư sản; phong trào công nhân; sự ra đời của các tổ chức yêu nước cách mạng.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua các hoạt động học tập mang tính cá nhân, tự làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử; trình bày, giải thích, phân tích,… sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống hoặc bài tập nhận thức mới.

3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử vả Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc.

– Tranh ảnh, bản đồ, một số tư liệu lịch sử về các nhà tư sản, thanh niên trí thức tiểu tư sản tham gia tích cực trong phong trào dân tộc dân chủ từ năm 1918 – 1930; phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân; các tổ chức chính trị như Đảng

Lập Hiến, Thanh niên cao vọng Đảng, Đảng Thanh niên, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng Đảng, Việt Nam Quốc dân đảng; các tờ báo như Tiếng chuông rè,...

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

HS nhận biết được các yêu cầu cần đạt.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng thông tin phần Mở đầu trong SGK để tổ chức hoạt động khởi động.

– Phương án 2: GV cho HS nghe một đoạn trong bài hát "Đảng đã cho ta một mùa xuân" của nhạc sĩ Phạm Tuyên: "Bao năm khổ đau đất nước ta không mùa xuân. Cuộc đời tăm tối chốn lao tù bao hờn căm. Vừng dương hé sáng khi khắp nơi ta có Đảng. Bóng tối lui dần tiếng chim vui hót vang". Sau đó đặt câu hỏi: *Lời bài hát gợi cho em nhớ đến tình hình nước ta trước khi có Đảng ra đời như thế nào? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về hoạt động đấu tranh của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1930.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** HS suy nghĩ để trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS chia sẻ hiểu biết về các phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân ta trong giai đoạn 1918 – 1930 trước lớp.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời của HS, lựa chọn ý để dẫn dắt vào bài học mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu hoạt động yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài *a) Mục tiêu*

HS trình bày được những hoạt động yêu nước tiêu biểu của người Việt Nam ở nước ngoài, từ đó rút ra được nhận xét về những hoạt động này.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin trong mục để thực hiện yêu cầu: *Trình bày hoạt động yêu nước tiêu biểu của người Việt Nam ở nước ngoài*.

**** Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ***

HS đọc thông tin trong SGK, tìm thông tin để trình bày.

**** Bước 3: Thực hiện nhiệm vụ***

GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét phần trình bày của HS và chốt lại nội dung: Những hoạt động yêu nước của người Việt Nam tiếp tục được duy trì mặc dù chịu sự đàn áp của thực dân Pháp. Tuy nhiên, những hoạt động này không có mục đích, đường lối rõ ràng và mang tính tự phát.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu phong trào của giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản ở trong nước

a) Mục tiêu

HS trình bày được những nét chính trong phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản, từ đó rút ra được những mặt tích cực và hạn chế trong phong trào của giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu yêu cầu: *Trình bày những nét chính về phong trào của giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản ở trong nước*. Với yêu cầu này, GV có thể chia lớp thành 2 nhóm, để hoàn thành Phiếu học tập theo dàn ý trống dưới đây:

PHIẾU HỌC TẬP

+ Nhóm 1: Tìm hiểu về phong trào của giai cấp tư sản.

+ Nhóm 2: Tìm hiểu về phong trào của tầng lớp tiểu tư sản.

Nội dung	Phong trào của giai cấp tư sản	Phong trào của tầng lớp tiểu tư sản
Mục đích đấu tranh	Chống lại sự chèn ép và cạnh tranh của tư sản Pháp.	Biểu dương lực lượng, chống lại sự áp bức của thực dân, tuyên truyền tư tưởng dân tộc dân chủ, thức tỉnh quốc dân.
Hình thức đấu tranh	Hoà bình (vận động người Việt Nam dùng hàng báo chí, Việt Nam).	Hoà bình
Phong trào đấu tranh tiêu biểu	Tẩy chay tư sản Hoa Kiều, đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn,…	Đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu, Nguyễn An Ninh, đám tang Phan Châu Trinh
Nhân vật lịch sử tiêu biểu	Bùi Quang Chiêu,…	Nguyễn Đức Cảnh, Trần Huy Liệu, Trần Phú,..

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm thảo luận, hoàn thành Phiếu học tập.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV mời đại diện 2 nhóm báo cáo sản phẩm. Sau đó, GV có thể cho 2 nhóm nhận xét chéo Phiếu học tập để hoàn thiện nội dung.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét Phiếu học tập và chốt lại nội dung như sau:

+ *Phong trào của giai cấp tư sản:* Do không đủ thế và lực, giai cấp tư sản và đại địa chủ Việt Nam muốn dựa vào Pháp để chống lại tư sản Hoa kiều, đồng thời họ cũng muốn chính quyền thuộc địa trao quyền tự do dân chủ, xin được tham gia vào bộ máy chính quyền, được nhập quốc tịch Pháp,… Tư sản Việt Nam cũng có những hoạt động đấu tranh chống lại sự chèn ép và cạnh tranh của tư sản Pháp tiêu biểu như: tẩy chay tư sản Hoa kiều, vận động người Việt Nam dùng hàng Việt Nam,…; thành lập Đảng Lập hiến, sáng lập một số tờ báo làm công cụ tuyên truyền như *Thực nghiệp dân báo, Diễn đàn bản xứ,…*

+ *Phong trào của tầng lớp tiểu tư sản:* Tầng lớp tiểu tư sản ngày càng trưởng thành và tích cực tham gia vào phong trào yêu nước. Các hoạt động đã góp phần tuyên truyền tư tưởng dân tộc, dân chủ, thức tỉnh và cổ vũ tinh thần yêu nước. Tầng lớp tiểu tư sản cũng tham gia phong trào đấu tranh như: đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925), thả Nguyễn An Ninh (1926), tổ chức đám tang và lễ truy điệu Phan Châu Trinh (1926),…

**** Bước 5: Mở rộng***

– GV đưa ra yêu cầu mở rộng để 2 nhóm tiếp tục thảo luận: *Đánh giá điểm tích cực và hạn chế trong phong trào của giai cấp tư sản và tầng lớp tiểu tư sản?*

– Gợi ý nội dung trả lời:

+ Mặt tích cực là thể hiện tinh thần dân tộc, đấu tranh đòi một số quyền tự do, dân chủ, được tham gia vào bộ máy chính quyền,… và một số quyền lợi khác cho người Việt.

+ Mặt hạn chế là dễ dàng thoả hiệp với chính quyền thực dân và mang tính chất cải lương. Phong trào của tầng lớp tiểu tư sản có mặt tích cực là thức tỉnh nhân dân và cổ vũ tinh thần yêu nước, truyền bá tư tưởng tự do dân chủ trong nhân dân; tuy nhiên phong trào mang tính chất xốc nổi, các tổ chức chính trị còn non yếu, chưa đủ sức lãnh đạo phong trào.

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu phong trào của giai cấp công nhân

a) Mục tiêu

HS trình bày được những nét chính trong phong trào công nhân trước và sau năm 1925, từ đó rút ra được bước chuyển biến của phong trào công nhân từ đấu tranh tự phát chuyển sang tự giác.

b) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về cuộc bãi công của công nhân Ba Son

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Nêu ý nghĩa cuộc bãi công của công nhân Ba Son.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS đọc thông tin, khai thác tư liệu về ý nghĩa của cuộc bãi công Ba Son để thực hiện nhiệm vụ.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác lắng nghe bổ sung và đặt câu hỏi (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và chốt lại ý nghĩa: cuộc bãi công Ba Son thắng lợi đã đánh dấu bước chuyển của phong trào công nhân từ giai đoạn đấu tranh tự phát sang tự giác.

**** Bước 5: Mở rộng***

Sau khi HS nêu được ý nghĩa, GV đặt câu hỏi mở rộng: *Điểm mới của cuộc bãi công của công nhân Ba Son là gì? Gợi ý*: Điểm mới của cuộc bãi công của công nhân Ba Sơn là đấu tranh không chỉ vì quyền lợi của mình mà còn thể hiện tình đoàn kết với công nhân và nhân dân Trung Quốc; cuộc đấu tranh của công nhân còn có sự phối hợp, ủng hộ của nông dân và nhiều giai tầng khác ở Sài Gòn. Cuộc bãi công có sự chỉ đạo của Công hội, chứng tỏ phong trào công nhân Việt Nam bắt đầu chuyển từ đấu tranh tự phát sang tự giác.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu phong trào của giai cấp công nhân

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu: *Trình bày những nét chính trong phong trào của giai cấp công nhân.* Với yêu cầu này, GV gợi mở bằng các câu hỏi gợi ý: *Tại sao công nhân Việt Nam đấu tranh? Hình thức đấu tranh là gì?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS thảo luận cặp đôi, khai thác thông tin trong mục và phần chữ nhỏ để trả lời các câu hỏi gợi ý.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi đại diện 2 – 4 cặp đôi trả lời các câu hỏi và gọi bất kì một số cặp đôi khác góp ý, bổ sung.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

Để chốt lại kiến thức cho HS, GV có thể hướng dẫn HS xây dựng trục thời gian thể hiện các cuộc đấu tranh tiêu biểu trong phong trào công nhân với hai giai đoạn lịch sử:

+ Trước tháng 8 – 1925: đấu tranh chủ yếu vì mục tiêu kinh tế như đòi tăng lương, giảm giờ làm,… với các hoạt động mang tính tự phát, sơ khai như đập phá máy móc, bỏ việc,… Về phạm vi, các cuộc đấu tranh diễn ra lẻ tẻ trong phạm vi của từng công xưởng, nhà máy và không có sự kết nối giữa các giai tầng trong xã hội hoặc giữa các địa phương.

+ Sau tháng 8 – 1925: đấu tranh có tổ chức, diễn ra dài ngày, vượt ra ngoài phạm vi một xưởng, bước đầu liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương. Một số cuộc đấu tranh lớn như: bãi công ở mỏ than Mạo Khê (Quảng Ninh), nhà máy xe lửa Trường Thi (Vinh),… nhằm hai mục tiêu chung là đòi tăng lương, thực hiện ngày làm 8 giờ như công nhân Pháp.

2.4. Hoạt động 4: Tìm hiểu sự ra đời của các tổ chức yêu nước cách mạng

a) Mục tiêu

HS nêu được sự ra đời của các tổ chức yêu nước cách mạng, từ đó rút ra được mặt tích cực cũng như hạn chế của các tổ chức yêu nước cách mạng Việt Nam trong những thập niên đầu thế kỉ XX.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– GV nêu yêu cầu*: Nêu những nét chính về sự ra đời của các tổ chức yêu nước cách mạng*.

GV có thể chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một tổ chức yêu nước cách mạng để hoàn thành Phiếu học tập dưới đây.

PHIẾU HỌC TẬP

Nội dung	Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên	Tân Việt Cách mạng Đảng	Việt Nam Quốc dân đảng
Thời gian thành lập			
Cá nhân hoặc tổ chức sáng lập			
Mục tiêu			
Phương thức hoạt động			
Thành phần			
Hội viên, đảng viên tiêu biểu			

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm thảo luận, hoàn thành Phiếu học tập.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

Các nhóm cử đại diện lên bảng hoàn thiện Phiếu học tập.

– Gợi ý Phiếu học tập:

Nội dung	Hội Việt Nam cách mạng thanh niên	Tân Việt cách mạng Đảng	Việt Nam Quốc dân đảng
Thời gian thành lập	Tháng 6 – 1925	Tháng 7 – 1928	Tháng 12 – 1927
Mục tiêu	Làm cách mạng để giành độc lập dân tộc, sau đó làm cách mạng thế giới để đi đến xã hội	Chủ trương đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, nhằm thiết lập một chế độ bình đẳng và bác ái.	Đánh đuổi Pháp, thiết lập dân quyền bằng phương pháp bạo động, ám sát cá nhân

	cộng sản.		
Cá nhân/tổ chức sáng lập	Nguyễn Ái Quốc	Nhóm hội viên của Hội Phục Việt	Hạt nhân của Nam đồng thư xã: Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính,...
Phương thức hoạt động	Mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ	Tổ chức một số cuộc đấu tranh của học sinh, tiểu thương và công nhân,… cử đảng viên sang dự các lớp huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.	Nặng về ám sát cá nhân
Thành phần	Thanh niên, trí thức, công nhân, nông dân,...	Trí thức trẻ, thanh niên, tư sản yêu nước	Tư sản dân tộc, viên chức, học sinh, thân hào, thân sĩ ở nông thôn, binh lính người Việt trong quân đội Pháp,…
Hội viên, đảng viên tiêu biểu	Nguyễn Ái Quốc, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Đức Cảnh	Trần Phú	Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính

**** Bước 4: Thực hiện nhiệm vụ***

– GV nhận xét, đánh giá Phiếu học tập của các nhóm và chốt kiến thức.

**** Bước 5: Mở rộng***

Dựa trên kết quả của Phiếu học tập, GV nêu câu hỏi để các nhóm thảo luận: *Vì sao hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng không thành công? Gợi ý*: hoạt động thiên về quân sự, nặng về ám sát cá nhân, chủ trương tiến hành cách mạng bằng bạo động vũ trang, ít chú ý đến tuyên truyền giáo dục đảng viên và vận động quần chúng nên khi bị thực dân Pháp truy sát dễ bị tan rã. Thành phần phức tạp do kết nạp nhiều tầng lớp, giai cấp khác nhau nên mật thám dễ trà trộn để phá hoại. Hơn nữa, chính điều đó cũng dẫn tới tình trạng chia rẽ, bất đồng trong nội bộ. Thất bại của khởi nghĩa Yên Bái nói riêng và tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng nói chung là do thiếu một hệ tư tưởng khoa học, triệt để, một đường lối chính trị đúng và thiếu cơ sở quần chúng vững mạnh. Đây cũng là thất bại của giai cấp tư sản dân tộc trong phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX.

3. Hoạt động luyện tập **Câu 1**.

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS có kĩ năng tóm tắt, hệ thống lại những sự kiện tiêu biểu trong phong trào dân tộc dân chủ từ năm 1918 đến năm 1930 và rút ra được ý nghĩa của phong trào đối với cách mạng Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV cho HS làm việc theo nhóm (4 – 6 HS mỗi) nhóm để thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ sơ đồ thể hiện những sự kiện tiêu biểu trong phong trào dân tộc dân chủ từ năm 1918 đến năm 1930 ở Việt Nam*.

GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ, trong đó thể hiện được: tên sự kiện, thời gian diễn ra,… với các sự kiện mang tiêu biểu về địa phương, số lượng người tham gia và mức độ ảnh hưởng.

– Nhiệm vụ 2: Sau khi các hoàn thành nhiệm vụ 1, tiếp tục thảo luận để trả lời câu hỏi: *Theo em, phong trào dân tộc dân chủ từ năm 1918 đến năm 1930 có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?*

GV gợi ý bằng các câu hỏi gợi mở: *Phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản, tầng lớp tiểu tư sản, giai cấp công nhân và sự ra đời của các tổ chức yêu nước cách mạng có đóng góp gì cho cách mạng Việt Nam; Sự phát triển sôi nổi của phong trào dân tộc dân chủ trong giai đoạn này nói lên điều gì?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS tổng hợp lại các kiến thức đã được tìm hiểu trong các hoạt động nhóm, cá nhân ở trên lớp để vẽ sơ đồ.

– Nhiệm vụ 2: HS trả lời theo các câu hỏi gợi ý của GV.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Nhiệm vụ 1: GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày sơ đồ đã hoàn thành và ý nghĩa của phong trào dân tộc dân chủ từ năm 1918 đến năm 1930 đối với cách mạng Việt Nam. Các nhóm khác theo dõi phần trình bày của bạn và góp ý, bổ sung (nếu có).

– Nhiệm vụ 2: HS

**** Bước 4: Kết luận, đánh giá***

GV nhận xét, đánh giá sơ đồ của HS và chốt lại ý nghĩa của phong trào dân tộc dân chủ từ năm 1918 đến năm 1930 đối với cách mạng Việt Nam là thức tỉnh, cổ vũ tinh thần yêu nước của đông đảo quần chúng; chứng tỏ các giai cấp, tầng lớp trong xã hội là lực lượng cách mạng quan trọng; chứng tỏ khuynh hướng cứu nước dân chủ tư sản hoàn toàn bất lực trước nhiệm vụ cứu nước, khuynh hướng vô sản ngày càng thắng thế trong phong trào dân tộc dân chủ, chuẩn bị một số tiền đề cần thiết cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam,…

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học để kể được tên một số thanh niên, trí thức đã tham gia tích cực vào phong trào dân tộc dân chủ (1918 –1930) và xây dựng poster giới thiệu về một nhân vật mà mình ấn tượng.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện ở nhà: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet, hãy kể tên một số thanh niên, trí thức đã tham gia tích cực vào phong trào dân tộc dân chủ (1918 – 1930) và xây dựng poster giới thiệu về một nhân vật mà mình ấn tượng*.

+ GV hướng dẫn HS giới thiệu về một số nhân vật như Nguyễn An Ninh, Trần Huy Liệu, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Đức Cảnh,...

+ Poster giới thiệu về nhân cần nêu được: tên nhân vật, tiểu sử nhân vật, đóng góp tiêu biểu,...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS sưu tầm tư liệu về một số nhân vật theo hướng dẫn của GV để thực hiện nhiệm vụ. ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS trao đổi sản phẩm, nhận xét và đánh giá chéo hoặc thu sản phẩm của HS để lấy điểm ĐGTX.

Bước 4: Kết luận, đánh giá

GV nhận xét, đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ ở nhà của HS.

BÀI 6. HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC VÀ SỰ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930.

– Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc tự làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh…), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng; từ đó đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng lòng khâm phục, kính yêu đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và các chiến sĩ cách mạng; củng cố niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Tư liệu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị thành lập Đảng,…– Phiếu học tập.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Giúp cho HS nhận biết được các yêu cầu cần đạt của bài học.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV gọi 1 HS đọc bốn câu thơ bài thơ Người đi tìm hình của nước của Chế Lan Viên trong SGK và nêu câu hỏi: *Những câu thơ nói đến sự kiện nào trong hành trình đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc? Tài liệu mà Nguyễn Ái Quốc đọc được là gì? Hãy chia sẻ điều em biết về quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1918 đến năm 1930.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS đọc SGK, suy nghĩ để trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

HS chia sẻ hiểu biết về bài thơ *Người đi tìm hình của nước* và sự kiện Nguyễn Ái Quốc đọc được Luận cương.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

Trên cơ sở phần trả lời của HS, GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1918 đến năm 1930

a) Mục tiêu

HS trình bày được những hoạt động chính của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc từ năm 1918 đến năm 1930, từ đó rút ra được vai trò của người đối với cách mạng Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS: *Nêu những nét chính về quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930*. Với hoạt động này, GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: *Tìm hiểu hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp*.

+ Nhóm 2: *Tìm hiểu hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Liên Xô*.

+ Nhóm 3: *Tìm hiểu hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Trung Quốc*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

Các nhóm HS trình bày kết quả trước lớp. GV định hướng để các nhóm rút ra được vai trò của Nguyễn Ái Quốc: Tại Pháp, Người đã tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam đó là con đường cách mạng vô sản. Tại Liên Xô, Người đã truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin về trong nước thông qua việc viết bài cho tạp chí, báo. Tại Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc thành lập và lãnh đạo Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chuẩn bị điều kiện thành lập chính đảng vô sản.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV kết luận: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp, Liên Xô, Trung Quốc là quá trình tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc và tích cực chuẩn bị toàn diện từ tư tưởng đến tổ chức, cán bộ cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nama) Mục tiêu

HS nêu được nét chính về quá trình thành lập và ý nghĩa sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu: *Nêu quá trình thành lập và ý nghĩa sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS thảo luận cặp đôi, đọc thông tin trong mục để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi một số cặp đôi trình bày kết quả thảo luận trước lớp, các cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét phần trình bày của HS và chốt kiến thức: Trong những năm 1928 – 1929, chủ nghĩa Mác – Lê-nin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam, thúc đẩy phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ, dẫn đến sự ra đời của 3 tổ chức Đảng ở Việt Nam là: Đông Dương Cộng sản Đảng (6 – 1929), An Nam Cộng sản Đảng (8 – 1929) và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9 – 1929). Ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời trong năm 1929 đã chứng tỏ sự trưởng thành của giai cấp công nhân và là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. **** Bước 5: Mở rộng***

GV cho HS làm việc cá nhân nêu quan điểm: *Theo em việc ba tổ chức cộng sản ra đời cho thấy điều gì? Gợi ý*: Ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời trong năm 1919 đã chứng tỏ sự trưởng thành của giai cấp công nhân và là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến cuối năm 1929, ba tổ chức cộng sản được thành lập ở Việt Nam khẳng định hệ tư tưởng cộng sản đã chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc. Tính độc lập của phong trào công nhân cùng sự tồn tại của các tổ chức cộng sản là những dấu hiệu chứng tỏ cuộc vận động cách mạng đang trưởng thành, đó là điều kiện cốt yếu để tổ chức ra Đảng Cộng sản.

2.2.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Mục tiêu

HS nêu được nét chính về quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; từ đó đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS làm cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Khai thác tư liệu và thông tin trong mục, nêu quá trình thành lập, ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*.

+ GV có thể đặt một số câu hỏi gợi ý để HS nêu được quá trình thành lập: *Theo em, Hội nghị thành lập Đảng thành công nhờ những yếu tố nào? Vì sao chỉ có Nguyễn Ái Quốc mới có thể thống nhất các tổ chức cộng sản?*

+ Về ý nghĩa việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu, tìm ra các từ khoá quan trọng để rút ra ý nghĩa.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS khai thác thông tin trong SGK để thực hiện nhiệm vụ.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi một số HS trả lời trước lớp.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét kết quả làm việc của HS và nhấn mạnh: Sự ra đời của các tổ chức cộng sản đã tác động tích cực tới phong trào cách mạng trong nước. Tuy nhiên, ba tổ chức này hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng với nhau, làm cho phong trào cách mạng trong nước có nguy cơ dẫn đến chia rẽ lớn. Trước yêu cầu đó, Nguyễn Ái Quốc với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản đã triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản tại Hương Cảng (Trung Quốc) vào đầu năm 1930. Hội nghị đã thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất là Đảng

Cộng sản Việt Nam; thông qua *Chính cương vắn tắt*, *Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo; định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước;...

Hội nghị có ý nghĩa như Đại hội thành lập Đảng. Các văn kiện được thông qua tại Hội nghị trở thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, đề ra đường lối cơ bản cho cách mạng Việt Nam.

3. Hoạt động luyện tập

Câu 1.

a) Mục tiêu

Giúp HS tổng hợp lại kiến thức vừa học để đánh giá vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: *Đánh giá vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS dựa vào thông tin bài học để rút ra được vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV HS chia sẻ ngay tại lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV gọi 2 – 3 nhận xét, sau đó nhấn mạnh vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là người trực tiếp tổ chức các lớp học đào tạo cán bộ về lí luận cách mạng vô sản tại Quảng Châu, từng bước tháo gỡ những bất đồng của các tổ chức cộng sản để thống nhất thành lập một tổ chức Đảng ở Việt Nam. **Câu 2.**

a) Mục tiêu

HS biết tổng hợp lại kiến thức đã học để tìm dẫn chứng làm sáng tỏ nhận định.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) thực hiện yêu cầu: *Từ thông tin trong bài, hãy làm sáng tỏ nhận định: "Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt lịch sử chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam*".

GV hướng dẫn HS nêu sự khủng hoảng của cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX, từ đó thấy được ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS có thể tìm hiểu thêm về một số thắng lợi của cách mạng Việt Nam sau khi Đảng ra đời làm dẫn chứng cho vai trò lãnh đạo quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV kết luận: Đảng Cộng sản ra đời đã tìm ra đường lối cứu nước cho dân tộc là con đường cách mạng vô sản; giai cấp lãnh đạo là giai cấp vô sản với "đội tiên phong" là Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập. ***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS thực hiện ở nhà: *Sưu tầm thông tin từ sách, báo, internet, thiết kế sơ đồ tư duy hoặc inforgraphic giới thiệu những sự kiện chính trong hành trình tìm đường cứu nước, hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1918 đến năm 1930*.

– GV hướng dẫn HS thực hiện như sau:

+ Sưu tầm thông tin từ sách, báo, internet những hình ảnh, nội dung tiêu biểu trên chặng đường hoạt động cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc.

+ Nội dung sơ đồ hoặc poster nêu được: thời gian, địa điểm, hoạt động tiêu biểu của Nguyễn Ái Quốc trong hành trình tìm đường cứu nước và ý nghĩa của những hoạt động đó đối với cách mạng Việt Nam.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

– HS lựa chọn sơ đồ tư duy hoặc inforgraphic để giới thiệu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức HS trình bày sản phẩm trên lớp hoặc thu lại sản phẩm để chấm lấy điểm ĐGTX.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và đánh giá kết quả làm việc ở nhà của cả lớp.

BÀI 7. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM THỜI KÌ 1930 – 1939

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc khai thác và sử dụng được một số thông tin, tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV để hình thành kiến thức mới và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939.

3. Về phẩm chất

– Sự khâm phục tinh thần đấu tranh anh dũng của quần chúng công nông và các chiến sĩ cộng sản.

– Bồi dưỡng lòng yêu nước, từ đó xác định được trách nhiệm của bản thân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Bảng thống kê, tranh, ảnh, video,... về phong trào cách mạng thời kì 1930 – 1939.

− Lược đồ phong trào Xô viết Nghệ − Tĩnh (1930 − 1931).

− Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để tổ chức hoạt động mở đầu cho HS.

– Phương án 2: GV có thể cho HS xem một đoạn phim tư liệu như: Sáng mãi ngọn lửa Xô viết Nghệ Tĩnh, Xô viết Nghệ Tĩnh – Sức mạnh quần chúng làm nên lịch sử,... sau đó thực hiện yêu cầu: *Đoạn phim nói đến sự kiện lịch sử nào? Chia sẻ điều em biết về sự kiện đó*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Phương án 1: HS quan sát hình, suy nghĩ để trả lời.

– Phương án 2: HS xem phim, suy nghĩ để trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS lần lượt chia sẻ hiểu biết.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV chọn ý, định hướng nội dung tìm hiểu và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt đông 1: Tìm hiểu phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1931

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nguyên nhân bùng nổ của phong trào cách mạng 1930 – 1931 a) Mục tiêu

HS nêu được nguyên nhân (khách quan, chủ quan) dẫn đến sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 – 1931.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu: *Trình bày nguyên nhân của phong trào cách mạng 1930 – 1931.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi.

– HS làm việc theo quy trình sau:

+ HS làm việc cá nhân đọc thông tin trong bài, ghi lại ý trả lời ra giấy nhớ.

+ HS trao đổi với bạn cùng cặp và thống nhất ý kiến.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi bất kì một số cặp đôi trình bày kết quả trước lớp. Các cặp đôi khác lắng nghe, góp ý, bổ sung.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV kết luận: Nguyên nhân bùng nổ của phong trào cách mạng 1930 – 1931 là do tác động của khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đã làm cho mâu thuẫn trong xã hội ngày càng sâu sắc, nổi lên với hai mâu thuẫn cơ bản là: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến. Trong bối cảnh đó, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã kịp thời lãnh đạo cách mạng và đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên phạm vi toàn quốc.

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 – 1931 a) Mục tiêu

HS trình bày được diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 – 1931; nêu được những biểu hiện chứng tỏ Xô viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1391.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành các nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để hoàn thành Phiếu học tập về diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 – 1931.

– Nhiệm vụ 2: Sau khi các nhóm hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu các nhóm tiếp tục thảo luận: *Nêu những biểu hiện nào chứng tỏ Xô viết Nghệ – Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931*?

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS khai thác thông tin trong SGK để hoàn thiện Phiếu học tập.

– Nhiệm vụ 2: HS khai thác lược đồ và thông tin trong SGK nêu được những biểu hiện chứng tỏ Xô viết Nghệ – Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– GV mời đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm.

– Gợi ý sản phẩm:

+ Nhiệm vụ 1:

PHIẾU HỌC TẬP	
Thời gian	**Diễn biến chính**
Đầu năm 1930	Một số cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác đã nổ ra với mục tiêu đòi cải thiện đời sống, đòi tăng lương, giảm giờ làm, giảm sưu thuế.
Giữa năm 1930	– Phong trào phát triển mạnh mẽ trong phạm vi cả nước. Đến tháng 9 và tháng 10 – 1930, phong trào đạt đến đỉnh cao, quyết liệt nhất là ở Nghệ An và Hà Tĩnh.
	– Những cuộc biểu tình của nông dân ở Nam Đàn, Thanh Chương, Diễn Châu, Nghi Lộc,... được sự hưởng ứng của công nhân Vinh – Bến Thuỷ đã làm bộ máy chính quyền của thực dân và phong kiến tay sai ở nhiều huyện bị tê liệt, ở một số thôn, xã bị tan rã. – Chính quyền nhân dân được thành lập ở một số thôn, xã của Nghệ An, Hà Tĩnh dưới hình thức các xô viết. Chính quyền Xô viết đã ban hành và thực hiện các chính sách tiến bộ.
Ngày 12 – 9 – 1930	Thực dân Pháp cho máy bay ném bom tàn sát cuộc biểu tình của 8 000 nông dân Hưng Nguyên.
Đầu năm 1931	Thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp, khủng bố phong trào. Nhiều tổ chức của Đảng bị phá vỡ, hàng vạn cán bộ, đảng viên, người yêu nước bị bắt giam.

+ Nhiệm vụ 2:

Những biểu hiện chứng tỏ Xô viết Nghệ – Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931: Nghệ An, Hà Tĩnh là địa bàn diễn ra sôi nổi, liên tục các cuộc bãi công của công nhân, biểu tình của nông dân; công nhân và nông dân đã liên kết, hưởng ứng phong trào của nhau làm cho bộ máy chính quyền của thực dân và phong kiến tay sai ở nhiều huyện tê liệt, ở một số thôn, xã bị tan rã. Tại đó, chính quyền nhân dân được thành lập dưới hình thức các xô viết. Chính quyền Xô viết là biểu hiện đỉnh cao của cao trào Xô viết Nghệ – Tĩnh với việc ban hành và thực hiện nhiều chính sách tiến bộ: ban bố các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân (về chính trị); chia ruộng đất công, bãi bỏ các thứ thuế vô lí, thực hiện giảm tô và xoá nợ cho dân nghèo (về kinh tế); tổ chức đời sống mới, mở các lớp dạy chữ Quốc ngữ, xoá bỏ các tệ nạn xã hội,... (về văn hoá, xã hội),... Xô viết Nghệ – Tĩnh thật sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng (chính quyền của dân, do dân và vì dân).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV kết luận: Phong trào cách mạng 1930 – 1931 đã khẳng định vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng. Từ trong phong trào, khối liên minh công – nông được hình thành, để lại nhiều bài học quý báu cho phong trào cách mạng sau này.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu phong trào cách mạng trong những năm 1936 – 1939

a) Mục tiêu

HS nêu được nguyên nhân (quốc tế, trong nước) và diễn biến, ý nghĩa của phong trào cách mạng 1936 – 1939.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong mục để thực hiện yêu cầu: *Trình bày nguyên nhân, diễn biến chính, ý nghĩa của phong trào cách mạng 1936 – 1939.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin trong SGK để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– GV gọi bất kì 3 HS, mỗi HS trình bày một nội dung:

+ Nội dung 1: Trình bày nguyên nhân.

+ Nội dung 2: Trình bày diễn biến.

+ Nội dung 3: Trình bày ý nghĩa.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV kết luận: Phong trào dân chủ 1936 – 1939 là cuộc diễn tập cho Cách mạng tháng Tám năm 1945. Đặc biệt, phong trào Đông Đương đại hội là phong trào đấu tranh rộng lớn đầu tiên của quần chúng, mở đầu cho một cao trào vận động cách mạng mới ở Việt Nam.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS phát triển năng lực tìm hiểu, nhận thức và tư duy lịch sử. khái quát được hai phong trào cách mạng – hai cuộc tập dượt cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: *Hoàn thành bảng về phong trào cách mạng 1930 – 1931 và 1936 – 1939*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS lập và hoàn thành bảng theo gợi ý trong SGK vào vở.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS trình bày bảng đã hoàn thành ngay tại lớp hoặc cho HS trao đổi bảng và đánh giá, chấm điểm lẫn nhau theo tiêu chí sau.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM BẢNG HỆ THỐNG			
STT	**Tiêu chí**		**Điểm**
1	Nội dung	Nêu được đủ các nội dung so sánh của hai phong trào cách mạng	4 điểm (thiếu 1 ý trừ 0,5 điểm)
		Bố cục mạch lạc, lô gíc.	1
2	Hình thức	Sơ đồ trình bày đẹp, chữ viết rõ ràng, sạch sẽ.	1
		Có sử dụng hình ảnh minh hoạ.	1
3	Báo cáo (nếu có)	Trình bày rõ ràng, tự tin.	1
		Trả lời được câu hỏi thêm của GV hoặc bạn học (điểm cộng).	1

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và chuẩn kiến thức: Do bối cảnh lịch sử, ngay khi mới ra đời Đảng đã tập dượt lãnh đạo quần chúng đấu tranh và đã nhạy bén chuyển hướng chỉ đạo chiến lược quan trọng nhằm giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng. Sau đó, GV chốt lại nội dung bảng:

Nội dung so sánh	**Phong trào cách mạng 1930 – 1931**	**Phong trào cách mạng 1936 – 1939**
Kẻ thù	Thực dân Pháp và địa chủ phong kiến.	Thực dân Pháp phản động và bè lũ tay sai.
Nhiệm vụ	Độc lập dân tộc và người cày có ruộng	Tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình
Hình thức, phương	Bạo lực cách mạng, vũ trang, bí mật, bất hợp pháp: bãi	Đấu tranh chính trị hoà bình, công

pháp đấu tranh	công, biểu tình, đấu tranh vũ trang,…	khai hợp pháp, nửa hợp pháp; công khai, nửa công khai,...
Lực lượng tham gia	Chủ yếu là công nhân, nông dân.	Đông đảo các tầng lớp nhân dân, không phân biệt thành phần giai cấp, tôn giáo, chính trị.
Ý nghĩa	Khẳng định vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng. Từ trong phong trào, khối liên minh công – nông được hình thành, để lại nhiều bài học quý báu cho phong trào cách mạng sau này.	Buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh, dân chủ để lại bài học kinh nghiệm về lãnh đạo và đấu tranh. Là cuộc diễn tập cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Giúp HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức đã học và tìm hiểu lịch sử địa phương. Từ đó, giúp HS hiểu rõ về lịch sử dân tộc.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS thực hiện ở nhà: *Tìm hiểu và cho biết ở địa phương em (tỉnh hoặc thành phố) trong những năm 1930 – 1931 và 1936 – 1939 đã diễn ra những cuộc đấu tranh nào?*

+ GV hướng dẫn sưu tầm các tư liệu liên quan (tư liệu viết, hình ảnh,...) về những cuộc đấu tranh tiêu biểu trong phong trào cách mạng 1930 – 1931 và 1936 – 1939.

+ HS có thể giới thiệu về những cuộc đấu tranh đó theo dàn ý: Tên cuộc đấu tranh, nơi diễn ra, thành phần tham gia, diễn biến chính, những dấu tích còn lại đến ngày nay.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV cho HS nộp lại bài tập đã thực hiện ở nhà.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và đánh giá sản phẩm của HS.

BÀI 8. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản.

– Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước.

– Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

– Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết khai thác và sử dụng tư liệu lịch sử trong bài học dưới sự hướng dẫn của GV; tìm kiếm, sưu tầm được tư liệu để phục vụ cho bài học và thực hiện các hoạt động thực hành, vận dụng.

– Năng lực nhận thức lịch sử: nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản, trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.

3. Về phẩm chất

– Cảm phục, trân trọng tinh thần yêu nước, hi sinh quên mình vì nền độc lập, tự do dân tộc của các nhà cách mạng tiêu biểu, của nhân dân Việt Nam.

– Phát huy truyền thống yêu nước, đại đoàn kết dân tộc, xác định được trách nhiệm của bản thân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Lược đồ diễn biến Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

– Bảng thống kê, tranh, ảnh về những chuyển biến của tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật, về công cuộc chuẩn bị tổng khởi nghĩa trong cả nước và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945,...

– Phim tài liệu về Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, Phiếu học tập.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng nội dung phần Mở đầu trong SGK để tổ chức vào bài học mới cho HS.

– Phương án 2: GV có thể cho HS quan sát hình ảnh về một số di tích, sự kiện, nhân vật tiêu biểu gắn với lịch sử Việt Nam những năm 1939 – 1945 hoặc Cách mạng tháng Tám 1945 để trả lời câu hỏi: *Các hình ảnh đó liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử trọng đại nào?,...*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS dựa vào những hiểu biết của mình để trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, góp ý, bổ sung ý kiến (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, chọn ý trả lời của HS để dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản

a) Mục tiêu

HS nêu được nét chính về tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật Bản trong những năm 1939 – 1945 và một số cuộc đấu tranh vũ trang đầu tiên chống lại đế quốc, phát xít và tay sai.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về một lĩnh vực để hoàn thiện Phiếu học tập dưới đây:

PHIẾU HỌC TẬP

Lĩnh vực	Nét chính về tình hình Việt Nam dưới ách thống trị
Chính trị	
Kinh tế	

Xã hội	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS đọc kĩ nội dung trong SGK, căn cứ vào yêu cầu của Phiếu học tập và định hướng của GV, cùng thảo luận và hoàn thiện Phiếu học tập.

– Thống nhất nội dung và cử đại diện báo cáo kết quả.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe phần trình bày của nhóm bạn và nhận xét, bổ sung (nếu có).

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét kết quả làm việc của HS dựa trên Phiếu học tập đã hoàn thành và chốt lại nội dung chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật trong những năm 1939 – 1945.

PHIẾU HỌC TẬP	
Lĩnh vực	**Nét chính về tình hình Việt Nam dưới ách thống trị**
Chính trị	Phát xít hoá bộ máy cai trị, đàn áp phong trào cách mạng, thủ tiêu quyền lợi của mà nhân dân Việt Nam giành được trong giai đoạn 1939 – 1945.
Kinh tế	Thực hiện chính sách "kinh tế chỉ huy", tăng thuế, nhổ lúa trồng đay, thu mua lương thực giá rẻ.
Xã hội	Nạn đói nghiêm trọng ở Bắc Kì và Bắc Trung Kì vào cuối năm 1944 – đầu năm 1945. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc và tay sai trở nên gay gắt.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc

a) Mục tiêu

HS nêu được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu câu hỏi: *Công cuộc chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc diễn ra như thế nào?*

GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về một nội dung nổi bật trong công cuộc chuẩn bị cho cách mạng theo định hướng như sau:

+ Nhóm 1: *Hãy cho biết nội dung chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương trong những năm 1939 – 1941. Lấy dẫn chứng từ tư liệu 1 để chứng minh.*

+ Nhóm 2: *Công cuộc chuẩn bị lực lượng diễn ra và đạt được kết quả như thế nào? Mặt trận Việt Minh có vai trò như thế nào trong công cuộc chuẩn bị đó?*

+ Nhóm 3: *Cao trào kháng Nhật, cứu nước và những hoạt động chuẩn bị cuối cùng tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền diễn ra như thế nào?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm dựa vào nội dung trong SGK, kết hợp khai thác kênh hình, tư liệu viết (nếu có) để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận trước lớp.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời của các nhóm và chốt lại kiến thức về sự chuẩn bị toàn diện của Đảng và nhân dân ta cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

a) Mục tiêu

HS trình bày được diễn biến chính của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Từ đó, HS đánh giá được vai trò của Đảng trong lãnh đạo Tổng khởi nghĩa.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV chia lớp thành 3 nhóm, khai thác thông tin và hình ảnh trong SGK, thực hiện các nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: *Tìm hiểu và nêu vắn tắt bối cảnh lịch sử và chủ trương, hoạt động của Đảng, Mặt trận Việt Minh trong nửa đầu tháng 8 – 1945.*

+ Nhóm 2: *Tìm hiểu và trình bày diễn biến chính của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (trên lược đồ nếu có).*

+ Nhóm 3: *Tìm hiểu và cho biết nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời như thế nào. Khai thác Tư liệu 3 và cho biết tư liệu phản ánh điều gì?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Các nhóm khai thác thông tin trong SGK (kênh chữ, kênh hình) và các tư liệu khác (nếu có), cùng thảo luận, thống nhất nội dung báo cáo.

– Trong quá trình HS thảo luận, GV theo dõi và kịp thời hỗ trợ, có thể mở rộng kiến thức thông qua việc cung cấp thêm một số thông tin và trả lời một số câu hỏi.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV mời đại diện các nhóm trả lời, các nhóm khác theo dõi, góp ý hoàn thiện nội dung.

+ Với yêu cầu của nhóm 1: GV hướng dẫn HS khai thác tư liệu về các sự kiện liên quan được đề cập trong SGK, giới thiệu thêm về di tích Đình Tân Trào (Hình 8.3).

+ Với yêu cầu của nhóm 2: GV chuẩn bị sẵn lược đồ thể hiện diễn biến chính của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 để HS có thể trình bày diễn biến trên lược

đồ; cung cấp thêm tư liệu về khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Sài Gòn, giới thiệu thêm về cuộc mít tinh của nhân Hà Nội tại quảng trường Nhà hát Lớn (Hình 8.4), lấy ví dụ về khởi nghĩa diễn ra tại chính địa phương,...

+ Với yêu cầu của nhóm 3: GV có thể cung cấp thêm tư liệu về việc Bác Hồ soạn thảo và đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, giới thiệu thêm cho HS về sự kiện ở Hình 8.5.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá hoạt động và sản phẩm của HS, những nội dung HS đã làm tốt GV chốt để HS ghi bài. Đồng thời, GV bổ sung và nhấn mạnh thêm những nội dung HS chưa trình bày được.

2.4. Hoạt động 4: Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Mục tiêu

HS trình bày được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Hãy nêu nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS khai thác nội dung trong SGK để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi bất kì 1 – 2 HS nêu nguyên nhân, 1 – 2 HS khác nêu ý nghĩa.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét phần trình bày của HS và chuẩn kiến thức. GV có thể phân tích thêm về nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa của sự kiện thông qua các ví dụ, dẫn chứng cụ thể, giúp HS dễ hình dung và nhận thức sâu sắc hơn vấn đề.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Củng cố kiến thức đã học, phát triển năng lực thực hành, khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các nhiệm vụ học tập.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: *Lập bảng thống kê về những sự kiện chính trong Cách mạng tháng Tám năm 1945*.

– Nhiệm vụ 2: GV cho HS thảo luận nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để thực hiện yêu cầu: *Nêu vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS lập bảng thống kê về các sự kiện chính theo gợi ý trong SGK.

– Nhiệm vụ 2: HS thảo luận nhóm về vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– GV gọi 2 – 3 HS báo cáo sản phẩm.

+ Nhiệm vụ 1: GV tổ chức cho HS trao đổi bảng đã hoàn thành, đánh giá, nhận xét chéo sản phẩm theo tiêu chí sau.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM BẢNG THỐNG KÊ			
STT	**Tiêu chí**		**Điểm**
1	Nội dung	Nêu được đủ các sự kiện chính trong Cách mạng tháng Tám	4 điểm (thiếu 1 ý trừ 0,5 điểm)
		Bố cục mạch lạc, lô gíc.	1
2	Hình thức	Sơ đồ trình bày đẹp, chữ viết rõ ràng, sạch sẽ.	1
		Có sử dụng hình ảnh minh hoạ.	1
3	Báo cáo	Trình bày rõ ràng, tự tin.	1
		Trả lời được câu hỏi thêm của GV hoặc bạn học (điểm cộng).	1

+ Nhiệm vụ 2: HS khái quát, tổng hợp lại kiến thức vừa được học để đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là tổ chức quần chúng, tập dượt đấu tranh, chuẩn bị khởi nghĩa, chớp thời cơ kịp thời và phát động Tổng khởi nghĩa,...

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức đã học về Cách mạng tháng Tám để tìm hiểu lịch sử địa phương.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà, thực hiện nhiệm vụ: *Tìm hiểu và chia sẻ thông tin về cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945 ở địa phương em (tỉnh hoặc thành phố)*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS chuẩn bị nội dung giới thiệu về cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở địa phương.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả vào thời gian phù hợp.

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu của HS.

CHƯƠNG 3 THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

BÀI 9. CHIẾN TRANH LẠNH (1947 – 1989)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện nhiệm vụ mang tính thực tiễn.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử qua khai thác, nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh…), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc lập bảng tóm tắt nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải thích một số vấn đề ngày nay liên quan đến nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng các phẩm chất khách quan, trung thực, có ý thức tìm hiểu lịch sử. Qua đó, HS biết phê phán, lên án thái độ thù địch, hoạt động chạy đua vũ trang, chiến tranh, xung đột; ủng hộ hoà bình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Bản đồ "Bức màn sắt" ở châu Âu, Lược đồ sự phân chia thế giới trong Chiến tranh lạnh.

– Tranh, ảnh, các tư liệu về Chiến tranh lạnh.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động Mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV yêu cầu HS đọc nhận định mở đầu bài học trong SGK để thực hiện yêu cầu: *Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.*

– Phương án 2: GV giới thiệu: Trong tác phẩm *Cuộc đối đầu lớn*, xuất bản năm 1948, Rây-mân A-ron – một nhà chính trị học, sử học, xã hội học người Pháp đã nhận định về tình hình quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai: "Hoà bình là bất khả thi, chiến tranh không thể xảy ra". Tháng 8 – 1945, chiến tranh đã kết thúc, hoà bình đã được lập lại. GV tổ chức trao đổi nhanh để HS trả lời câu hỏi: *Vì sao Rây-mân A-ron lại nhận định như vậy? Em hiểu như thế nào về nhận định đó? Chiến tranh lạnh là gì? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Phương án 1: HS ghi vào bảng biết – thắc mắc – hiểu (K-W-L).

Biết (K) – Những điều em đã biết về nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả Chiến tranh lạnh; thắc mắc (W) – Những điều em muốn biết về Chiến tranh lạnh. Cuối tiết học em hãy ghi vào cột Hiểu (L) những điều em học được về nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả Chiến tranh lạnh.

Biết	Thắc mắc	Hiểu

– Phương án 2: HS suy nghĩ để ghi ra giấy nháp câu trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV chốt ý và dẫn vào bài. GV chủ yếu gợi mở từ hiểu biết của HS, giúp HS định hướng nội dung chính sẽ tìm hiểu trong bài học.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động : Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh

a) Mục tiêu

HS nhận biết và trình bày được nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh. ***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Hãy trình bày nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS khai thác thông tin, tư liệu trong SGK, tìm ra các từ khoá để trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung ý kiến (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời và chốt lại nội dung về nguyên nhân dẫn đến bùng nổ Chiến tranh lạnh (bao gồm cả khách quan và chủ quan):

+ Nguyên nhân khách quan: Do sự đối lập về hệ tư tưởng giữa chủ nghĩa tư bản (bảo vệ chế độ tư hữu, nền dân chủ tư sản,...) và chủ nghĩa xã hội (hướng tới xác lập chế độ công hữu, nền dân chủ cho quần chúng nhân dân. Chính sự đối lập này mà ngay từ khi nước Nga Xô viết mới ra đời đã bị bao vây, cấm vận, chống phá bởi các nước tư bản chủ nghĩa. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, trước sức mạnh to lớn của lực lượng phát xít, quân phiệt và để ngăn chặn chiến tranh lan rộng, các nước tư bản dân chủ (Mỹ, Anh) mới chịu hợp tác với Liên Xô trong Mặt trận Đồng minh. Mặc dù là đồng minh, nhưng cả hai vẫn không tránh khỏi sự nghi kị lẫn nhau.

+ Nguyên nhân chủ quan: Liên Xô trên đường phản công chủ nghĩa phát xít đã giúp đỡ các nước Đông Âu lật đổ sự thống trị của chủ nghĩa phát xít hoặc lực lượng thân phát xít, thành lập các nhà nước dân chủ nhân dân, đi theo con đường xã hội chủ nghĩa (từ năm 1944 đến năm 1946). Mỹ và các nước phương Tây lo ngại về sự tồn tại và ngày càng lớn mạnh của Liên Xô về kinh tế, chính trị, quân sự, đã từng đánh bại được phát xít Đức và khả năng mở rộng ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ra bên ngoài Liên Xô. Riêng Mỹ (trong lúc các cường quốc tư bản Tây Âu suy yếu sau chiến tranh) có tham vọng mở rộng ảnh hưởng và làm bá chủ thế giới. Tháng 3 – 1947, Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man công khai thực hiện Chiến lược toàn cầu, công khai từ bỏ hợp tác với Liên Xô trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế như đã từng diễn ra trong Chiến tranh thế giới thứ hai và bắt đầu cuộc Chiến tranh lạnh chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu những biểu hiện của Chiến tranh lạnh

a) Mục tiêu

HS nhận biết và trình bày được những biểu hiện của Chiến tranh lạnh.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi thực hiện yêu cầu: *Trình bày một số biểu hiện chính của Chiến tranh lạnh.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc cặp đôi, đọc thông tin trong bảng một số biểu hiện về sự đối đầu giữa các nước tư bản chủ nghĩa, kết hợp tư liệu để tìm ra được những biểu hiện chính của Chiến tranh lạnh.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– GV gọi 1 – 2 cặp đôi trình bày trước lớp và gọi một số cặp đôi khác nhận xét, góp ý thể bổ sung.

– Gợi ý các biểu hiện của Chiến tranh lạnh:

+ Về kinh tế: Mỹ đề ra và thực hiện kế hoạch Mác-san (1947 – 1952), đầu tư khoảng 13 tỉ USD cho 16 nước Tây Âu phục hồi kinh tế. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu (An-ba-ni, Ba Lan, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Tiệp Khắc, Ru-ma-ni) thành lập Hội đồng tương trợ Kinh tế – SEV (1949) nhằm thúc đẩy sự hợp tác, thúc đẩy lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa. Sau đó, một số nước xã hội chủ nghĩa khác cũng gia nhập: Cộng hoà Dân chủ Đức (1950), Mông Cổ (1962), Cu-ba (1972), Việt Nam (1978).

+ Về chính trị – quân sự: Mỹ và các nước tư bản (Anh, Pháp, I-ta-li-a, Ca-na-đa, Hà Lan, Na-uy, Đan Mạch, Bỉ, Lúc-xăm-bua, Bồ Đào Nha, Ai-xơ-len) thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương – NATO (1949), sau đó một số nước cũng gia nhập: Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ (1952) và Cộng hoà Liên bang Đức (1955). Ngoài ra, Mỹ còn lôi kéo đồng minh, thành lập liên minh chính trị – quân sự ở các khu vực khác, như khối ANZUS (1951) ở Nam Thái Bình Dương, khối SEATO (1954) ở Đông Nam Á, khối CENTO ở Trung Cận Đông.

Liên Xô và các nước Đông Âu (An-ba-ni, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Ba Lan, Cộng hoà Dân chủ Đức, Tiệp Khắc, Ru-ma-ni) thành lập liên minh phòng thủ về chính trị – quân sự – Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va (1955).

Mỹ chế tạo thành công bom nguyên tử (1945), phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1958);... Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949), phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1957),...

+ Mở rộng ảnh hưởng ở các khu vực: Ở Đức: Mỹ ủng hộ thành lập Nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức ở Tây Đức (9 – 1949). Liên Xô ủng hộ lực lượng dân chủ thành lập Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Đức ở Đông Đức (10 – 1949). Tại Triều Tiên: Mỹ ủng hộ thành lập Nhà nước Đại Hàn Dân Quốc ở phía nam Hàn Quốc (8 – 1948), còn Liên Xô ủng hộ thành lập Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên ở phía bắc (9 – 1948). Sự can thiệp của cả hai bên đã dẫn đến cuộc chiến tranh giữa Hàn Quốc – Triều Tiên (1950 – 1953). Cả hai bên đều viện trợ tài chính, quân sự và trực tiếp tham chiến (quân đội Mỹ và quân đội Trung Quốc) trong cuộc chiến tranh này.

Tại Cu-ba: Mỹ hỗ trợ lực lượng phản động tấn công vào bãi biển Hi-rôn nhằm lật đổ Chính phủ (1961) và tiến hành phong toả hải quân đối với Cu-ba (10 – 1962). Đối lập với hành động của Mỹ, Liên Xô đã hỗ trợ kinh tế cho Chính phủ Cu-ba, thậm chí đưa quân đội thường trực và một số tên lửa hạt nhân vào Cu-ba (10 – 1962). Sở dĩ Liên Xô đưa tên lửa hạt nhân vào Cu-ba là để đáp trả lại việc Mỹ triển khai tên lửa tầm trung ở Thổ Nhĩ Kỳ, đe doạ an ninh "sát sườn" của Liên Xô. Sự đối

đầu giữa Mỹ và Liên Xô ở Cu-ba đã đẩy Chiến tranh lạnh trở nên hết sức nghiêm trọng và "nóng" hơn bao giờ hết, quân đội của hai nước, của hai khối NATO và Vác-sa-va đều được đặt trong tình trạng khẩn cấp. Một cuộc chiến tranh hạt nhân rất có thể bị kích hoạt bởi động thái của cả hai. Cuối cùng, hai bên đã đàm phán và thương lượng: Liên Xô rút tên lửa, quân đội ra khỏi Cu-ba và Mỹ hứa từ bỏ kế hoạch xâm lược Cu-ba, đồng thời rút tên lửa khỏi Thổ Nhĩ Kỳ.

Tại Việt Nam: Mỹ can thiệp, giúp Pháp tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam (1950 – 1954), thiết lập, hỗ trợ chính quyền phản cách mạng ở miền Nam, tiến hành chiến tranh xâm lược miền Nam và chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 – 1975). Ngược lại, Liên Xô cùng các nước xã hội chủ nghĩa đã ủng hộ nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp, can thiệp của Mỹ (1950 – 1954); tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, kháng chiến chống Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (1954 – 1975).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời của HS và kết luận: Chiến tranh lạnh là sự đối đầu giữa hai siêu cường (Mỹ và Liên Xô) và hai hệ thống (tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa) trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị – quân sự và can thiệp, mở rộng ảnh hưởng ở các khu vực trên thế giới.

**** Bước 5: Mở rộng***

– GV cho các cặp đôi tiếp tục thảo luận yêu cầu: *Nêu nhận xét về thời gian diễn ra các sự kiện và thái độ, lập trường, hành động của hai phe trong các sự kiện thể hiện sự mở rộng ảnh hưởng ra các khu vực của các nước tư bản chủ nghĩa và các nước xã hội chủ nghĩa.*

+ GV hướng dẫn để HS nêu được:

Về thời gian diễn ra các sự kiện: các sự kiện diễn ra gần nhau, thậm chí cùng thời điểm cho thấy sự phản ứng tức thời giữa các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Ví dụ, ở Đức: tháng 9 – 1949, Mỹ, Anh, Pháp vi phạm cam kết, chia cắt nước Đức, ủng hộ thành lập Nhà nước Cộng hoà Liên bang Đức ở Tây Đức; tháng 10 – 1949, Liên Xô đã giúp đỡ các lực lượng dân chủ thành lập Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Đức ở Đông Đức. Ở Cu-ba: tháng 10 – 1962, khi Liên Xô đưa quân đội thường trực và một số tên lửa hạt nhân vào Cu-ba, ngay lập tức Mỹ thực hiện lệnh phong toả hải quân đối với Cu-ba. Các sự kiện ở Triều Tiên và Việt Nam cũng được phân tích tương tự.

Về thái độ, lập trường, hành động: Hai bên có mục đích, thái độ, lập trường, hành động đối lập nhau như ở Đức, Triều Tiên, Việt Nam, thậm chí hai bên xung đột trực tiếp như chiến tranh ở Triều Tiên,...

2.3. Hoạt động 3. Tìm hiểu hậu quả của Chiến tranh lạnh

a) Mục tiêu

HS nhận biết và nêu được hậu quả của Chiến tranh lạnh.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, thực hiện yêu cầu: *Nêu hậu quả của Chiến tranh lạnh.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS khai thác thông tin trong mục để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 1– 2 HS trả lời và một số HS khác nhận xét, góp ý.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời của HS và phân tích thêm về những hậu quả mà Chiến tranh lạnh để lại:

+ *Thứ nhất*, sự cạnh tranh về kinh tế, chính trị – quân sự, phạm vi ảnh hưởng giữa Mỹ, hệ thống tư bản chủ nghĩa và Liên Xô, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã làm cho tình hình ở nhiều quốc gia, khu vực và toàn thế giới luôn ở trong tình trạng đối đầu, căng thẳng (ở Đức, Triều Tiên, Cu-ba, Việt Nam). Hầu như ở đâu cũng hiện hữu sự đối đầu, đối lập giữa hai phe. Sự đối đầu giữa hai phe, có những thời điểm, ở nhiều nơi đã căng thẳng đến mức làm xuất hiện xung đột, chiến tranh cục bộ, như chiến tranh Triều Tiên, chiến tranh ở Việt Nam,… thậm chí dẫn đến nguy cơ một cuộc chiến tranh thế giới (như cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cu-ba năm 1962, đặt toàn bộ lực lượng quân đội của hai phe ở các khu vực luôn trong tình trạng khẩn cấp, sẵn sàng kích hoạt chiến tranh và vũ khí hạt nhân).

+ *Thứ hai,* Chiến tranh lạnh cũng đưa đến sự chia cắt lãnh thổ, chia rẽ dân tộc, xung đột tôn giáo,… ở nhiều quốc gia, khu vực với hệ luỵ sâu sắc và lâu dài, như nước Đức (1949 – 1989), bán đảo Triều Tiên (1948 đến nay).

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Củng cố lại nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS làm việc nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) thực hiện yêu cầu: *Hoàn thành bảng tóm tắt nguyên nhân, biểu hiện chính và kết quả của Chiến tranh lạnh*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS thảo luận để hoàn thành bảng.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV mời đại diện 2 – 3 nhóm báo cáo. Các nhóm khác nhận xét, góp ý. GV có thể cho các nhóm trao đổi bảng và chấm chéo theo tiêu chí sau.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM (BẢNG TÓM TẮT)

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	Nêu được đủ nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh.	4 (thiếu mỗi ý trừ 0,5 điểm)

		Bố cục mạch lạc, lô gíc.	1
2	Hình thức	Bảng trình bày cân đối, chữ viết rõ ràng, sạch sẽ.	1
		Có sử dụng hình ảnh minh hoạ.	1
3	Báo cáo	Trình bày rõ ràng, tự tin.	1
		Trả lời được câu hỏi thêm của GV hoặc bạn học.	1

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để nêu được một số biểu hiện là hậu quả của Chiến tranh lạnh đối với thế giới hiện nay.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao cho cá nhân hoặc nhóm HS (4 – 6 HS mỗi nhóm) về nhà tìm hiểu từ sách, báo, internet, nêu một số biểu hiện là hậu quả của Chiến tranh lạnh đối với thế giới hiện nay.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– HS tìm hiểu thông tin để nêu được một số biểu hiện như: sự căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên liên quan đến vấn đề hạt nhân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh và hoà bình của khu vực và thế giới,…

– HS trình bày vào vở hoặc tạo ra một sản phẩm riêng.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV dành thời gian trên lớp (nếu có) để HS báo cáo kết quả. Nếu không đủ thời gian trên lớp, GV thu bài đã hoàn thành của HS và chấm lấy điểm ĐGTX.

**** Bước 4*: *Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và đánh giá phần vận dụng của cả lớp.

BÀI 10. LIÊN XÔ VÀ ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.

– Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử qua quan sát tranh, ảnh, khai thác và sử dụng được tư liệu lịch sử về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.

– Năng lực nhận thức lịch sử thông qua việc trình trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 199; giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giới thiệu một số thành tựu tiêu biểu về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô hoặc một nước Đông Âu từ sau năm 1945.

3. Về phẩm chất

– Bài học góp phần bồi dưỡng lòng khâm phục và tự hào về những thành tựu mà nhân dân Liên Xô và các nước Đông Âu đạt được từ năm 1945 đến năm 1991; từ đó nhận thức được sức mạnh, tính ưu việt, đồng thời tránh ngộ nhận, phủ định quá khứ lịch sử và những thành tựu vĩ đại mà nhân dân Liên Xô và các nước Đông Âu đã nỗ lực để đạt được trong giai đoạn này.

– Ý thức trân trọng tình hữu nghị giữa Việt Nam và Liên Xô, các nước Đông Âu.

– Có thái độ khách quan, khoa học về những khuyết điểm, sai lầm của những người lãnh đạo Đảng, Nhà nước Liên Xô và các nước Đông Âu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Tranh, ảnh, lược đồ, tư liệu về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài mới.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS dựa vào những hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi và chia sẻ hiểu biết của mình.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS lên trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý kiến.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời của HS, chọn ý để kết nối vào bài học.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá của Liên Xô

a) Mục tiêu

HS trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu yêu cầu: *Nêu những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá của Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991*. Với hoạt động này, GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một lĩnh vực để hoàn thành Phiếu học tập (theo gợi ý dưới đây).

PHIẾU HỌC TẬP

Lĩnh vực	Nét chính
Chính trị	
Kinh tế	
Văn hoá, xã hội	

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm khai thác thông tin, thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi đại diện từng nhóm lên bảng trình bày.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, sau đó chuẩn nội dung Phiếu học tập.

**** Bước 5: Mở rộng***

– GV cho HS thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu: *Nêu những biểu hiện và giải thích vì sao chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô sụp đổ.*

+ HS khai thác thông tin trong SGK, kết hợp với kiến thức về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991 vừa tìm hiểu để giải quyết yêu cầu. HS nêu được những biểu hiện khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, trong đó quan trọng nhất là chính trị (Đảng Cộng sản bị đình chỉ hoạt động, chính quyền Liên bang tê liệt, các nước cộng hoà tuyên bố độc lập, tách khỏi Liên bang và Goóc-ba-chốp buộc phải từ chức Tổng thống vào ngày 25 – 12 – 1991).

+ HS giải thích được lí do chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô sụp đổ là do mắc phải nhiều sai lầm trong công cuộc cải tổ: thực hiện đa nguyên, đa đảng về chính trị (sai lầm lớn nhất), nóng vội, thiếu đồng bộ về kinh tế, buông lỏng quản lí về văn hoá, dẫn đến khủng hoảng ngày càng trầm trọng đến mức không thể kiểm soát và Liên bang Xô viết tan rã, chủ nghĩa xã hội sụp đổ.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 *a) Mục tiêu*

HS trình bày được nét nổi bật về chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá của các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu yêu cầu: *Nêu những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá của các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.* Với yêu cầu này, GV chia lớp thành 3 nhóm, thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Nhóm 1: *Tìm hiểu về tình hình chính trị của các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.*

+ Nhóm 2: *Tìm hiểu về tình hình kinh tế của các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.*

+ Nhóm 3: *Tìm hiểu về tình hình xã hội và văn hoá của các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm thảo luận, khai thác thông tin, tư liệu trong SGK thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi đại diện từng nhóm lên bảng trình bày nội dung thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác bổ sung, nhận xét, đặt thêm câu hỏi (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, sau đó chốt lại nét nổi bật của các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991:

+ Chính trị: Từ năm 1944 đến năm 1946, nhân dân các nước Đông Âu dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản và sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô đã thành lập các nhà nước dân chủ nhân dân. Riêng ở Đông Đức, Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Đức thành lập năm 1949. Sau đó, các nước Đông Âu đều tiến hành xây dựng chủ

nghĩa xã hội. Đầu những năm 80 của thế kỉ XX, bộ máy nhà nước của các nước Đông Âu bộc lộ rõ sự yếu kém, tạo cơ hội cho các lực lượng đối lập câu kết với nhau, kích động nhân dân đòi thực hiện đa nguyên, đa đảng và tổng tuyển cử tự do. Từ năm 1989, trước sức ép trong nước, ban lãnh đạo các nước Đông Âu phải thực hiện đa nguyên chính trị và tổ chức tổng tuyển cử tự do. Các thế lực chống chủ nghĩa xã hội đã thắng cử, giành được quyền lãnh đạo đất nước và tuyên bố xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa.

+ Kinh tế: Sau khi thành lập nhà nước dân chủ nhân dân, các nước Đông Âu đã thực hiện cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các xí nghiệp lớn của tư bản và tiến hành công nghiệp hoá nhằm xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Các nước hợp tác kinh tế trong Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV). Đầu những năm 70 của thế kỉ XX, các nước Đông Âu đã trở thành những nước công nghiệp hoặc công – nông nghiệp (trước đó đều là những nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu). Từ giữa những năm 70, nền kinh tế suy giảm dần. Hầu hết các nước đều tiến hành cải cách nhưng không cải thiện được tình hình. Từ năm 1988, tất cả các nước Đông Âu đều lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế, thu nhập quốc dân giảm sút nghiêm trọng, nợ nước ngoài gia tăng. Đến năm 1991, SEV bị giải thể.

+ Xã hội: Sau khi Nhà nước dân chủ nhân dân được thành lập, giai cấp bóc lột bị xoá bỏ, công nhân, nông dân và trí thức trở thành những người làm chủ đất nước. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện và nâng cao. Từ cuối những năm 70 đến năm 1990, khủng hoảng kinh tế làm cho đời sống của các tầng lớp nhân dân khó khăn. Niềm tin vào chủ nghĩa xã hội giảm sút và tình trạng bất bình gia tăng. Các cuộc bãi công, biểu tình của công nhân xuất hiện ở nhiều nước Đông Âu.

+ Văn hoá có bước phát triển vượt bậc: xoá được nạn mù chữ được xoá bỏ, thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc và miễn phí. Từ nửa sau những năm 80 đến năm 1991, xuất hiện nhiều ấn phẩm văn hoá có nội dung chống chủ nghĩa xã hội, tuyên truyền chế độ đa nguyên.

**** Bước 5: Mở rộng***

– GV cho HS làm việc cá nhân để: *Nêu những biểu hiện và giải thích vì sao chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu sụp đổ*.

+ GV hướng dẫn HS nêu được biểu hiện sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, trong đó quan trọng nhất là lĩnh vực chính trị.

+ Về nguyên nhân chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sụp đổ, GV định hướng để HS nêu được lí do: Trong khi tiến hành cải cách để khắc phục khủng hoảng thiếu hiệu quả, lãnh đạo các nước đã mắc phải sai lầm nghiêm trọng, đó là thoả hiệp, chấp nhận thực hiện đa nguyên, đa đảng và tổ chức tổng tuyển cử tự do, tạo cơ hội cho thế lực chống chủ nghĩa xã hội cơ hội tấn công trực diện, làm sụp đổ chủ nghĩa xã hội. Ngoài ra, chính sách không "can thiệp" của Liên Xô trước cuộc khủng hoảng và sự thoả hiệp của ban lãnh đạo các nước Đông Âu cũng góp phần dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở các nước này.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS biết hệ thống lại kiến thức đã được tìm hiểu trong bài học để hoàn thành bảng theo gợi ý trong SGK.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ: *Hoàn thành bảng tóm tắt về tình hình chính trị, kinh tế và văn hoá, xã hội của Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991)*.

– Phương án 1: GV hướng dẫn HS khai thác thông tin bài học, làm việc cá nhân, hoàn thành bảng theo gợi ý trong SGK vào vở.

– Phương án 2: GV tổ chức lớp thành hai đội hoặc nhóm: Liên Xô và Đông Âu tham gia trò chơi "Ai nhanh hơn".

GV chuẩn bị các thẻ thông tin và bảng trống (trên giấy A0 hoặc bảng phụ) về tình hình chính trị, kinh tế và văn hoá, xã hội của Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991).

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Phương án 1: HS hoàn thành bảng theo gợi.

– Phương án 2: Hai đội hoặc nhóm thảo luận, chuẩn bị các nội dung.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Phương án 1: HS trình bày bảng đã hoàn thành ngay tại lớp. Các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

– Phương án 2: Thành viên của hai đội hoặc nhóm lần lượt lên dán các thẻ thông tin phù hợp vào ô trống trong bảng.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện yêu cầu của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để viết bài giới thiệu hoặc thuyết trình trước lớp một số thành tựu tiêu biểu về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô hoặc một nước Đông Âu từ sau năm 1945.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS về nhà sưu tầm và sử dụng tài liệu từ sách, tạp chí, internet, giới thiệu một số thành tựu tiêu biểu về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô hoặc một nước Đông Âu từ sau năm 1945.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS lựa chọn viết bài giới thiệu hoặc thuyết trình để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm vào đầu tiết học sau hoặc thu lại sản phẩm để chấm điểm ĐGTX.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét việc hoàn thành nhiệm vụ của HS và đánh giá sản phẩm.

BÀI 11. NƯỚC MỸ VÀ TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

Thời gian thực hiện: 2 tiết

1. Về kiến thức

Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện nhiệm vụ mang tính thực tiễn.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua quan sát tranh, ảnh, biểu đồ, bảng; khai thác tư liệu để tìm hiểu về nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua việc sưu tầm tư liệu để giới thiệu về nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Tranh ảnh, biểu đồ, bảng (bản in hoặc slide trình chiếu), tư liệu về tình hình chính trị, kinh tế của Mỹ và các nước Tây Âu

– Lược đồ theo Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò mong muốn tìm hiểu nội dung bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

– Phương án 2: GV nêu câu hỏi để HS liên hệ từ hiểu biết về thực tiễn tình hình thế giới hiện nay và trả lời: *Theo em, quốc gia nào là siêu cường lớn mạnh nhất thế giới? Khu vực nào phát triển nhất thế giới hiện nay? Hãy chia sẻ những điều em biết về tình hình chính trị, kinh tế của quốc gia và khu vực đó*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS dựa vào kiến thức đã học ở bài 9 và những hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi và chia sẻ điều mình biết về tình hình chính trị, kinh tế của nước đó từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý kiến.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời của HS, chọn ý trả lời để dẫn dắt vào bài học.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu về tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991

a) Mục tiêu

HS nêu được nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991 và giải thích được (ở mức độ đơn giản) về sự suy giảm vị thế của nước Mỹ trên thế giới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ: *Nêu nét chính về tình hình chính trị, kinh tế Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991*. GV có thể chia lớp thành 2 nhóm, tìm hiểu để hoàn thành Phiếu học tập (theo gợi ý dưới đây).

+ Nhóm 1: Tìm hiểu về tình hình chính trị.

+ Nhóm 2: Tìm hiểu về tình hình kinh tế Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991.

PHIẾU HỌC TẬP

Lĩnh vực	Nét chính
Chính trị	
Kinh tế	

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS khai thác các hình 11.3, 11. 4 và 11.5 và thông tin trong SGK để hoàn thành Phiếu học tập.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi đại diện 2 nhóm lần lượt lên bảng hoàn thành Phiếu học tập. Các thành viên trong nhóm có thể bổ sung thêm (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét Phiếu học tập của 2 nhóm và chốt lại những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991:

+ Về chính trị: Duy trì nền dân chủ tư sản với chế độ hai đảng thay nhau cầm quyền (Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hoà), thực hiện chính sách đối nội nhất quán và chính sách đối ngoại với trọng tâm là Chiến lược toàn cầu,...

Từ những năm 70 của thế kỉ XX, Mỹ tìm cách cải thiện quan hệ với Liên Xô (hạn chế chạy đua vũ trang) và với Trung Quốc (Tổng thống Níchxơn thăm Trung Quốc). Năm 1989, Mỹ và Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

+ Kinh tế: Từ năm 1945 đến năm 1991, Mỹ vẫn luôn giữ vững vị thế cường quốc kinh tế số một thế giới, nhưng tỉ trọng kinh tế của Mỹ trong nền kinh tế thế giới giảm dần do sự vươn lên của các nước Tây Âu và Nhật Bản.

**** Bước 5: Mở rộng***

GV có thể đặt thêm câu hỏi mở rộng cho cá nhân HS: *Vì sao trong giai đoạn 1945 – 1950, nền kinh tế Mỹ chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới, nhưng đến giai đoạn 1950 – 1991 không còn chiếm ưu thế tuyệt đối nữa?*

GV hướng dẫn để HS giải thích được: Giai đoạn 1945 – 1950, kinh tế Mỹ chiếm ưu thế tuyệt đối vì ít bị thiệt hại bởi chiến tranh (không bị tàn phá trực tiếp), trong khi các nước tư bản Tây Âu, Nhật Bản chịu thiệt hại nặng nề bởi chiến tranh nên nền kinh tế suy kiệt. Mỹ có điều kiện phát triển kinh tế khi đề ra và thực hiện Kế hoạch Mác-san (1947 – 1952) nhằm phục hưng châu Âu, Tây Âu trở thành thị trường tiêu thụ hàng hoá đã kích thích nền kinh tế Mỹ phát triển. Giai đoạn 1950 – 1991, kinh tế Mỹ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối nữa là do nền kinh tế của các nước Tây Âu và Nhật Bản được phục hồi, sau đó phát triển nhanh chóng, cạnh tranh trực tiếp với Mỹ; trong giai đoạn này, ở Mỹ cũng diễn ra các cuộc khủng hoảng suy thoái vào các năm 1953 – 1954, 1957 – 1958,… và những khoản chi phí lớn cho các cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về tình hình chính trị, kinh tế của Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991

a) Mục tiêu

HS trình bày được nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991, từ đó chứng minh được sự phát triển của các nước Tây Âu qua các giai đoạn.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi, khai thác thông tin bảng tóm tắt trong SGK để thực hiện nhiệm vụ: *Trình bày nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS làm việc theo cặp: Think – Pair – Share (Suy nghĩ – Theo cặp – Chia sẻ).

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 1 − 2 cặp đôi trình bày nét chính về tình hình chính trị và 1 − 2 cặp đôi trình bày nét chính về tình hình kinh tế. Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và chốt lại nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của các nước Tây Âu thể hiện qua 3 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1945 – 1950: các nước Tây Âu suy yếu cả về chính trị và kinh tế và phải lệ thuộc chặt chẽ vào Mỹ (tham gia NATO đặt dưới sự lãnh đạo của Mỹ, nhận viện trợ của Mỹ theo Kế hoạch Mác-san).

+ Giai đoạn 1950 – 1973: các nước Tây Âu giảm bớt sự lệ thuộc vào Mỹ về chính trị (Pháp rút ra khỏi NATO năm 1966), liên kết với nhau để phát triển kinh tế, vươn lên cạnh tranh với Mỹ (đầu những năm 70, trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới).

+ Giai đoạn 1973– 1991: xu hướng nhất thể hoá chính trị, kinh tế được đẩy mạnh, đặt nền móng cho sự ra đời của Liên minh châu Âu – EU và đồng tiền chung châu Âu – đồng ơ-rô (tại Hội nghị Thượng đỉnh Ma-xtrích vào tháng 12 – 1991).

**** Bước 5: Mở rộng***

GV cho HS thảo luận cặp đôi để trình bày quan điểm: *Theo em, xu hướng nổi bật phản ánh sự phát triển đó là gì?*

GV hướng dẫn HS nêu được xu hướng nổi bật phản ánh sự phát triển chính trị, kinh tế của các nước Tây Âu là xu hướng liên kết hướng tới nhất thể hoá kinh tế và chính trị của Tây Âu gắn với các sự kiện thành lập Cộng đồng Than – Thép châu Âu (1951), Cộng đồng Kinh tế, Cộng đồng Năng lượng nguyên tử châu Âu (1957), Cộng đồng châu Âu – EC (1967),… và đặc biệt là đạt được thoả thuận về sự thành lập Liên minh châu Âu (EU), cho phép công dân được tự do đi lại, cư trú tại tất cả các nước thành viên, được quyền ứng cử và bầu cử Nghị viện châu Âu và hình thành thị trường tiền tệ với đồng tiền chung ơ-rô (1991). GV hướng dẫn HS sưu tầm thêm tư liệu về sự kiện Hội nghị Thượng đỉnh Ma-xtrích, hội nghị đánh dấu bước tiến mới trong liên kết chính trị và kinh tế của các nước Tây Âu.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS biết hệ thống lại kiến thức đã học để hoàn thành bảng tóm tắt về chính trị, kinh tế của các nước Tây Âu và Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991 theo gợi ý trong SGK. ***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoàn thành bảng tóm tắt về chính trị, kinh tế của các nước Tây Âu và Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS lập bảng, hoàn thành bảng theo gợi ý trong SGK.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS trình bày bảng đã hoàn thành ngay tại lớp. Các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS về nhà, sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991 và giới thiệu với bạn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– HS lựa chọn lĩnh vực chính trị hoặc kinh tế của các nước Tây Âu hoặc nước Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991 để sưu tầm.

– HS chọn hình thức báo cáo kết quả học tập bằng hình ảnh hoặc bài giới thiệu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS trao đổi sản phẩm, nhận xét và đánh giá lẫn nhau. GV có thể cho HS trưng bày sản phẩm vào đầu tiết học sau hoặc yêu cầu HS chia sẻ với bạn trong lớp. GV khuyến khích HS có cách trình bày sáng tạo và hợp lí.

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và đánh giá phần vận dụng của cả lớp.

BÀI 12. KHU VỰC MỸ LA-TINH VÀ CHÂU Á TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

Thời gian thực hiện: 2 tiết

1. Về kiến thức

– Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991.

– Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cu-ba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba.

– Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991.

– Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập…

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử qua quan sát tranh, ảnh, lược đồ, sơ đồ, bảng; khai thác tư liệu để tìm hiểu về khu vực Mỹ La-tinh và châu Á từ năm 1945 đến năm 1991.

– Năng lực nhận thức lịch sử thông qua việc mô tả đôi nét về các nước Mỹ La-tinh; giới thiệu được nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc; trình bày khái quát về cách mạng Cu-ba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba, cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ý thức khâm phục và tự hào về những thành tựu mà nhân dân các nước Mỹ La-tinh và châu Á đã đạt được trong công cuộc xây dựng đất nước từ năm 1945 đến năm 1991. Bồi dưỡng tinh thần yêu nước, đoàn kết, ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, lên án chủ nghĩa thực dân; từ đó có tinh thần, trách nhiệm đối với công cuộc Đổi mới đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Tranh, ảnh, sơ đồ, bảng, lược đồ, tư liệu về khu vực Mỹ La tinh, thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (ở Cu-ba, Trung Quốc,...), cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng đất nước của các nước Đông Nam Á và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi để tìm hiểu bài học.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

– Phương án 2: GV gắn lên bảng hoặc trình chiếu bảng niên biểu một số sự kiện tiêu biểu diễn ra ở một số nước châu Á và Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991, yêu cầu HS quan sát bảng và chia sẻ hiểu biết về một trong các sự kiện đó. Nêu một số sự kiện tiêu biểu khác mà em biết.

Thời gian	Nội dung sự kiện
Năm 1945	In-đô-nê-xi-a tuyên bố độc lập
Năm 1949	Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời
Những năm 1952 – 1959	Cách mạng Cu-ba
Năm 1961	Cu-ba tuyên bố xây dựng chủ nghĩa xã hội
Năm 1967	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ra đời
Đầu thập niên 70	Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính thế giới

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Phương án 1: HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi và chia sẻ về những sự kiện mà mình biết về các nước Mỹ La-tinh và châu Á khác.

– Phương án 2: HS quan sát bảng, ghi nhanh ra giấy những điều mình biết về các sự kiện trong bảng niên biểu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thông tin (nếu có). HS có thể trả lời đúng hoặc chưa đúng, chưa đủ.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học mới.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu khái quát về khu vực Mỹ La-tinh

a) Mục tiêu

HS mô tả được đôi nét về các nước Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991, trình bày được diễn biến chính của cách mạng Cu-ba, đánh giá được kết quả của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba (1961 – 1991).

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK để thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Nhóm 1: *Nêu khái quát về các nước Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991.*

+ Nhóm 2: *Trình bày tóm tắt diễn biến cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Cu-ba.*

+ Nhóm 3: *Nêu và đánh giá kết quả của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba (1961 – 1991).*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm khai thác thông tin, tư liệu, hình ảnh để thực hiện nhiệm vụ.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV lần lượt gọi các nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, bổ sung và kết luận: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ đã tìm cách thiết lập các chế độ độc tài thân Mỹ ở Mỹ La-tinh nhằm biến khu vực này thành "sân sau" của mình. Nhiều nước Mỹ La-tinh đã tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ, lật đổ chế độ độc tài thành công, mở đầu là cuộc cách mạng Cu-ba (1959), sau đó bùng phát mạnh mẽ với các cuộc đấu tranh vũ trang ở nhiều nước như: Bô-li-vi-a, Vê-nê-xu-ê-la, Cô-lôm-bi-a, Ni-ca-ra-goa,... Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, các nước Mỹ La-tinh bắt tay vào xây dựng đất nước và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Độc lập, chủ quyền được củng cố, nền chính trị được dân chủ hoá, nền kinh tế được cải cách, quá trình liên kết khu vực cũng được đẩy mạnh. Cu-ba là nước đi tiên phong trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Mỹ La-tinh. Cách mạng Cu-ba nổ ra và giành thắng lợi (1952 – 1959), nước Cộng hoà Cu-ba được thành lập. Từ năm 1961, Cu-ba tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều thành tựu to lớn trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về Nhật Bản

a) Mục tiêu

HS trình bày được nét chính về tình hình Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 1991.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, thực hiện yêu cầu: *Trình bày những nét chính về tình hình Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 1991.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS khai thác thông tin, tư liệu 1, hình 12.5 thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét chốt lại nét chính về Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 1991:

+ Chính trị: Giai đoạn 1945 – 1952: Nhật Bản bị quân đội Mỹ dưới danh nghĩa lực lượng Đồng minh chiếm đóng. Bộ chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh (SCAP) do Mỹ đứng đầu đã tiến hành cải cách, loại bỏ chủ nghĩa quân phiệt và thiết lập nền dân chủ tư sản đại nghị ở Nhật Bản. Nhật Bản hoàn toàn lệ thuộc vào Mỹ về chính trị và an ninh. Từ năm 1955 đến năm 1991, Đảng Dân chủ Tự do (LDP) liên tục cầm

quyền ở Nhật Bản và tiếp tục duy trì liên minh chặt chẽ với Mỹ, nhưng dần đa dạng hoá quan hệ đối ngoại nhằm nâng cao vị thế quốc tế.

+ Về kinh tế: Sau khi tiến hành cải cách (1945 – 1952), nền kinh tế Nhật Bản đã phục hồi và phát triển nhanh. Đến những năm 60, kinh tế Nhật Bản tăng trưởng đạt mức "thần kì", vượt qua các nước Tây Âu, vươn lên đứng thứ hai thế giới, sau Mỹ và trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới.

+ Về khoa học – công nghệ: Khoa học – công nghệ là đòn bẩy để phát triển kinh tế – xã hội Nhật Bản. Cùng với việc khuyến khích các phát minh trong nước, Nhật Bản đẩy mạnh mua bằng sáng chế của nước ngoài, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực ứng dụng dân dụng.

**** Bước 5: Mở rộng***

Sau khi HS trình bày những nét chính về tình hình Nhật Bản, GV thêm thêm câu hỏi: *Những nguyên nhân nào tạo nên sự phát triển "thần kì" của Nhật Bản trong giai đoạn 1952 – 1973?*

GV hướng dẫn để HS nêu được vai trò của Nhà nước trong việc tổ chức lại toàn bộ nền công nghiệp quốc gia, kiên trì thực hiện chiến lược công nghiệp hướng đến việc phát triển một số lĩnh vực mũi nhọn,…; con người Nhật Bản cần cù, kỉ luật và có ý chí vươn lên, nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh mới (chấp nhận những cải cách dân chủ của Mỹ); đẩy mạnh mua phát minh, sáng chế của nước ngoài,…

2.2.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về Trung Quốc

a) Mục tiêu

HS trình bày được những nét chính về tình hình Trung Quốc từ năm 1945 đến năm

1978 và nêu được nét chính của công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc (1978 – 1991).

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, hướng dẫn khai thác thông tin, kênh hình trong SGK để thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Nhóm 1: *Trình bày nét chính về tình hình Trung Quốc giai đoạn 1945 – 1952.* + Nhóm 2: *Trình bày nét chính về tình hình Trung Quốc giai đoạn 1952 – 1978.*

+ Nhóm 3: *Trình bày nét chính về tình hình Trung Quốc giai đoạn 1978 – 1991.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm thảo luận theo kĩ thuật "Khăn trải bàn" (trình bày ra bảng phụ).

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Các nhóm cử đại diện báo cáo kết quả.

– Gợi ý nội dung trình bày:

+ Nhóm 1: Giai đoạn 1945 – 1952, Trung Quốc tiếp tục tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và xây dựng chế độ mới: Những năm 1946 – 1949, cuộc nội chiến giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản diễn ra. Đến năm 1949, lực lượng Quốc dân đảng thất bại, ngày 1 – 10 – 1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập. Sau khi thành lập Nhà nước mới, Trung Quốc bắt tay vào xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội; thực hiện đường lối đối ngoại tích cực, góp phần củng cố hoà bình, thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới.

+ Nhóm 2: Giai đoạn 1953 – 1978: Được sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội với kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953 – 1957) và đã hoàn thành kế hoạch này, góp phần làm thay đổi bộ mặt đất nước. Từ năm 1958, Trung Quốc đã đề ra và thực hiện các đường lối không phù hợp, dẫn đến tình trạng kinh tế khủng hoảng, chính trị bất ổn và xã hội rối loạn. Trung Quốc tiếp tục ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, nhưng xảy ra xung đột biên giới với Ấn Độ (1962), với Liên Xô (1969), trong khi hoà dịu quan hệ với Mỹ.

+ Nhóm 3: Giai đoạn 1978 – 1991: Trung Quốc tiến hành cải cách, mở cửa. Tháng 12 – 1978, Đảng Cộng sản Trung Quốc bắt đầu đề ra đường lối mới, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, thực hiện cải cách, mở cửa nhằm hiện đại hoá, đưa Trung Quốc trở thành quốc gia giàu mạnh, văn minh. Đến năm 1991, Trung Quốc đẩy lùi được cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội và đạt được những thành tựu bước đầu, nhất là về kinh tế.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và chốt lại kiến thức về tình hình Trung Quốc từ năm 1945 đến năm 1978 và công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc (1978 – 1991) để HS ghi vào vở.

2.2.3. Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu về Ấn Độ

a) Mục tiêu

HS trình bày được những nét chính về tình hình Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991. ***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin trong SGK để hoàn thành Phiếu học học tập về tình hình Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991 (theo gợi ý dưới đây).

PHIẾU HỌC TẬP

Giai đoạn	Nét chính
1945 – 1950: Đấu tranh giải phóng dân tộc	
1950 – 1991: Xây dựng và phát triển đất nước	

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*** HS hoàn thành Phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luậnHS báo cáo sản phẩm.

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thứcGV nhận xét, tổng kết.

Bước 5: Mở rộng

Sau khi HS hoàn thành Phiếu học tập, GV tiếp tục nêu câu hỏi: *Tại sao năm 1950 là mốc kết thúc thắng lợi hoàn toàn cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ?*

GV hướng dẫn để HS giải thích được: Năm 1945, cuộc đấu tranh chống thực dân Anh dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại bùng phát mạnh mẽ. Năm 1947, thực dân Anh buộc phải nhượng bộ, trao quyền tự trị cho Ấn Độ theo Kế hoạch Mao-bát-tơn. Ấn Độ được chia thành hai quốc gia trên cơ sở tôn giáo: Ấn Độ của người theo Hin-đu giáo và Pa-ki-xtan của người theo Hồi giáo. Từ năm 1947 đến năm 1950, không thoả mãn quy chế tự trị, nhân dân Ấn Độ tiếp tục cuộc đấu tranh để giành độc lập hoàn toàn. Ngày 26 – 1 – 1950, Ấn Độ chính thức ban hành Hiến pháp và tuyên bố thành lập nước cộng hoà.

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về các nước Đông Nam Á từ năm 1945 đến năm 1991

2.3.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc

a) Mục tiêu

HS trình bày được nét chính về phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các nước Đông Nam Á từ năm 1945.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, thực hiện yêu cầu: *Nêu những nét chính về phong trào đấu tranh giành độc lập ở các nước Đông Nam Á*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, lược đồ hình 12.10 để thực hiện yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp, gọi bất kì một số HS khác nhận xét, góp ý.

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và chốt lại nội dung chính về phong trào đấu tranh giành độc lập ở các nước Đông Nam Á: Chớp thời cơ Nhật đầu hàng Đồng minh, nhiều nước Đông Nam Á nổi dậy và đã giành được độc lập như: In-đô-nê-xi-a, Việt Nam (8 – 1945), Lào (10 – 1945). Khi các nước thực dân quay trở lại tái chiếm Đông Nam Á, phong trào đấu tranh chống xâm lược lại bùng lên mạnh mẽ và giành được thắng lợi vào những thời điểm khác nhau.

2.3.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về công cuộc bảo vệ và xây dựng, phát triển đất nước sau khi giành độc lập

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm), khai thác thông tin ở bảng tóm tắt trong SGK và thảo luận để thực hiện yêu cầu: *Trình bày nét chính về quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á từ sau khi giành được độc lập đến năm 1991.*

GV hướng dẫn HS trình bày quá trình phát triển theo giai đoạn, tuy nhiên do thời gian giành được độc lập khác nhau, điều kiện mỗi nước và sự lựa chọn con đường phát triển không giống nhau nên không có mốc chung cho tất cả các nước, chỉ một số nước có điểm tương đồng (Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po: giành độc lập sớm, không bị chiến tranh, can thiệp; Việt Nam, Lào: vừa kháng chiến, vừa kiến quốc). HS có thể báo cáo bằng sơ đồ tư duy.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS đọc SGK, tìm thông tin để trả lời theo hướng dẫn của GV.

****Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– HS báo cáo sản phẩm bằng sơ đồ hoặc trục thời gian,...

– Gợi ý sơ đồ:

+ Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po

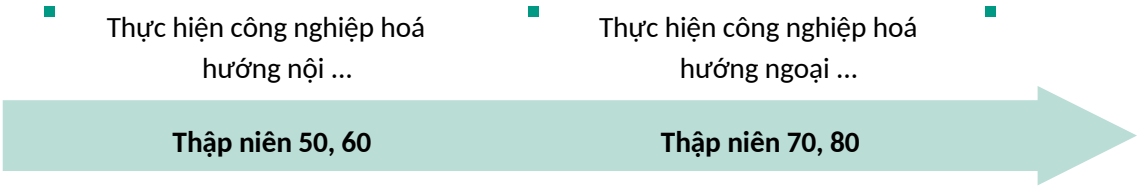

+ Việt Nam, Lào

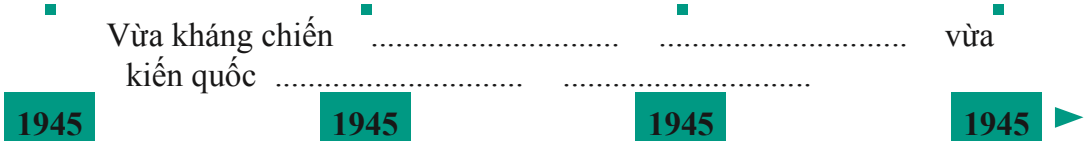

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét kết quả làm việc của HS và chuẩn hoá kiến thức.

2.3.3. Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á

a) Mục tiêu

HS trình bày được bối cảnh, sự thành lập và quá trình phát triển của tổ chức ASEAN. ***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Khai thác tư liệu, sơ đồ và thông tin trong mục, trình bày bối cảnh, sự thành lập và quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ năm 1967 đến năm 1991.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS đọc thông tin trong SGK để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi một số HS, mỗi HS trình bày một nội dung về bối cảnh, sự thành lập và quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ năm 1967 đến năm 1991.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và kết luận: Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 8 – 8 – 1967, tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của năm nước là: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.

Tôn chỉ mục đích hoạt động của ASEAN là thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác nhằm tăng cường cơ sở cho một cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.

Quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ năm 1967 đến năm 1991 trải qua 2 giai đoạn: Giai đoạn 1967 – 1976: ASEAN mới ra đời, còn non trẻ, hợp tác giữa các thành viên còn lỏng lẻo, chưa có vị thế trên trường quốc tế. Giai đoạn 1976 – 1991: Tuyên bố Ba-li về sự hoà hợp ASEAN (2 – 1976) cùng với việc cải thiện quan hệ giữa các nước Đông Dương và ASEAN đã tạo điều kiện cho việc mở rộng ASEAN giai đoạn sau. Giai đoạn này tổ chức được mở rộng với sự tham gia của Bru-nây (1984).

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Hệ thống lại kiến thức đã học để hoàn thành bảng.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV giao cho cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ: *Lập và hoàn thành bảng về những nét chính của các nước Mỹ La-tinh và Cu-ba từ năm 1945 đến năm 1991*.

– Nhiệm vụ 2: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để thực hiện yêu cầu: *Lập bảng tóm tắt về tình hình chính trị, kinh tế và khoa học – công nghệ của Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 1991*.

****Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS lập và hoàn thành bảng theo gợi ý trong SGK.

– Nhiệm vụ 2: Các nhóm thảo luận để lập bảng tóm tắt.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– GV mời một số HS thuyết trình về bảng của mình.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

Lưu ý: GV hoạt động này, GV giao cho các nhân thực hiện ở nhà:

– Nhiệm vụ 1: *Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet, hãy viết bài giới thiệu về một sự kiện tiêu biểu trong cuộc đấu tranh giành độc lập hoặc thành tựu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước ở các nước Đông Nam Á từ năm 1945 đến năm 1991 mà em có ấn tượng nhất*.

– Nhiệm vụ 2: *Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet và chia sẻ với bạn về ảnh hưởng của cuộc cách mạng lật đổ chế độ độc tài và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba đối với khu vực Mỹ La-tinh*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện ở nhà theo quy trình sau:

+ HS chọn nội dung mình dự định thực hiện.

+ Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet về nội dung liên quan.

+ Viết bài giới thiệu hoặc làm poster hình ảnh để thuyết trình.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm trên lớp hoặc thu lại sản phẩm học tập để chấm điểm ĐGTX. Sau đó, GV chọn 2 – 3 sản phẩm được HS đánh giá tốt để chia sẻ với cả lớp.

– Gợi ý sản phẩm:

+ Với nhiệm vụ 1: HS giới thiệu được một sự kiện tiêu biểu mà bản thân thấy ấn tượng nhất về cuộc đấu tranh giành độc lập hoặc thành tựu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước ở một nước Đông Nam Á từ năm 1945 đến năm 1991. Ví dụ: sự kiện In-đô-nê-xi-a tuyên bố độc lập (8 – 1945); Phi-líp-pin được Mỹ trao trả độc lập (7 – 1946); Cam-pu-chia được Pháp trao trả độc lập (1953); kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Lào (1954 – 1975); công cuộc Đổi mới ở Lào (1986 – 1991),…

+ Nhiệm vụ 2: HS trình bày ảnh hưởng của cuộc cách mạng lật đổ chế độ độc tài bằng đấu tranh vũ trang và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba đối với khu vực Mỹ La-tinh. Ví dụ: Cuộc cách mạng Xan-đi-nô ở Ni-ca-ra-goa lật đổ chế độ độc tài Xô-mô-xa Tha-na Mỹ (1979),… đã góp phần khẳng định xu thế phát triển và thắng lợi của phong trào dân tộc dân chủ, sự thất bại tất yếu của chủ nghĩa bá quyền của Mỹ ở khu vực Mỹ La-tinh,…

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ ở nhà của HS.

CHƯƠNG 4 VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991

BÀI 13. VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh…), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng giải quyết những khó khăn rong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945; trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng lòng khâm phục, củng cố niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng. Thông qua bài học, HS củng cố lòng yêu nước, trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Tranh, ảnh về tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám (Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Bình dân học vụ, Tuần lễ Vàng, Ngày Đồng tâm, Nam Bộ kháng chiến, đoàn quân Nam Tiến,...); các bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh đăng trên báo *Cứu quốc*,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích được sự hứng thú, tìm tòi của HS đối với bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

– Phương án 2: có thể sưu tầm GV cho HS xem một đoạn phim tài liệu hoặc hình ảnh về tình hình Việt Nam sau ngày 2 – 9 – 1945 để trả lời câu hỏi: *Nội dung của đoạn phim hoặc hình ảnh cho em biết điều gì về tình hình Việt Nam?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Phương án 1: HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

– Phương án 2: HS xem phim hoặc quan sát hình ảnh, tìm ý để trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thông tin (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời của HS, khuyến khích, động viên và lựa chọn ý trả lời để dẫn dắt và nêu một số nhiệm vụ cơ bản của bài học mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu các biện pháp xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng *a) Mục tiêu*

HS trình bày được các biện pháp toàn diện để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng từ trung ương tới địa phương, phát triển khối đại đoàn kết toàn dân. ***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS: *Khai thác tư liệu 1 và thông tin trong mục, hãy trình bày các biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng trong những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS khai thác tư liệu và thông tin trong SGK để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi một số HS trình bày và gọi một số HS khác nhận xét, góp ý.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và chốt lại kiến thức: Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải đối mặt với nhiều khó khăn: chính quyền cách mạng còn non trẻ và lực lượng vũ trang còn yếu, nền độc lập dân tộc đe doạ nghiêm trọng.

Để đưa đất nước vượt qua những khó khăn đó, Đảng ta đề ra những biện pháp như: Tổ chức cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên trong phạm vi cả nước, đưa ra các quyết định về chính sách đối nội, đối ngoại, thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến và thông qua bản Hiến pháp đầu tiên; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân,...

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu các biện pháp giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục

a) Mục tiêu

HS nêu được các biện pháp (trước mắt và lâu dài) để giải quyết những khó khăn về kinh tế, các biện pháp để giải quyết "giặc dốt" và xây dựng nền văn hoá mới của Chính phủ.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm (theo bàn), đọc thông tin trong mục kết hợp khai thác tư liệu 2 và hình ảnh để thực hiện yêu cầu: *Hãy nêu các biện pháp để giải quyết khó khăn về kinh tế, giáo dục, văn hoá của chính quyền cách mạng.* GV đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với từng nhóm để đạt yêu cầu:

+ Với nhóm tìm hiểu lĩnh vực kinh tế: *Khó khăn về kinh tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là gì? Hãy nêu các biện pháp trước mắt và lâu dài để giải quyết khó khăn về kinh tế của chính quyền cách mạng, kết quả của các biện pháp được triển khai?*

+ Với nhóm tìm hiểu lĩnh vực giáo dục, văn hoá: *Tình hình văn hoá, xã hội nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 như thế nào? Hãy nêu các biện pháp trước mắt và lâu dài để giải quyết "giặc dốt" và xây dựng nền văn hoá mới của dân tộc; kết quả của các biện pháp được triển khai?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm thảo luận theo hướng dẫn của GV.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi đại diện một số nhóm trình bày sản phẩm. HS có thể vẽ sơ đồ mindmap hoặc hoàn thành Phiếu học tập về những khó khăn và biện pháp giải quyết và kết quả.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, chốt lại những biện pháp chính để giải quyết khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục:

+ Về kinh tế: Chính phủ đã đề ra biện pháp trước mắt (lập các hũ gạo cứu đói; kêu gọi "nhường cơm sẻ áo", tổ chức "Ngày đồng tâm"; nghiêm trị những kẻ đầu cơ

tích trữ lúa gạo; đề ra biện pháp điều hoà thị trường lúa gạo giữa các địa phương) và biện pháp lâu dài (vận động toàn dân tăng gia sản xuất, tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho nông dân nghèo; chia lại ruộng đất công theo nguyên tắc công bằng, dân chủ; thực hiện giảm tô, thuế cho nông dân; phát động xây dựng "Quỹ độc lập" và phong trào "Tuần lễ vàng).

+ Về giáo dục, văn hoá: thành lập Nha Bình dân học vụ, kêu gọi toàn dân tham gia xoá nạn mù chữ; vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hoá mới.

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược của nhân dân Nam Bộ

a) Mục tiêu

HS trình bày được nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Nam Bộ, từ đó nêu được nhận xét về tinh thần kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược trở lại.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV cho HS thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu: *Trình bày những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trở lại của nhân dân Nam Bộ.*

– Nhiệm vụ 2: GV cho HS thảo luận theo nhóm (4– 6 HS mỗi nhóm) để thực hiện nhiệm vụ: *Khai thác Tư liệu 3 và thông tin trong mục, nêu nhận xét về tinh thần kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trở lại của nhân dân Việt Nam*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS dựa vào thông tin trong SGK tìm thông tin trình bày.

– Nhiệm vụ 2: Các nhóm khai thác tư liệu tìm những từ, cụm từ thể hiện tinh thần chiến đấu của toàn thể dân tộc.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Nhiệm vụ 1: GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi trình bày kết quả làm việc, các cặp đôi khác theo dõi, nhận xét, góp ý.

– Nhiệm vụ 2: GV gọi một số đưa ra nhận xét và gọi HS của các nhóm khác nhận xét, góp ý.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***GV nhận xét và chốt lại:

Với dã tâm xâm lược nước ta lần nữa, thực dân Pháp núp dưới bóng quân Anh có những hành động gây hấn ngay trong ngày nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng Ngày Độc lập. Hưởng ứng lời kêu gọi của Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Nam Bộ "muôn người như một" anh dũng đứng lên với tinh thần quyết chiến và ý chí quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng. Đêm 23 – 9, công nhân Sài Gòn – Chợ Lớn đã cắt toàn bộ điện, nước; chiến luỹ được dựng để chặn bước tiến quân giặc,…

Khi thực dân Pháp trở lại xâm lược, nhân dân Việt Nam quyết tâm bảo vệ nền độc lập vừa mới giành được. Nhiều chi đội Nam tiến trong cả nước liên tiếp lên

đường; nhiều đợt quyên góp của cải, vật chất chi viện cho miền Nam; cuộc chiến đấu ở Nam Bộ đã ngăn chặn một bước sự xâm lược của thực dân Pháp, giáng một đòn mạnh mẽ đầu tiên vào âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, làm tiêu hao sinh lực địch, chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lâu dài.

3. Hoạt động 3 luyện tập

a) Mục tiêu

Củng cố lại nội dung bài học.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS: *Lập bảng tóm tắt về những biện pháp chủ yếu để giải quyết khó khăn của đất nước trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945*.

– Nhiệm vụ 2: Sau khi HS hoàn thành nhiệm vụ 1, GV hỏi thêm câu hỏi*: Giải thích vì sao Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là Nhà nước của dân, do dân, vì dân?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS làm việc cá nhân lập bảng tóm tắt theo gợi ý trong vào vở hoặc ra giấy.

– Nhiệm vụ 2: HS dựa vào bảng tóm tắt đã hoàn thành và kiến thức bài học để giải thích.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Nhiệm vụ 1: GV gọi 2 – 3 HS trình bày bảng đã hoàn thành.

– Nhiệm vụ 2: GV gọi 2 – 3 HS. HS giải thích được: Nhà nước do dân bầu ra thông qua Tổng tuyển cử phổ thông đầu phiếu; nguyên tắc bảo đảm các quyền tự do dân chủ, thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân; các đoàn thể quần chúng nhân dân được phát triển nhằm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, người dân được tham gia vào chính công việc xây dựng đất nước,...

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở nhà: *Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Em có suy nghĩ gì về câu nói đó? Là một học sinh, em có thể làm gì để góp phần xây dựng đất nước*?

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS có thể sưu tầm và sử dụng thông tin trong nội dung *Bức thư gửi học sinh nhân ngày khai trường* của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "giặc dốt" trở thành một trong sáu nhiệm vụ cấp bách của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sau khi tuyên bố độc lập,… để phân tích. Từ đó, HS nêu một số nhiệm vụ của HS đối với việc học tập, tu dưỡng của bản thân.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào thời điểm thích hợp hoặc thu lại để chấm điểm ĐGTX.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và đánh giá kết quả làm việc ở nhà của HS.

BÀI 14. VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC GIAI ĐOẠN 1946 – 1950

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946).

– Nhận biết và giải thích được đường lối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng.

– Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, quân sự,... trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1946 – 1950.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác tư liệu để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1946 – 1950.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc giải thích, phân tích được đường lối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng và mô tả

được những thắng lợi tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1946 – 1950.

3. Về phẩm chất

– Yêu nước, trân trọng giá trị của hoà bình và ý thức trách nhiệm đối với việc gìn giữ độc lập, tự do của dân tộc; từ đó lên án các hành động bạo lực vũ trang, phá hoại giá trị hoà bình của nhân loại.

– Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

– Biết ơn sự hi sinh dũng cảm vì độc lập, tự do của các anh hùng liệt sĩ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Tranh, ảnh về cuộc chiến đấu ở Hà Nội năm 1946, chiến dịch Việt Bắc 1947, chiến dịch Biên giới 1950.

– Một số phim điện ảnh: *Hà Nội mùa đông năm 1946; Đào, phở và piano; phim tài liệu: Hà Nội mùa đông năm 1946, trở lại thủ đô kháng chiến, Chiến dịch Việt Bắc – Thu Đông 1947,...*

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

HS trình bày được khái quát tình hình nước ta sau khi thực dân Pháp đưa quân ra Bắc, sự bùng nổ của cuộc kháng chiến toàn quốc và giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

– Phương án 2: GV có thể cho HS xem một đoạn trong bộ phim *Hà Nội mùa đông năm 1946* hoặc các hình ảnh về Hà Nội năm 1946 và trả lời các câu hỏi*: Tại sao cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ vào tháng 12 – 1946? Theo em, dân tộc ta đã vượt qua những khó khăn nào trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Phương án 1: HS đọc SGK, vận dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

– Phương án 2: HS xem phim, suy nghĩ trả lời câu hỏi.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo***

GV gọi 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. HS có thể trả lời đúng hoặc chỉ được một ý của câu hỏi.

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và căn cứ vào câu trả lời của HS để chọn ý dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu sự bùng nổ của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược

a) Mục tiêu

HS nêu được một số hoạt động thể hiện âm mưu xâm lược toàn bộ Việt Nam của thực dân Pháp, từ đó giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– GV chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: *Tìm hiểu âm mưu xâm lược toàn bộ Việt Nam của thực dân Pháp.*

+ Nhóm 2: *Tìm hiểu nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS đọc thông tin SGK, thảo luận để thực hiện yêu cầu.

– Nhiệm vụ 2: HS khai thác thông tin nêu được nguyên nhân.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức: Mặc dù đã kí các hiệp ước, hiệp định nhưng thực dân Pháp đã bội ước, liên tiếp có những hành động gây hấn, khiêu khích và vi phạm các văn bản kí kết như: gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún và phố Yên Ninh (Hà Nội), liên tiếp gửi các tối hậu thư đòi Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để cho quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trị an ở Hà Nội và quyền kiểm soát Thủ đô. Trước tình hình đó, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã nỗ lực tìm kiếm hoà bình nhưng không được hồi đáp. Nhân dân Việt Nam không còn con đường nào khác là phải đứng lên đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc.

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp

a) Mục tiêu

HS trình bày được nội dung chính và giải thích được đường lối kháng chiến của Đảng, từ đó rút ra được tính đúng đắn của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp. ***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS khai thác Tư liệu 1 và thông tin trong mục để thực hiện yêu cầu: *Hãy trình bày nội dung và giải thích đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng*. GV có thể chia lớp thành 2 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: *Tìm hiểu về nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp*.

+ Nhóm 2: *Giải thích đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS đọc SGK, thảo luận thực hiện nhiệm vụ được giao.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi đại diện các nhóm trình bày trước lớp.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, bổ sung và chốt lại nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp là toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế.

GV giải thích để HS hiểu rõ:

+ *Toàn dân* là động viên và huy động tới mức cao nhất sức mạnh của dân tộc, của cả nước vào cuộc kháng chiến: bất kì đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc.

+ *Toàn diện* là đánh địch bằng tất cả những gì có thể, trên tất cả các mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hoá, quân sự, ngoại giao) với tinh thần mỗi đường phố là một mặt trận, mỗi làng quê là một pháo đài và mỗi người dân là một chiến sĩ.

+ *Trường kì kháng chiến* là đánh lâu dài nhằm đối chọi và làm phá sản âm mưu của thực dân Pháp.

+ *Tự lực cánh sinh và tranh thủ sự giúp đỡ của quốc tế* là dựa vào sức mình là chính, sự giúp đỡ bên ngoài là điều kiện hỗ trợ.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu một số thắng lợi tiêu biểu trong kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1946 – 1950

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu một số thắng lợi tiêu biểu về chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, giáo dục

a) Mục tiêu

HS trình bày được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, giáo dục. Từ đó, HS rút ra được ý nghĩa của những thành tựu đó. ***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– GV giao nhiệm vụ: *Trình bày những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, giáo dục trong những năm đầu kháng chiến chống*

*Pháp xâm lược (1946 – 1950).*GV có thể tổ chức hoạt động học tập bằng việc phát Phiếu học tập cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin để hoàn thiện (theo gợi ý dưới đây).

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu
Chính trị, ngoại giao	
Kinh tế	
Văn hoá, giáo dục	

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS khai thác thông tin, Tư liệu 2, thảo luận, thống nhất nội dung Phiếu học tập.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– HS dựa vào Phiếu học tập để trình bày thành tựu của một lĩnh vực. GV nhận xét, bổ sung và cung cấp thêm thông tin về các hình ảnh, tư liệu (sưu tầm được) để HS hiểu rõ hơn cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế của quân dân ta.

– Gợi ý sản phẩm:

PHIẾU HỌC TẬP	
Lĩnh vực	**Thành tựu tiêu biểu**
Chính trị, ngoại giao	Các cơ quan Đảng, chính phủ, mặt trận,… đã được di chuyển an toàn tới chiến khu Việt Bắc.
	Chính quyền từ trung ương đến cơ sở được kiện toàn và củng cố.
	Trung Quốc, Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác như Tiệp Khắc, Ru-ma-ni, Ba Lan,… đã lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
Kinh tế	Các hoạt động tăng gia sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp được đẩy mạnh.
	Một số xí nghiệp quốc phòng và dân dụng có quy mô thích hợp đã lần lượt được xây dựng ở các vùng tự do, căn cứ kháng chiến.
	Các ngành khai khoáng, cơ khí, hoá chất, diêm, giấy,… từng bước đi vào hoạt động.
Văn hoá, giáo dục	Chú trọng xây dựng và phát triển văn hoá phục vụ cuộc kháng chiến.
	Thực hiện Cải cách giáo dục phổ thông hướng tới xây dựng nền giáo dục cách mạng mới trong khi phong trào diệt "giặc dốt" và bổ túc văn hoá tiếp tục được đẩy mạnh.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét phần trình bày của 3 nhóm và chốt lại nội Phiếu học tập để HS ghi lại vào vở.

**** Bước 5: Mở rộng***

GV nêu câu hỏi mở rộng: *Những thành tựu đạt được trên các mặt trận chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, giáo dục có ý nghĩa như thế nào?*

2.2.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu những thắng lợi trên mặt trận quân sự trong những đầu kháng chiến chống Pháp xâm lược (1946 – 1950)

a) Mục tiêu

HS trình bày được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự và nêu được ý nghĩa của các chiến thắng đó, đặc biệt là ý nghĩa của chiến thắng Biên giới năm 1950.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: *Trình bày những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp xâm lược (1946 – 1950)*. Với yêu cầu này, GV có thể chia cả lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một yêu cầu:

+ Nhóm 1: Tìm hiểu về thắng lợi của cuộ c chiế n đấ u ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (1946 – 1947).

+ Nhóm 2: Tìm hiểu về thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947 (từ tháng 10 đến tháng 12 – 1947).

+ Nhóm 3: Tìm hiểu về thắng lợi của chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 (từ tháng 9 đến tháng 10 – 1950).

Lưu ý: GV hướng dẫn HS kết hợp khai thác *Hình 14.4, 14.5,* thông tin và sử dụng *Lược đồ chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947*, *Lược đồ chiến dịch Biên giới thu – đông 1950* trong SGK để trình bày.

– Nhiệm vụ 2: GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi: *Vì sao Chiến thắng Biên giới năm 1950 được coi là bước ngoặt của cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp xâm lược?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: Các nhóm thảo luận, trình bày thắng lợi tiêu biểu.

– Nhiệm vụ 2: Sau khi HS hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm tiếp tục thảo luận để giải thích lí do Chiến thắng Biên giới năm 1950 được coi là bước ngoặt của cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp xâm lược.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Nhiệm vụ 1: Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm. HS có thể sưu tầm ảnh đính kèm,… nội dung cần nêu được: thắng lợi tiêu biểu và ý nghĩa.

+ Gợi ý bảng:

Tên chiến dịch	Thắng lợi tiêu biểu	Ý nghĩa

Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 (1946 – 1947)	– Quân dân Hà Nội và các đô thị ở phía Bắc vĩ tuyến 16 đã chủ động tiến công quân Pháp, tổ chức các trận đánh làm tiêu hao một bộ phận sinh lực địch,... – Cuộc chiến đấu đã giam chân quân địch ở Hà Nội và các thành phố, thị xã phía Bắc vĩ tuyến 16.	Sau gần ba tháng chiến đấu quyết liệt, lực lượng quân chủ lực của ta đã rút lui an toàn ra vùng hậu phương để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kì.
Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947	Quân ta phục kích, chặn đánh địch ở cả hướng đông và hướng tây. Sau hơn hai tháng, đại bộ phận quân Pháp phải rút chạy khỏi Việt Bắc, cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến được bảo vệ an toàn.	Là chiến dịch phản công lớn đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Pháp, giúp bộ đội chủ lực trưởng thành và thu được nhiều vũ khí. Chiến thắng này cũng làm thất bại hoàn toàn chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp.
Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950	Trận tiến công vào Đông Khê giành thắng lợi. Sau gần một tháng, quân Pháp bị buộc phải rút khỏi các cứ điểm trên Đường số 4 như: Cao Bằng, Thất Khê, Na Sầm, Lạng Sơn,...	Đây là chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam, giải phóng được vùng biên giới rộng lớn và mở đường liên lạc quốc tế, bảo vệ được căn cứ địa Việt Bắc, chọc thủng hành lang Đông – Tây, làm phá sản Kế hoạch Rơ-ve của Pháp. Từ đây, quân đội Việt Nam đã giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

– Nhiệm vụ 2: HS nêu được lí do: đây là chiến dịch chủ động tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam, giải phóng được vùng biên giới rộng lớn và mở đường liên lạc quốc tế, bảo vệ được căn cứ địa Việt Bắc, chọc thủng hành lang Đông – Tây, làm phá sản Kế hoạch Rơ-ve của Pháp.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và chốt lại: Cùng với những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá, những thắng lợi trên mặt trận quân sự góp phần quan trọng làm

thất bại âm mưu xâm lược của thực dân Pháp. Chiến thắng Biên giới năm 1950 được coi là bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược vì từ đây quân đội ta giành được thế chủ động đến chiến trường chính Bắc Bộ.

3. Hoạt động luyện tậpCâu 1.

a) Mục tiêu

Củng cố lại kiến thức bài học, tìm dẫn chứng trong bài để chứng minh tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà nhân dân ta tiến hành. ***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

Lưu ý: GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS thực hiện ở nhà các nhiệm vụ sau:

– Nhiệm vụ 1: *Hãy chứng minh câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (12 – 1946): "Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa".*

– Nhiệm vụ 2: *Hoàn thành thành bảng về các thắng lợi hoặc thành tựu tiêu biểu trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1950).*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS khai thác thông tin trong SGK và kiến thức đã học trên lớp để tìm dẫn chứng chứng minh.

– Nhiệm vụ 2: HS sử dụng thông tin trong SGK để hoàn thành bảng.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận*** – HS báo cáo sản phẩm.

– Gợi ý nội dung HS cần nêu được:

+ Nhiệm vụ 1: HS chọn lọc các sự kiện là hành động gây hấn của thực dân Pháp sau khi đưa quân ra miền Bắc, thái độ và biện pháp ứng phó mềm dẻo, linh hoạt của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (kí kết *Hiệp định Sơ bộ, Tạm ước* như là những nỗ lực "cứu vãn nền hoà bình"; Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm nước Pháp với nhiều hoạt động thể hiện thông điệp giữ gìn hoà bình; Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư đến Liên hợp quốc khẳng định: *nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước*,…).

+ Nhiệm vụ 2:

NHỮNG THẮNG LỢI TIÊU BIỂU TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 – 1950)	
Lĩnh vực	**Thành tựu tiêu biểu**
Chính trị, ngoại giao	Các cơ quan Đảng, chính phủ, mặt trận,… đã được di chuyển an toàn tới chiến khu Việt Bắc.
	Chính quyền từ trung ương đến cơ sở được kiện toàn và củng cố.

	Trung Quốc, Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác như Tiệp Khắc, Ru-ma-ni, Ba Lan,… đã lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
Kinh tế	Các hoạt động tăng gia sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp được đẩy mạnh.
	Một số xí nghiệp quốc phòng và dân dụng có quy mô thích hợp đã lần lượt được xây dựng ở các vùng tự do, căn cứ kháng chiến.
	Các ngành khai khoáng, cơ khí, hoá chất, diêm, giấy,… từng bước đi vào hoạt động.
Văn hoá, giáo dục	Chú trọng xây dựng và phát triển văn hoá phục vụ cuộc kháng chiến.
	Thực hiện Cải cách giáo dục phổ thông hướng tới xây dựng nền giáo dục cách mạng mới trong khi phong trào diệt "giặc dốt" và bổ túc văn hoá tiếp tục được đẩy mạnh.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà để trả lời câu hỏi: *Theo em, nội dung nào trong đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược có thể vận dụng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay? Vì sao?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS lựa chọn nội dung trong đường lối kháng chiến có thể vận dụng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay và giải thích được lí do.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện vào thời gian thích hợp hoặc thu lại bài làm của HS để chấm điểm ĐGTX.

**** Bước 4: Kết luận***

GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ ở nhà của HS.

BÀI 15. VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC GIAI ĐOẠN 1951 – 1954

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự, ngoại giao,... trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 – 1954.

– Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu và sử dụng lược đồ, sơ đồ để tìm hiểu về cuộc kháng chiến trống Pháp giai đoạn 1951 – 1954.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc mô tả những thắng lợi tiêu biểu và nêu được ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

– Năng lực vận dụng kiến thức đã học: vận dụng được bài học về chiến tranh nhân dân trong công cuộc và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ý thức khâm phục và tự hào về những thắng lợi của quân và dân ta đã đạt được trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 – 1954, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; từ đó nhận thức được tình đoàn kết dân tộc, đoàn kết giữa ba nước Đông Dương và đoàn kết quốc tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

– Tranh, ảnh, phim tài liệu hoặc điện ảnh về cuộc kháng chiến chống Pháp.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS quan sát hình ảnh và sử dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi trong SGK bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS lần lượt đưa ra câu trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

Trên cơ sở phần trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài mới, nêu yêu cầu cần đạt chủ yếu của bài học để định hướng nhận thức của HS.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá

a) Mục tiêu

HS nêu được những thắng lợi, thành tựu tiêu biểu trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1951 – 1954 ***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu yêu cầu: *Hãy nêu những thắng lợi trên mặt trận chính trị, kinh tế và văn hoá xã hội trong kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 – 1954.* Với yêu cầu này, GV tổ chức chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về thắng lợi hoặc thành tựu tiêu biểu của một lĩnh vực theo gợi ý ở Phiếu học tập dưới đây.

PHIẾU HỌC TẬP

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu
Chính trị	
Kinh tế	
Văn hoá	

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS thảo luận nhóm nội dung lĩnh vực được giao, đọc thông tin để hoàn thành Phiếu học tập.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

Các nhóm báo cáo sản phẩm.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét Phiếu học tập đã hoàn thành của HS và chốt nội dung để HS ghi vào vở.

**** Bước 5: Mở rộng***

GV cho HS thảo luận nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) trình bày quan điểm: *Theo em, những thắng lợi trên mặt trận chính trị, kinh tế và văn hoá xã hội trong giai đoạn 1951 – 1954 có ý nghĩa gì đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?*

GV hướng dẫn để HS nêu được ý nghĩa của những thắng lợi trên mặt trận chính trị, kinh tế và văn hoá xã hội trong giai đoạn 1951 – 1954 đã tạo nên sức mạnh tổng hợp trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự*a) Mục tiêu*

HS mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự trong những năm 1951 – 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi: *Kế hoạch Na-va đã bị phá sản như thế nào?*

– Nhiệm vụ 2: GV tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm (theo bàn) hoặc cặp đôi để thực hiện yêu cầu: *Hãy mô tả những thắng lợi tiêu biểu trong cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

– Nhiệm vụ 2: Các nhóm thảo luận để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Nhiệm vụ 1: GV gọi 2 – 3 HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét, góp ý.

– Nhiệm vụ 2: GV mời đại diện 2 – 3 nhóm báo cáo kết quả thảo luận và gọi một số thành viên của nhóm khác nhận xét, góp ý.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và chốt lại nội dung: Từ giữa năm 1953, thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đã triển khai Kế hoạch Na-va với hi vọng sẽ giành thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh. Điểm mấu chốt của kế hoạch là tập trung lực lượng cơ động chiến lược mạnh ở đồng bằng Bắc Bộ, lúc cao điểm lên đến 44 tiểu đoàn, nhằm giành lại sự chủ động chiến lược xoay chuyển tình thế trên chiến trường Đông Dương, thực hiện đòn tiến công mang tính quyết định khi có điều kiện. Để đối phó với Kế hoạch Na-va, Bộ Chính trị quyết định đề ra Kế hoạch tác chiến Đông – Xuân 1953 – 1954, mở chiến dịch Điện Biên Phủ, thông qua

phương án tác chiến "đánh nhanh, thắng nhanh" và sau đó là chuyển sang "đánh chắc, tiến chắc".

Cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi đã đập tan Kế hoạch Na-va, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương, tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi. Chiến thắng này cũng là nguồn cổ vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu những thắng lợi về ngoại giao

a) Mục tiêu

HS mô tả được thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận ngoại giao trong kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1951 – 1954.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi, khai thác tư liệu và thông tin trong mục để thực hiện yêu cầu: *Mô tả những thắng lợi trên mặt trận ngoại giao trong kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 – 1954*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS khai thác tư liệu để tìm ra được những cụm từ thể hiện thắng lợi quan trọng trên bàn đàm phán ở Hội nghị Giơ-ne-vơ.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi trình bày.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và chốt lại ý: Thắng lợi lớn nhất trong đấu tranh ngoại giao là tham gia đàm phán và kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về lập lại hoà bình ở Đông Dương, buộc thực dân Pháp phải rút quân về nước, Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hoá chiến tranh xâm lược Đông Dương.

**** Bước 5: Mở rộng***

GV nêu yêu cầu mở rộng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: "Thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng. Cái chiêng có mạnh thì cái tiếng mới vang", hãy cho biết mối quan hệ giữa mặt trận quân sự với mặt trận ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1951 – 1954.*

GV gợi ý để HS nêu được thắng lợi mà quân dân Việt Nam đạt được trong chiến dịch Điện Biên Phủ đã tạo ra tiếng vang, thúc đẩy vấn đề hoà bình ở Đông Dương được đưa lên bàn đàm phán và Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết, có nhiều điều khoản thuận lợi cho chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ ở Đông Dương, trong đó có Việt Nam.

2.4. Hoạt động 4: Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp

a) Mục tiêu

HS nêu được nguyên nhân chủ quan và khách quan, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS thảo luận theo cặp đôi thực hiện yêu cầu: *Hãy nêu nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS thảo luận để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi một số cặp đôi báo cáo kết quả. GV khuyến khích HS đưa ra dẫn chứng từ những thông tin trong bài học như: đường lối kháng chiến đúng đắn, truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng đã tạo nên sức mạnh để thực hiện khẩu hiệu: Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng trong chiến dịch Điện Biên Phủ,...

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức: Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi là do có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, truyền thống yêu nước của dân tộc, tinh thần đoàn kết, lực lượng vũ trang ngày càng trưởng thành, hậu phương vững chắc,… sự phối hợp đoàn kết chiến đấu của nhân ba nước Đông Dương, sự ủng hộ của các lực lượng yêu chuộng hoà bình và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa.

Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi đã chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp, miền Bắc được giải phóng,…; đồng thời cổ vũ phong trào cách mạng, giải phóng dân tộc của các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa kiểu cũ.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Củng cố lại kiến thức bài học.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS: *Hoàn thành bảng về các thắng lợi tiêu biểu của quân dân Việt Nam trong giai đoạn 1951 – 1954.*

– Nhiệm vụ 2: Sau khi HS hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu cá nhân HS trả lời câu hỏi: *Vì sao nói: Chiến thắng Điện Biên Phủ là sự kiện "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu"?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS hoàn thành bảng theo hướng dẫn trong SGK vào vở.

– Nhiệm vụ 2: HS dựa vào kiến thức đã học giải thích được lí do chiến thắngĐiện Biên Phủ là sự kiện "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu".

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Nhiệm vụ 1: HS báo cáo sản phẩm hoặc trao đổi bảng và nhận xét chéo. Dự kiến sản phẩm:

Nội dung	Thắng lợi tiêu biểu

Chính trị	– Tổ chức thành công Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương và đưa ra những quyết nghị quan trọng để đưa cuộc kháng chiến thắng lợi hoàn toàn trong bối cảnh lịch sử mới.
Kinh tế	– Tăng cường tiềm lực vật chất cho kháng chiến thông qua vận động sản xuất và thực hành tiết kiệm, cải cách ruộng đất, Công nghiệp quốc phòng phát triển. – Nhận viện trợ của Liên Xô, Trung Quốc,…
Văn hoá	– Đẩy mạnh cải cách giáo dục. – Thành lập các trường chuyên nghiệp, sư phạm, đại học. – Văn học, nghệ thuật cách mạng có nhiều tác phẩm phản ánh sinh động về cuộc kháng chiến.
Quân sự	Chiến dịch Hoà Bình (1951 – 1952), chiến dịch Tây Bắc (1952), Thượng Lào (1953), Lai Châu (12 – 1953), Tây Nguyên (2 – 1954), Trung Lào (12 – 1953), Thượng Lào (1 – 1954), Điện Biên Phủ (từ tháng 3 đến tháng 5 – 1954).
Ngoại giao	– Sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới, đặc biệt là nhân dân Pháp. – Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết đã lập lại hoà bình và cam kết tôn trọng chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương; buộc thực dân Pháp phải rút quân về nước.

– Nhiệm vụ 2: GV gọi một số HS trả lời câu hỏi. HS cần nêu được: 1. Sự tự tin của Pháp – Mỹ khi xây dựng Điện Biên Phủ thành pháo đài bất khả xâm phạm; 2. Diễn biến khái quát của chiến dịch Điện Biên Phủ (làm rõ sự chênh lệch lực lượng giữa ta và địch để thấy được tầm vóc của chiến thắng Điện Biên Phủ); 3. Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Điện Biên Phủ (đối với Việt Nam và quốc tế).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các nhiệm vụ học tập.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

Lưu ý: GV giao cho cá nhân HS về nhà thực hiện các nhiệm vụ:

– Nhiệm vụ 1*: Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, xây dựng infographic giới thiệu về một thắng lợi tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp*.

– Nhiệm vụ 2: *Hãy sưu tầm một số tác phẩm văn học, nghệ thuật tiêu biểu được sáng tác trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS chọn một chiến thắng tiêu biểu để sưu tầm tư liệu và mô tả lại chiến thắng đó. Nội dung cần nêu được: tên chiến thắng, thời gian, địa điểm, âm mưu của thực dân Pháp và kế hoạch tác chiến của ta, diễn biến, các nhân vật lịch sử có liên quan, ý nghĩa lịch sử.

– Nhiệm vụ 2: HS tìm hiểu các tác phẩm thơ, văn, nhạc, hoạ được sáng tác trong thời gian này để giới thiệu được một số tên tuổi nổi bật như: Tố Hữu, Đỗ Nhuận, Hoàng Vân, Tô Ngọc Vân,…

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm vào thời gian thích hợp hoặc thu lại sản phẩm để chấm điểm ĐGTX.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và đánh giá phần tìm hiểu thông tin của cả lớp.

BÀI 16. VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC GIAI ĐOẠN 1954 – 1965

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam,…).

– Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1965 (phong trào Đồng khởi, đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt").

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử qua quan sát tranh ảnh, khai thác và sử dụng thông tin tư liệu lịch sử để tìm hiểu về thành tựu tiêu biểu của miền Bắc giai đoạn 1955 – 1965 và thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam giai đoạn 1961 – 1965.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, mô tả được những thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1965.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua lập bảng hệ thống và sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet để chứng minh vai trò của hậu phương miền Bắc đối với tiền tuyến miền Nam trong những năm 1961 – 1965; giới thiệu về khu di tích Chiến thắng Ấp Bắc và lí do nên đến tham quan, học tập ở khu di tích này.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng thái độ trân trọng những thành tựu mà nhân dân hai miền Nam, Bắc đã đạt được trong giai đoạn 1954 – 1965. Lòng yêu nước cũng như ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Tư liệu lịch sử: Tranh ảnh, sơ đồ, bảng (bản in hoặc slide trình chiếu), tư liệu về các thành tựu của miền Bắc và phong trào Đồng khởi, các chiến thắng của nhân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

– Phiếu học tập.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu nội dung bài học mới của HS. ***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

– Phương án 2: GV yêu cầu HS quan sát Hình 16.1 trong SGK và đặt câu hỏi: *Em đã từng đến địa điểm được nhắc đến chưa. Nếu có, hãy chia sẻ về những sự kiện lịch sử có liên quan đến di tích đó*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Phương án 1: HS suy nghĩ, trao đổi nhanh với bạn tìm thông tin để trả lời.

– Phương án 2: HS suy nghĩ, tìm sự kiện lịch sử tiêu biểu gắn với di tích.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Phương án 1: HS trả lời câu hỏi, liên hệ kiến thức đã học ở Bài 15 và nêu tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ: Đất nước tạm thời bị chia cắt thành hai miền, cầu Hiền Lương bắc qua sông Bến Hải trở thành giới tuyến phân chia hai miền Nam – Bắc. Mỗi miền thực hiện một nhiệm vụ khác nhau song cùng hướng đến mục tiêu chung là thống nhất đất nước. Từ tháng 7 – 1954 đến năm 1965, miền Bắc hoàn toàn giải phóng và bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, còn miền Nam tiếp tục đấu tranh đòi thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ, chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ.

– Phương án 2: HS chia sẻ về sự kiện liên quan đến di tích.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, trên cơ sở phần trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài mới, nêu yêu cầu cần đạt chủ yếu của bài học để định hướng nhận thức của HS.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu những thành tựu tiêu biểu của miền Bắc trong giai đoạn 1954 – 1957

a) Mục tiêu

HS giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giai đoạn 1954 – 1957, nêu được kết quả, ý nghĩa của những thành tựu đó.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV giao nhiệm vụ cho HS, đọc thông tin trong mục a trong SGK, quan sát Hình 16.2 để trả lời câu hỏi: *Miền Bắc đã hoàn thành cải cách ruộng đất như thế nào*?

– Nhiệm vụ 2: *Hãy giới thiệu tóm tắt những thành tựu tiêu biểu của miền Bắc trong khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh*. Với yêu cầu này, GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm (4 – 6HS mỗi nhóm), đọc thông tin trong SGK để nêu được những thành tựu tiêu biểu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS đọc SGK, quan sát Hình 16.2 nêu được hoàn cảnh, chủ trương, kết quả của cải cách ruộng đất.

– Nhiệm vụ 2: HS khai thác thông tin SGK, tìm từ thông tin để giới thiệu tóm tắt những thành tựu tiêu biểu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Nhiệm vụ 1: GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi và gọi bất kì 1 – 2 HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

– Nhiệm vụ 2:

+ GV mời đại diện 1 – 2 nhóm giới thiệu những thắng lợi tiêu biểu, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung để hoàn thiện nội dung.

+ HS nêu được những thành tựu tiêu biểu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc giai đoạn (1954 – 1957) là hoàn thành cải cách ruộng đất (thực hiện người cày có ruộng, xoá bỏ giai cấp địa chủ phong kiến, đưa nông dân trở thành người làm chủ), khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh (giải quyết được cơ bản nạn đói, khôi phục, mở rộng các nhà máy đã có, xây dựng các nhà máy mới, hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán được mở rộng,… giao thông vận tải được khôi phục và phát triển).

***Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**GV nhận xét và chuẩn kiến thức:

+ Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng song phải đối mặt với nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh để lại. Trước tình hình đó, Đảng và Chính phủ quyết định "Đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất". Kết quả người cày có ruộng, giai cấp địa chủ phong kiến bị xoá bỏ, giai cấp nông dân trở thành người làm chủ.

+ Những thành tựu tiêu biểu của miền Bắc trong xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954 – 1957) là: cơ bản giải quyết được nạn đói; khôi phục, mở rộng các nhà máy đã có, xây dựng các nhà máy mới như: Diêm Thống nhất (1956), thuốc lá Thăng Long (1957),...; hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán được mở rộng, giao lưu hàng hoá phát triển; giao thông vận tải đường sắt và đường ô tô được khôi phục và phát triển, các bến cảng được tu sửa và mở rộng, đặc biệt là đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.

***Bước 5: Mở rộng**

GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS thực hiện yêu cầu: *Nêu ý nghĩa của những thành tựu đạt được trong khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh của miền Bắc (1954 – 1957).* HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu những thành tựu tiêu biểu của miền Bắc trong giai đoạn 1958 – 1960

a) Mục tiêu

HS trình bày được thành tựu của miền Bắc trong cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá và chi viện cho miền Nam (1958 – 1960).

b) Tổ chức thực hiện

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV nêu yêu cầu: *Giới thiệu tóm tắt những thành tựu tiêu biểu của miền Bắc trong cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá (1958 – 1960)*. Với yêu cầu này, GV cho HS thảo luận theo nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm), mỗi nhóm

chọn một thành tựu tiêu biểu (lĩnh vực hoặc công trình) và giới thiệu theo dàn ý 6 câu hỏi 5W-1H:

+ What? Thành tựu gì?

+ Why? Vì sao chọn thành tựu đó?

+ Where? Ở đâu?

+ When? Khi nào?

+ Who? Ai là nhân vật liên quan (tiêu biểu)?

+ How? Như thế nào? (Mô tả thành tựu và ý nghĩa)

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm thực hiện yêu cầu theo dàn ý.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

Các nhóm báo cáo, các thành viên khác bổ sung (nếu có). GV hướng dẫn HS đọc thêm thông tin mục Em có biết và tìm hiểu thêm về Đoàn 559 qua Bảo tàng Đường Hồ Chí Minh (Hà Nội) hoặc câu chuyện về đoàn 559 hoặc các tấm gương tiêu biểu để nêu được một số nhân vật tiêu biểu.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và chốt nội dung để HS ghi vào vở: Trong những năm 1958 – 1960, miền Bắc tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – văn hoá và đạt được nhiều thành tựu như: nông dân cá thể, thợ thủ công, thương nhân tham gia vào các hợp tác xã thúc đẩy sản xuất phát triển; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể phát triển (Nhà nước, tập thể quản lí); văn hoá, giáo dục, y tế phát triển.

**** Bước 5: Mở rộng***

GV cho HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi: *Trong giai đoạn này, miền Bắc đã chi viện cho miền Nam như thế nào*?

GV hướng dẫn để HS nêu được: Nhiều đơn vị vũ trang, cán bộ được huấn luyện và đưa vào chiến trường, tham gia hoặc phục vụ chiến đấu, xây dựng vùng giải phóng. Đặc biệt, từ năm 1959, tuyến chi viện chiến lược – đường Trường Sơn trên bộ, trên biển được hình thành và ngày càng phát triển. Sự chi viện của miền Bắc là rất to lớn, cả về vật chất và tinh thần góp phần tạo nên những thắng lợi tiêu biểu của nhân dân miền Nam trong những năm 1954 – 1960.

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu những thành tựu tiêu biểu của miền Bắc giai đoạn 1961 – 1965

a) Mục tiêu

HS giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1961 – 1965.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu yêu cầu: *Giới thiệu những thành tựu tiêu biểu của miền Bắc trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và chi viện cho miền Nam (1961 – 1965).* Với yêu cầu này,

GV có thể cho HS thảo luận nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để hoàn thành Phiếu học tập (theo gợi ý dưới đây):

PHIẾU HỌC TẬP

Lĩnh vực	Thành tựu
Nông nghiệp	
Công nghiệp	
Thương nghiệp	
Giao thông	
Chi viện cho miền Nam	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận nhóm, hoàn thành Phiếu học tập trên giấy A0.

Bước 3: Báo cáo, thảo luậnCác nhóm báo cáo kết quả.

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét kết quả thực hiện yêu cầu của các nhóm và chốt nội dung: Sau 5 năm thực hiện kế hoạch (1961 – 1965), miền Bắc đã đạt được những thành tựu tiêu biểu trong xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội: ưu tiên xây dựng và phát triển các nông trường, lâm trường quốc doanh; công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ đều được đầu tư phát triển; thương nghiệp quốc doanh chiếm lĩnh thị trường; giao thông được củng cố, hoàn thiện. Trong giai đoạn này, miền Bắc tiếp tục làm nhiệm vụ hậu phương, chi viện cho miền Nam: từ năm 1961 đến năm 1963, khoảng 4 vạn cán bộ, chiến sĩ được bổ sung cho chiến trường miền Nam. GV có thể kể thêm về phong trào "Ba sẵn sàng" của thanh niên, phong trào "Ba đảm đang" của phụ nữ miền Bắc để thấy được những đóng góp của miền Bắc cho miền Nam.

Bước 5: Mở rộng

GV nêu vấn đề: *Đánh giá về thành tựu miền Bắc đạt được trong những năm 1955 – 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: "Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội, con người đều đổi mới". Em có đồng ý với nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh? Vì sao?*

Với yêu cầu này, GV cho HS làm việc cá nhân, định hướng để HS nêuđược quan điểm về nhận định và lấy được dẫn chứng trong SGK để chứng minh.

2.4. Hoạt động 4: Tìm hiểu về phong trào Đồng khởi

a) Mục tiêu

HS nêu được hoàn cảnh, diễn biến, kết quả của phong trào Đồng khởi.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ học tập: *Phong trào Đồng khởi nổ ra trong hoàn cảnh lịch sử nào? Nêu diễn biến, kết quả của phong trào.* Với yêu cầu này, GV chia lớp thành 3 nhóm với các nhiệm vụ sau:

+ Nhóm 1: Tìm hiểu về hoàn cảnh nổ ra của phong trào Đồng Khởi.

+ Nhóm 2: Nêu diễn biến của phong trào Đồng Khởi.

+ Nhóm 3: Nêu kết quả của phong trào Đồng Khởi.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm thảo luận, thống nhất nội dung trình bày.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– GV mời đại diện nhóm các nhóm lần lượt báo cáo kết quả thảo luận.

– Gợi ý nội dung HS cần nêu được:

+ Hoàn cảnh nổ ra của phong trào Đồng Khởi: Sau khi Pháp rút khỏi miền Nam (1954), đế quốc Mỹ can thiệp và dựng lên chính quyền Ngô Đ.nh Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta. Trước tình hình đó, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (đầu năm 1959) đã quyết định tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

+ Diễn biến của phong trào Đồng Khởi: Dưới ánh sáng Nghị quyết của Đảng, phong trào nổi dậy của quần chúng bùng nổ. Ngày 17 – 1 – 1960, nhân dân ba x. ở huyện Mỏ Cày đồng loạt nổi dậy đánh đổn bốt, diệt ác ôn, giải tán chính quyền địch. Từ Mỏ Cày, cuộc nổi dậy lan ra toàn tỉnh Bến Tre. Từ Bến Tre, phong trào Đồng khởi lan ra khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở Trung Trung Bộ.

+ Kết quả của phong trào Đồng khởi: đã làm cho bộ máy cai trị của chính quyền địch ở thôn, xã bị phá vỡ, các uỷ ban nhân dân tự quản được thành lập, ruộng đất của địa chủ, cường hào bị tịch thu và chia cho dân cày nghèo.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và chốt nội dung như sau:

+ Hoàn cảnh: Sau khi Pháp rút khỏi miền Nam (1954), đế quốc Mỹ can thiệp và dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta.

+ Chủ trương của Đảng: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (đầu năm 1959) đã quyết định tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

+ Diễn biến: Ngày 17 – 1 – 1960, nhân dân ba xã ở huyện Mỏ Cày đồng loạt nổi dậy đánh đổn bốt, diệt ác ôn, giải tán chính quyền địch. Từ Mỏ Cày, cuộc nổi dậy lan ra toàn tỉnh Bến Tre. Từ Bến Tre, phong trào Đồng khởi lan ra khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở Trung Trung Bộ.

+ Kết quả: Phong trào Đồng khởi đã làm cho bộ máy cai trị của chính quyền địch ở thôn, xã bị phá vỡ, các uỷ ban nhân dân tự quản được thành lập, ruộng đất của địa chủ, cường hào bị tịch thu và chia cho dân cày nghèo.

**** Bước 5: Mở rộng***

GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi: *Vì sao nói phong trào Đồng khởi đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam*?

GV hướng dẫn để HS trả lời được: Phong trào Đồng khởi đã giáng đòn mạnh mẽ vào chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam, làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm; đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam: cách mạng chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

2.5. Hoạt động 5: Tìm hiểu những chiến thắng tiêu biểu của nhân dân miền Nam trong giai đoạn 1961 – 1965

a) Mục tiêu

HS mô tả được những thắng lợi tiêu biểu của nhân dân miền Nam trong đấu tranh chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ, nêu được ý nghĩa của chiến thắng Ấp Bắc.

***b)* Tổ chức thực hiện**

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để thực hiện yêu cầu: *Mô tả những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ*. HS có thể báo cáo kết quả bằng sơ đồ tư duy hoặc bảng tóm tắt.

– Nhiệm vụ 2: GV cho HS hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi: *Khẩu hiệu "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công" cho em biết thêm điều gì về ý nghĩa của chiến thắng Ấp Bắc?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV có thể chuẩn bị bộ thẻ thông tin (có ảnh và thông tin ngắn gọn) về những thắng lợi tiêu biểu để HS tìm hiểu.

– Nhiệm vụ 2: HS làm việc cá nhân đọc SGK để nêu được ý nghĩa của chiến thắng Ấp Bắc.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Nhiệm vụ 1: GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm báo cáo sản phẩm và gọi một số HS của nhóm khác nhận xét, góp ý.

+ Gợi ý sản phẩm:

giành thắng lợi ở An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước), làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ.

Năm 1963 ngày 2 – 1, mở ra khả năng quân dân miền Nam có thể đánh bại được chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Phong trào "thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công" dấy lên trên khắp miền Nam.

Năm 1964 – 1965

	• Đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của quân đội Sài Gòn vào chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh,…
Năm 1962	• Đấu tranh phá "ấp chiến lược", làm thất bại âm mưu bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

– Nhiệm vụ 2: GV gọi bất kì một số HS trả lời câu hỏi.

+ Gợi ý nội dung trả lời: Khẩu hiệu "thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công" ra đời sau thắng lợi của quân dân miền Nam ở Ấp Bắc (Mỹ Tho) ngày 2 – 1 – 1963. Phong trào thi đua đã dấy lên trên khắp miền Nam làm thất bại một bước quan trọng trong âm mưu bình định, lấn chiếm của địch trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét sản phẩm của HS và chuẩn hoá kiến thức.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Củng cố kiến thức đã học.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: *Lập bảng hệ thống về những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân miền Bắc và những thắng lợi về quân sự của quân dân miền Nam trong giai đoạn 1954 – 1965*. Để thực hiện nhiệm vụ này, GV chia lớp thành 2 nhóm để hoàn thành Phiếu học tập (theo gợi ý dưới đây).

+ Nhóm 1: Tìm hiểu những thành tựu tiêu biểu của nhân dân miền Bắc trong giai đoạn 1954 – 1965.

+ Nhóm 2: Tìm hiểu những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Bắc trong giai đoạn 1954 – 1965.

Giai đoạn	Thành tựu của nhân dân miền Bắc	Thắng lợi quân sự của nhân dân miền Nam
1954 – 1957		
1958 – 1960		
1961 – 1965		

Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu các nhóm trình bày quan điểm: *Em có ấn tượng nhất với thành tựu nào của miền Bắc hoặc thắng lợi nào của miền Nam trong giai đoạn 1954 – 1965*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS thảo luận hoàn thành bảng.

– Nhiệm vụ 2: HS chọn một trong các thành tựu tiêu biểu của miền Bắc như: hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế và hàn gắn vết thương chiến tranh, cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế, văn hoá, thực hiện kế hoạch 5 năm, chi viện cho miền Nam để giới thiệu,…

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Nhiệm vụ 1: HS có thể báo cáo kết quả học tập vào tiết học sau hoặc nộp Phiếu học tập để ĐGTX.

– Nhiệm vụ 2: GV tổ chức cho HS trao đổi trên lớp trong khoảng 5 – 7 phút tổng kết tiết học. Khuyến khích HS nêu ra ý kiến của mình và trao đổi với bạn.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học kết hợp với sưu tầm, lựa chọn thêm tư liệu để trình bày, chứng minh cho một nhận định.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

Lưu ý: GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS về nhà chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

– Nhiệm vụ 1: *Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet, hãy chọn tư liệu phù hợp để chứng minh sự chi viện sức người, sức của của hậu phương miền Bắc đã góp phần quan trọng vào những thắng lợi quân sự ở tiền tuyến miền Nam từ năm 1961 đến năm 1965.*

GV hướng dẫn HS tham khảo video giới thiệu Bảo tàng Đường Hồ Chí Minh – nơi lưu giữ nhiều kỉ vật về Đường Hồ Chí Minh do Binh đoàn Trường Sơn (Đoàn 559) thực hiện (https://www.youtube.com/watch?v=uMbv8J-9ugA).

– Nhiệm vụ 2: *Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet, hãy giới thiệu về khu di tích Chiến thắng Ấp Bắc và nêu lí do nên đến tham quan, học tập tại di tích này.*

GV hướng dẫn HS giới thiệu theo gợi ý: địa điểm, điểm đặc biệt của khu di tích, sự kiện lịch sử hoặc nhân vật liên quan, lí do nên đến học tập tại di tích này.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS tìm tư liệu theo hướng dẫn của GV, viết 3 – 5 câu giới thiệu theo gợi ý sau: Tên ảnh hoặc tranh tư liệu, nguồn gốc của tư liệu, minh chứng cho sự kiện.

– Nhiệm vụ 2: HS thảo luận nhóm, viết bài giới thiệu về khu di tích theo hướng dẫn của GV.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm vào thời gian phù hợp hoặc thu lại bài làm của HS và chấm lấy điểm ĐGTX.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ ở nhà của HS.

BÀI 17. VIỆT NAM KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC GIAI ĐOẠN 1965 – 1975

(Thời gian thực hiện: 3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giai đoạn 1965 – 1975 (chi viện cho miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,…).

– Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975 (đánh bại các chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ", Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,…).

– Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiếnchống Mỹ, cứu nước.

2. Về năng lực

2.1. Hình thành, phát triển các năng lực:

– Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi đểthực hiện các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử qua quan sát hình ảnh, khai thác thông tin để tìm hiểu về thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; những thắng lợi về quân sự của quân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, mô tả được những thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong giai đoạn 1965 – 1975; nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng thông qua việc sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet để chứng minh vai trò của hậu phương miền Bắc đối với tiền tuyến miền Nam trong những năm 1965 – 1975.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng cho HS thái độ trân trọng những thành tựu của nhân dân hai miền Nam, Bắc đã đạt được và lòng biết ơn, tri ân đến các anh hùng liệt sĩ và những người có đóng góp tiêu biểu cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Tranh ảnh, sơ đồ, bảng (bản in hoặc slide trình chiếu), tư liệu về các thành tựu và chiến thắng của hai miền Nam, Bắc trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hoá chiến tranh" và cuộc Tổng tiến công Xuân 1975.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Nêu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và những thắng lợi tiêu biểu của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS trao đổi nhanh để nêu được nội dung và ý nghĩa của bài thơ.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thông tin.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu cuộc chiến đấu trực tiếp chống Mỹ, cứu nước của cả nước (1965 – 1973)

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu những thắng lợi tiêu biểu của nhân dân miền Nam trong giai đoạn 1965 – 1973

a) Mục tiêu

HS mô tả được những thắng lợi tiêu biểu của nhân dân miền Nam giai đoạn 1965 – 1973.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: *Mô tả những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam các giai đoạn 1965 – 1973. V*ới yêu cầu trên, GV có thể chia lớp thành

3 nhóm, mỗi nhóm chọn một thắng lợi tiêu biểu (Vạn Tường, mùa khô 1965 – 1966 và mùa khô 1966 – 1967, Xuân Mậu Th ân) để thảo luận theo dàn ý 6 câu hỏi cơ bản 5W-1H:

+ What? Thắng lợi nào?

+ Why? Vì sao thắng lợi đó là tiêu biểu?

+ Where? Diễn ra ở đâu?

+ When? Khi nào?

+ Why? Vì sao thắng lợi đó là tiêu biểu?

+ Who? Ai là nhân vật tiêu biểu có liên quan?

+ How? Diễn ra như thế nào? Ý nghĩa như thế nào?

– Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV yêu cầu các nhóm HS trình bày quan điểm *Thắng lợi nào của quân dân miền Nam đã đánh dấu thất bại của Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hoá chiến tranh"*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: Các nhóm thảo luận theo dàn ý, sau đó cử đại diện trình bày kết quả trước lớp.

– Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, các nhóm trình bày quan điểm.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

– Gợi ý nội dung trình bày:

+ Nhiệm vụ 1: Những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam giai đoạn 1965 – 1973 là: đã từng đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ với những thắng lợi tiêu biểu: đẩy lùi cuộc hành quân của Mỹ ở Vạn Tường (1965), đánh bại cuộc phản công mùa khô 1965 – 1967 và mùa khô 1966 – 1967, tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968), buộc Mỹ phải tuyên bố "phi Mỹ hoá" chiến tranh xâm lược, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh quân dân miền Nam đã giành được những thắng lợi; đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia (1970), đập tan cuộc hành quân Lam Sơn – 719 (1971), mở cuộc tiến công chiến lược vào Quảng Trị và giành thắng lợi (1972).

+ Nhiệm vụ 2: Thắng lợi đánh dấu sự thất bại của Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, vì với thắng lợi này, Mỹ buộc phải "phi Mỹ hoá" chiến tranh xâm lược, tức thừa nhận thất bại trong "Chiến tranh cục bộ".

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chuẩn kiến thức: Thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong giai đoạn 1965 – 1973 là đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ. Thắng lợi đánh dấu sự thất bại của Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân; thắng lợi đánh dấu sự thất bại của Mỹ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là cuộc Tiến công chiến lược vào Quảng Trị (1972).

2.1.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về thành tựu tiêu biểu của miền Bắc trong giai đoạn 1965 – 1973

a) Mục tiêu

HS giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giai đoạn 1965 – 1973.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV HS làm việc nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để thực hiện yêu cầu: *Hãy cho biết những thành tựu tiêu biểu của quân dân miền Bắc trong giai đoạn 1965 – 1973*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm sưu tầm tranh, ảnh (tranh vẽ, tranh cổ động, ảnh tư liệu), tư liệu về thành tựu của miền Bắc trong sản xuất, trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất hoặc thứ hai và chi viện cho miền Nam.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV mời đại diện 2 – 3 nhóm lên bảng trình bày kết quả thảo luận và mời thành viên của các nhóm khác nhận xét, góp ý. HS có thể dán tranh ảnh, trích dẫn tư liệu lên bảng phụ hoặc giấy A0, sau đó trình bày trước lớp. Các nhóm khác góp ý, nhận xét hoặc đặt câu hỏi (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét sản phẩm của HS và kết luận: Trong giai đoạn 1965 – 1973, miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và chi viện cho miền Nam với phong trào thi đua "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Nhờ vậy, miền Bắc đã đạt được những thành tựu tiêu biểu trong chiến đấu, sản xuất và chi viện cho miền Nam: bắn rơi nhiều máy bay, bắn cháy tàu chiến của địch, đảm bảo giao thông vận tải được thông suốt, chi viện cho miền Nam sức người, sức của; đặc biệt là đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và nhiều thành phố khác ở miền Bắc trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29 – 12 – 1972), buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (1973).

**** Bước 5: Mở rộng***

GV giam nhiệm vụ cho cá nhân HS: *Chia sẻ hiểu biết của em về các nhân vật tiêu biểu có đóng góp cho thời kì này*. GV hướng dẫn HS tìm hiểu về một số nhân vật như: các cô thanh niên xung phong hi sinh ở Ngã ba Đồng Lộc, mẹ Suốt,… để chia sẻ cảm nhận.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu quá trình hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973 – 1975)

a) Mục tiêu

HS trình bày được diễn biến, kết quả của Chiến dịch Hồ Chí Minh và giải phóng hoàn toàn miền Nam..

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để thực hiện yêu cầu: *Khai thác lược đồ hình 17.6 và thông tin trong mục, hãy trình bày diễn biến, kết quả của Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975*. GV có thể thiết kế Phiếu học tập (theo gợi ý dưới đây) để định hướng thảo luận cho HS.

Thời gian	Diễn biến chính	Kết quả
Ngày 26 – 4 – 1975	Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu.	

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

Các nhóm báo cáo sản phẩm, dựa vào Phiếu học tập đã hoàn thành, sử dụng Hình 17.6 để trình bày các mũi tấn công của năm cánh Quân Giải phóng vượt các tuyến phòng thủ của chính quyền và quân đội Sài Gòn ở vòng ngoài, tiến vào giải phóng thành phố Sài Gòn từ ngày 26 – 4 đến ngày 30 – 4 – 1975.

****%ˌ ᵠF≦WOXQFĶWN≦QWKꞮF***

*9QKɣQ[pW3KLЏXKăFWɣSFëDFiFQKyPYjWUuQKEj\
OнLGLĦQELЏQFKtQKFëD
&KLЏQGlFK+ĕ&Kt0LQKWUrQOнжöFÿĕWUHRWнжʒQJKRьFEъQÿĕWUuQKFK
LЏX6DXÿy *9QKѡQPнQKYjFKæWNLЏQWKɜF:

+ Diễn biến: hoà bình lập lại, miền Bắc tiếp tục khắc phục hậu quả của chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, tiếp tục chi viện cho miền Nam. Ở miền Nam, Mỹ rút quân xong vẫn tiếp tục viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn để chính quyền này tiến hành các chiến dịch tràn ngập lãnh thổ, mở các cuộc hành quân bình định lấn chiếm vùng giải phóng.

Đến cuối năm 1974, đầu năm 1975 so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng, đặc biệt là sau chiến thắng Phước Long, Đảng đã đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 – 1976. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 trải qua 3 chiến dịch lớn, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Chiều 26 – 4, Chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu và nhanh chóng giành thắng lợi. Đây là thắng lợi quan trọng của quân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, góp phần thống nhất nước nhà.

+ Kết quả: ngày 30 – 4, xe tăng Quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập, bắt giữ toàn bộ nội các của chính quyền Sài Gòn. Ngày 2 – 5, tỉnh cuối cùng ở miền Nam được giải phóng. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam toàn thắng.

**** Bước 5: Mở rộng***

– GV cho HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi: *Em có nhận xét gì về chiến lược, chiến thuật được Đảng ta sử dụng trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử?*

GV hướng dẫn HS nêu được nhận xét về nghệ thuật tổ chức lực lượng toàn dân đánh giặc; kế hoạch tác chiến, chiến lược độc đáo (chiến tranh nhân dân); tổng tiến

công chiến lược (tập trung đánh đòn chiến lược thứ nhất giải phóng Tây Nguyên, đánh đòn thứ hai giải phóng Huế, Đà Nẵng và các tỉnh lân cận, dồn tất lực lượng đánh đòn thứ ba – đòn then chốt giải phóng Sài Gòn nhanh gọn);...

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

a) Mục tiêu

HS nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu yêu cầu: *Nêu nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).* Với yêu cầu này, GV có thể chia lớp thành 2 nhóm, một nhóm tìm hiểu về nguyên nhân, nhóm còn lại tìm hiểu về ý nghĩa. GV hướng dẫn HS báo cáo bằng sơ đồ tư duy hoặc bảng tóm tắt, phiếu học tập,...

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm khai thác thông tin, tư liệu để thực hiện nhiệm vụ.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

– Gợi ý nội dung trình bày:

+ Sơ đồ nguyên nhân:

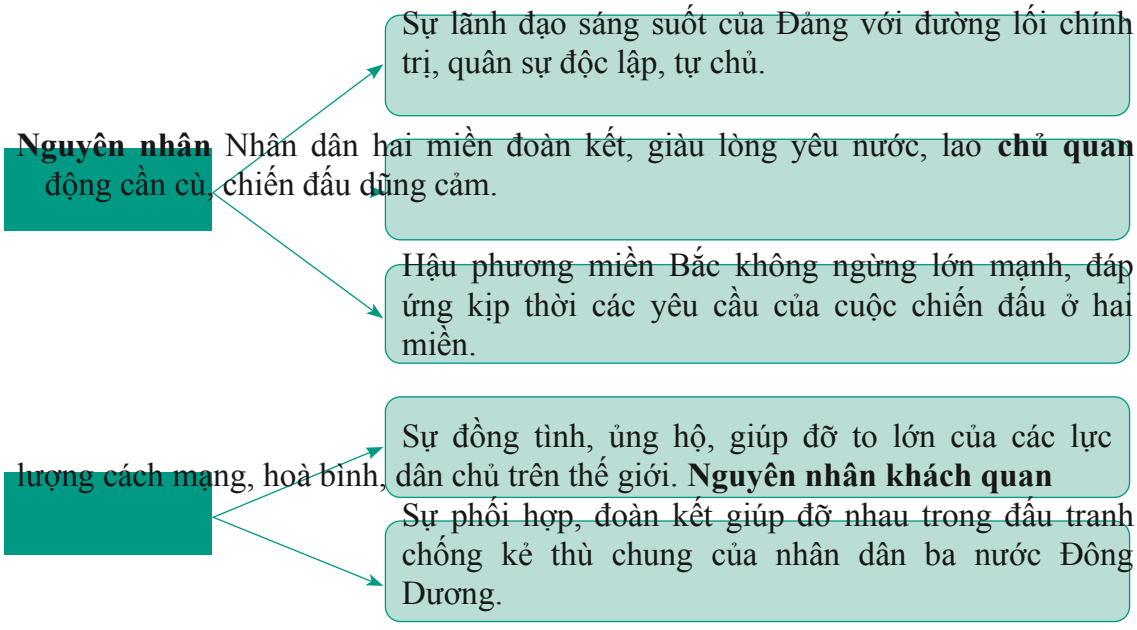

+ Ý nghĩa lịch sử: kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, thống nhất đất nước; mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc. Thắng lợi của nhân dân Việt

Nam đã tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới, nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.

***Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**GV nhận xét, chốt kiến thức.

***Bước 5: Mở rộng**

Sau khi HS nêu được nguyên nhân, ý nghĩa, GV nêu câu hỏi để 2 nhóm thảo luận, nêu quan điểm: *Theo em nguyên nhân nào là quan trọng nhất? Vì sao?*

GV hướng dẫn để HS nêu được quan điểm cá nhân. Ví dụ, HS chọn nguyên nhân quan trọng nhất là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. Vì Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam đã tạo nên khối đoàn kết hai miền, tạo sức mạnh tổng hợp làm nên chiến thắng.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS hệ thống lại kiến thức đã học để tìm dẫn chứng chứng minh vai trò của hậu phương miền Bắc đối với tiền tuyến lớn miền Nam và lập bảng hệ thống những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong những năm 1965 – 1975.

b) Tổ chức thực hiện

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

– Nhiệm vụ 1: GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS: *Hãy lấy dẫn chứng để chứng minh vai trò của "hậu phương lớn" miền Bắc đối với "tiền tuyến lớn" miền Nam trong giai đoạn 1965 – 1975.*

– Nhiệm vụ 2: *Hãy lập bảng hệ thống các thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong giai đoạn 1965 – 1975*. Với nhiệm vụ này, GV có thể cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để hoàn thành Phiếu học tập (theo gợi ý dưới đây).

PHIẾU HỌC TẬP

Giai đoạn	Thắng lợi tiêu biểu	Kết quả, ý nghĩa
1965 – 1968		
1969 – 1973		
1973 – 1975		

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

– Nhiệm vụ 1: HS tìm dẫn chứng trong SGK để chứng minh.

– Nhiệm vụ 2: HS hoàn thành Phiếu học tập (cá nhân hoặc theo nhóm), có thể chuẩn bị thêm tranh, ảnh gắn với thắng lợi tiêu biểu để dán vào bảng cho sinh động.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV mời một số HS báo cáo kết quả trên lớp hoặc thu bài chấm lấy điểm ĐGTX.

– Dự kiến sản phẩm:

+ Nhiệm vụ 1: GV gọi một số HS trả lời trước lớp và gọi bất kì 2 – 3 HS khác nhận xét, bổ sung hoàn thiện nội dung.

+ Nhiệm vụ 2: GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày Phiếu học tập đã hoàn thành và gọi HS của các nhóm khác nhận xét, hoàn chỉnh nội dung phiếu.

***Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**GV nhận xét sản phẩm của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học để sưu tầm được bài thơ, bài hát về một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử tiêu biểu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975, viết bài giới thiệu về các nhân vật, sự kiện tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

b) Tổ chức thực hiện

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Lưu ý: GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS thực hiện ở nhà:

– Nhiệm vụ 1: *Tìm hiểu thông tin từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu hoặc sưu tầm các bài hát, bài thơ về một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965 – 1975).*

– Nhiệm vụ 2: *Nêu những việc làm cụ thể để thể hiện lòng biết ơn, tri ân của em đến các anh hùng liệt sĩ và những người có đóng góp tiêu biểu cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).* ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** – Nhiệm vụ 1:

+ HS tìm thông tin để viết bài giới thiệu.

+ HS tìm thông tin trên các trang web tin cậy một số bài hát, bài thơ.

– Nhiệm vụ 2: HS liên hệ, nêu các việc làm thể hiện lòng biết ơn, tri ân.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận**– Nhiệm vụ 1:

+ HS viết bài giới thiệu nêu được: Thông tin về nhân vật hoặc sự kiện, lí do chọn để giới thiệu, những đóng góp của nhân vật hoặc ý nghĩa của sự kiện, bài học từ nhân vật hoặc sự kiện, dấu ấn của nhân vật hoặc sự kiện đến hiện nay.

+ HS sưu tầm bài thơ, bài hát theo gợi ý:

Tên bài hát/bài thơ và tác giả	Nhân vật liên quan	Cảm nhận của em
Người con gái sông La của nhạc sĩ Doãn Nho	La Thị Tám và những cô gái thanh niên xung phong ở Ngã ba Đồng Lộc.	

– Nhiệm vụ 2: HS nêu được một số việc làm như: chăm sóc mộ liệt sĩ vào các dịp 27 – 7, thăm hỏi giúp đỡ các gia đình liệt sĩ neo đơn; giúp đỡ các cô, chú thương binh gặp khó khăn,...

***Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức**

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào thời gian phù hợp hoặc thu bài HS và chấm lấy điểm ĐGTX. GV nhận xét về việc hoàn thành nhiệm vụ của HS và đánh giá sản phẩm.

BÀI 18. VIỆT NAM TỪ NĂM 1976 ĐẾN NĂM 1985

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.

– Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.

– Mô tả được đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991.

– Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối đổi mới.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu lịch sử Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo; nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985; mô tả được đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta; nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991.

– Năng lực vận dụng kiến thức đã học để giải thích được nguyên nhân, đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối đổi mới.

3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng cho HS lòng yêu nước gắn với chủ nghĩa xã hội, tinh thần đổi mới trong lao động, công tác, học tập, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào đường lối đổi mới đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Tranh, ảnh, số liệu về kinh tế Việt Nam trước Đổi mới, bầu cử Quốc hội thống nhất năm 1976, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, nhà máu thuỷ điện Hoà Bình.

– Phim tài liệu, clip về tình hình Việt Nam trước Đổi mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi bằng cách ghi ra giấy nháp, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời, chọn ý để dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu công cuộc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước *a) Mục tiêu*

HS lí giải được lí do phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước và trình bày được nét chính về quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin và tư liệu trong SGK để thực hiện yêu cầu: *Hãy cho biết vì sao cần phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?* **** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS khai thác tư liệu 1, thông tin phần chữ nhỏ để giải thích lí do phải thống nhất đất nước về mặt Nhà nước **** Bước 3: Báo cáo, thảo luận*** GV mời 1 – 2 HS trình bày.

**** Bước 4:***

GV nhận xét câu trả lời và kết luận như sau:

+ Sau Đại thắng Xuân 1975, đất nước đã thống nhất về mặt lãnh thổ, song ở mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Thực tế đó là trái với nguyện vọng của nhân dân cả nước là muốn Việt Nam có một chính phủ thống nhất, một cơ quan đại diện quyền lực chung cho nhân dân cả nước.

+ Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước là một yêu cầu tất yếu, khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân cả nước, tạo cơ sở pháp lí để hoàn thành thống nhất trên các lĩnh vực khác. Đồng thời, tạo ra điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của Tổ quốc và nâng cao vị trí của Việt Nam trên trường quốc tế.

**** Bước 5: Mở rộng***

GV nêu yêu cầu: *Chia sẻ những điều em biết về ý nghĩa của Quốc huy nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.

GV hướng dẫn để HS nêu được: Quốc huy là biểu tượng của đất nước, của dân tộc, có hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng và dòng chữ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó, 5 cánh của ngôi sao là đại diện cho năm tầng lớp: sĩ, nông, công, thương, binh; hình ảnh bông lúa vàng bao quanh tượng trưng cho nông nghiệp; bánh xe tượng trưng cho công nghiệp,...

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ

a) Mục tiêu

HS trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam, vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979 và bảo vệ chủ quyền biển đảo.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu yêu cầu: *Trình bày cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam, vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979*. Với yêu cầu này, GV có thể chia lớp thành 3 nhóm:

+ Nhóm 1: Tìm hiểu về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam. + Nhóm 2: Tìm hiểu về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc.

+ Nhóm 3: Tìm hiểu về cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.

GV hướng dẫn nhóm HS khai thác thông tin trong SGK để làm rõ được những nội dung sau: Vì sao nhân dân Việt Nam phải tiếp tục cầm vũ khí đấu tranh bảo vệ Tổ quốc? Vì sao nhân dân Việt Nam phải đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo? Diễn biến, kết quả và ý nghĩa của các cuộc đấu tranh đó.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm khai thác thông tin trong SGK, thảo luận theo các câu hỏi của GV.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi đại diện các nhóm trình bày trước lớp, các bạn khác trong nhóm có thể bổ sung (nếu có). HS có thể nêu ý nghĩa của Hình 18.3 để thấy được sự khốc liệt của cuộc chiến và quyết tâm của dân tộc nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

– HS nêu được các nội dung:

Trước những hành động khiêu khích, xâm phạm chủ quyền một cách ngang nhiên của chính quyền Pôn Pốt và Trung Quốc, Việt Nam đã ra tuyên bố nêu rõ hành động sai trái, thể hiện thiện chí muốn giải quyết vấn đề biên giới bằng con đường ngoại giao hoà bình nhưng không có kết quả. Với quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, nhân dân Việt Nam phải tiếp tục các cuộc chiến đấu chính nghĩa để bảo vệ vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc.

Các hành động xâm phạm chủ quyền biển đảo Việt Nam ở Biển Đông liên tiếp diễn ra, đặc biệt là từ phía Trung Quốc. Tháng 3 – 1988, quân đội Trung Quốc huy động lực lượng lớn tấn công một số đảo chìm và bãi ngầm thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam (Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao).

Nhà nước Việt Nam đã có những hoạt động để bảo vệ chủ quyền biển đảo như: lập các đơn vị hành chính quản lí các đảo, quần đảo; ban hành nhiều văn bản pháp lí liên quan đến các vùng biển, thềm lục địa của Việt Nam; nhiều tuyên bố về chủ quyền biển đảo của Nhà nước được công khai tại các diễn đàn; khi quân đội Trung Quốc huy động lực lượng tấn công một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa, các chiến sĩ Hải quân đã chiến đấu anh dũng để bảo vệ, đồng thời Chính phủ đã thông báo cho Liên hợp quốc, gửi nhiều công hàm phản đối và đề nghị hai bên Việt Nam – Trung Quốc thương lượng để giải quyết vấn đề tranh chấp bằng biện pháp hoà bình).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm, chuẩn hoá kiến thức, hướng dẫn HS ghi chép nội dung chính.

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu tình hình chính trị, kinh tế và xã hội từ năm 1976 đến năm 1985

a) Mục tiêu

HS nêu được tình hình chính trị, kinh tế và xã hội Việt Nam (cả những thành tựu và khó khăn, hạn chế) trong những năm 1976 – 1985.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV nêu yêu cầu: *Hãy nêu nét chính về tình hình chính trị, kinh tế và xã hội của Việt Nam trong những năm 1976 – 1985*.

GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về một lĩnh vực để hoàn thành Phiếu học tập (theo gợi ý dưới đây):

PHIẾU HỌC TẬP

Lĩnh vực	Thành tựu	Hạn chế, khó khăn

Chính trị		
Kinh tế		
Xã hội		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm khai thác thông tin SGK, hoàn thành Phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện các nhóm trình bày dựa trên Phiếu học tập đã hoàn thành.

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, bổ sung và nhấn mạnh: Trong những năm 1976 – 1985, Việt Nam đạt được những thành tựu đáng kể trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, song cũng gặp phải không ít khó khăn và tồn tại nhiều yếu kém. Các cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc cũng gây nhiều khó khăn cho đất nước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây chính là những nguyên nhân cơ bản thúc đẩy Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra chủ trương đổi mới toàn diện đất nước trong giai đoạn sau.

2.4. Hoạt động 4. Tìm hiểu công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến năm 1991

a) Mục tiêu

HS mô tả được đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991, từ đó đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối đổi mới. ***b) Tổ chức thực hiện***

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ.

– Nhóm 1: *Tìm hiểu nguyên nhân Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định tiến hành công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước.*

– Nhóm 2: *Tìm hiểu nội dung cơ bản của đường lối đổi mới của Đảng*.

– Nhiệm vụ 3: *Nêu kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới của Việt Nam trong giai đoạn 1986 – 1991*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– Các nhóm cử đại diện báo cáo kết quả.

– Gợi ý nội dung trình bày:

+ Nhiệm vụ 1: Nội dung trả lời cần nêu được bối cảnh (cả thế giới và trong nước) đã đặt ra yêu cầu cấp bách là cần phải tiến hành đổi mới, nhằm đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, tiến vững chắc trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội).

+ Nhiệm vụ 2: Đường lối đổi mới, nội dung đường lối đổi mới về kinh tế, chính trị.

+ Nhiệm vụ 3: GV định hướng HS nêu được những kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới, từ đó đưa ra đánh giá về những thành tựu đạt được và cả những hạn chế sau 5 năm thực hiện công cuộc Đổi mới.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và chốt nội dung để HS ghi bài.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12 – 1986) đã đề ra chủ trương đổi mới toàn diện đất nước. Nội dung đường lối đổi mới được bổ sung và phát triển tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6 – 1991). Đại hội VII khẳng định: Đổi mới phải diễn ra toàn diện và đồng bộ với bước đi, hình thức phù hợp và không làm thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm. Đại hội VII cũng thông qua "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội".

Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. Đổi mới toàn diện và đồng bộ, nghĩa là đổi mới trong tất cả các lĩnh vực và cùng lúc, quan trọng là đổi mới kinh tế và chính trị phải gắn bó mật thiết với nhau, quan trọng nhất là đổi mới về kinh tế.

Những thành tựu bước đầu của công cuộc Đổi mới đã khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trong việc đề ra và thực hiện đường lối đổi mới, từ đó, đem lại niềm tin cho nhân dân và tạo ra tiềm lực cho đất nước trong giai đoạn tiếp theo.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS phát triển năng lực nhận thức lịch sử, kĩ năng tóm tắt, hệ thống hoá các vấn đề và sự kiện lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: *Lập bảng tóm tắt một số thành tựu cơ bản của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn đất nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội từ năm 1976 đến năm 1991.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS lập bảng theo gợi ý trong SGK và hoàn thành bảng vào vở.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS trình bày bảng đã hoàn thành ngay tại lớp. Các bạn HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá và chuẩn nội dung bảng cho HS cả lớp.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết một vấn đề lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu cá nhân HS thực hiện ở nhà yêu cầu: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, viết một đoạn văn ngắn chứng minh: Đổi mới là lựa chọn "sống còn" đối với dân tộc Việt Nam*.

GV định hướng cho HS chứng minh đây là một nhận định đúng: xuất phát từ bối cảnh thế giới và tình hình khó khăn về chính trị, khủng hoảng kinh tế – xã hội ở trong nước.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tìm kiếm thông tin trên sách, báo, internet để chứng minh cho lựa chọn đổi mới là đúng đắn.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả làm việc vào thời gian phù hợp hoặc thu sản phẩm.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.

CHƯƠNG 5 THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

BÀI 19. TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY. LIÊN BANG NGA VÀ NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.

– Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay. – Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh cũng như tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.

– Năng lực vận dụng kiến thức đã học: nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ý thức ủng hộ hoà bình, phê phán chiến tranh, xung đột, chống chủ nghĩa bá quyền.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Một số tư liệu, hình ảnh về xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh, tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK, kết nối với kiến thức đã học ở Bài 9 để dẫn dắt vào bài học.

– Phương án 2: GV nêu vấn đề: Trong Chiến tranh lạnh, thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, đối đầu giữa hai phe đối lập (chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội) và bị chi phối bởi hai siêu cường đứng đầu hai phe là Mỹ và Liên Xô. Năm 1989, lãnh đạo hai nước Mỹ và Liên Xô đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh, đặc biệt, năm 1991 Liên Xô sụp đổ đã tác động và làm thay đổi tình hình quan hệ quốc tế nói chung, đến Mỹ, đến Liên bang Nga với tư cách là nước kế thừa chủ yếu tiềm lực và địa vị quốc tế của Liên Xô. Sau đó, GV nêu yêu cầu: *Theo em, tình hình quan hệ quốc tế, nước Mỹ và Liên bang Nga đã thay đổi như thế nào sau năm 1991? Hãy chia sẻ những điều em biết về sự thay đổi đó.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK, vận dụng hiểu biết để trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm ý kiến.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời của HS, đồng thời, GV sử dụng những câu trả lời của HS để dẫn dắt vào bài học.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu xu hướng vận động và sự hình thành trật tự thế giới từ năm 1991 đến nay

a) Mục tiêu

HS nhận biết được xu hướng vận động và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh, từ đó lí giải được nguyên nhân vì sao Mỹ không thể thiết lập được trật tự đơn cực sau Chiến tranh lạnh.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi, khai thác thông tin để thực hiện yêu cầu: *Trình bày xu hướng vận động và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS khai thác thông tin SGK để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– GV mời 1 – 2 cặp đôi báo cáo kết quả.

– Nội dung trả lời nêu được: Xu thế vận động của tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh dần được thay thế bằng xu thế đối thoại, hoà hoãn,... Hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng tâm, tích cực tham gia liên kết kinh tế trong các tổ chức khu vực và quốc tế. Hoà bình là xu thế chủ đạo, tuy nhiên, nội chiến, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo vẫn diễn ra ở một số khu vực. Sự chuyển biến đó dẫn đến một trật tự thế giới mới dần hình thành theo xu hướng đa cực, nhiều trung tâm với sự cạnh tranh của các cường quốc: Mỹ, một số nước trong Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Trung Quốc và Liên bang Nga.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời của HS chuẩn kiến thức:

**** Bước 5: Mở rộng***

GV tiếp tục đặt câu hỏi mở rộng: *Vì sao từ sau Chiến tranh lạnh đến nay, Mỹ không thể thiết lập trật tự đơn cực?* HS khai thác thông tin phần chữ nhỏ trong SGK, tìm ra lí do Mỹ không thể thiết lập trật tự đơn cực.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay

a) Mục tiêu

HS nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay. ***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV chia lớp thành 6 nhóm, hướng dẫn các nhóm khai thác thông tin trong SGK, thực hiện các nhiệm vụ dưới đây:

+ Nhóm 1, 2, 3: *Tìm hiểu tình hình chính trị Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay*.

+ Nhóm 4, 5, 6: *Tìm hiểu tình hình kinh tế Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay.*

Lưu ý:

+ Với các nhóm tìm hiểu về tình hình chính trị, GV hướng dẫn nhóm HS khai thác thông tin để nêu được những nét chính về tình hình chính trị của Liên bang Nga trong những năm 90 của thế kỉ XX (bất ổn do mâu thuẫn giữa các đảng phái, ban hành Hiến pháp mới, xác lập thể chế Cộng hoà Tổng thống, mâu thuẫn về các vấn đề liên quan đến chính sách đối nội, đối ngoại,...). Tuy nhiên, sang đầu thế kỉ XXI, tình hình chính trị dần ổn định, địa vị quốc tế được nâng cao. Nước Nga chú trọng thực hiện chính sách cân bằng Âu – Á, đẩy mạnh quan hệ hợp tác với Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG), Trung Quốc, Ấn Độ, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN),...

+ Với các nhóm tìm hiểu về tình hình kinh tế, GV hướng dẫn HS khai thác Hình 19.3 để HS nhận biết được tình hình chung và nét nổi bật về kinh tế của Liên bang Nga qua hai giai đoạn (1991 – 1999 và 2000 – 2021). Trong đó, HS cần nêu được t.nh h.nh chung là: tiến hành cải cách thị trường, chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường từ năm 1991. Giai đoạn 1991 – 1999: khủng hoảng triền miên, với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình ở mức âm (-4,8%/năm), lạm phát cao (22%), thâm hụt ngân sách) và giai đoạn 2000 – 2021: phục hồi và tăng trưởng trở lại với mức tăng trưởng GDP khá cao (3,5%/năm), kiềm chế được lạm phát, thặng dư ngân sách, được chấp nhận gia nhập WTO, là một trong 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới (năm 2021, GDP đạt khoảng 1,5 nghìn tỉ USD), có các ngành kinh tế mũi nhọn phát triển là công nghiệp quốc phòng, năng lượng, khai khoáng, hàng không – vũ trụ.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm thảo luận nhiệm vụ được phân công.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– Các nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

– Nội dung trình bày được:

+ Chính trị: Trong những năm 90 của thế kỉ XX bất ổn do mâu thuẫn giữa các đảng phái, ban hành Hiến pháp mới, xác lập thể chế Cộng hoà Tổng thống, mâu thuẫn về các vấn đề liên quan đến chính sách đối nội, đối ngoại,...

Đầu thế kỉ XXI dần ổn định, địa vị quốc tế được nâng cao. Nước Nga chú trọng thực hiện chính sách cân bằng Âu – Á, đẩy mạnh quan hệ hợp tác với Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG), Trung Quốc, Ấn Độ, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN),...

+ Kinh tế: Giai đoạn 1991 – 1999: khủng hoảng triền miên, với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình ở mức âm (-4,8%/năm), lạm phát cao (22%), thâm hụt ngân

sách. Giai đoạn 2000 – 2021: phục hồi và tăng trưởng trở lại với mức tăng trưởng GDP khá cao (3,5%/năm), kiềm chế được lạm phát, thặng dư ngân sách, được chấp nhận gia nhập WTO, là một trong 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới (năm 2021, GDP đạt khoảng 1,5 nghìn tỉ USD), có các ngành kinh tế mũi nhọn phát triển là công nghiệp quốc phòng, năng lượng, khai khoáng, hàng không – vũ trụ. Giai đoạn 1991 – 1999: khủng hoảng triền miên, với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình ở mức âm (-4,8%/năm), lạm phát cao (22%), thâm hụt ngân sách.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, bổ sung và chốt lại nội dung chính về tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay.

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu tình hình nước Mỹ từ năm 1991 đến nay

a) Mục tiêu

HS trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin để thực hiện yêu cầu: *Trình bày tình hình kinh tế, chính trị của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS lần lượt tìm hiểu về tình hình chính trị, tình hình kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay để thực hiện yêu cầu.

Lưu ý: GV hướng dẫn HS khai thác Hình 19.4. Nhà máy Bô-inh ở tiểu bang Oa-sinh-tơn để thấy được sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Mỹ trong lĩnh vực công nghiệp hàng không, luôn đứng đầu thế giới.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– HS trình bày kết quả có thể trình bày bằng bảng tóm tắt. Gợi ý sản phẩm:

+ Chính trị: Duy trì nền dân chủ tư sản dưới sự cầm quyền của một trong hai đảng: Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hoà, nhất quán trong việc thực hiện mục tiêu, tham vọng chi phối và lãnh đạo thế giới. Đặc biệt, sau khi Liên Xô tan rã, Mỹ đã triển khai các chính sách nhằm tận dụng vị thế siêu cường duy nhất để thúc đẩy việc thiết lập trật tự thế giới đơn cực.

+ Kinh tế: Mỹ có nền kinh tế, tài chính, công nghệ lớn mạnh hàng đầu thế giới với các lĩnh vực sản xuất đa dạng. Tuy nhiên, kinh tế Mỹ cũng trải qua những đợt suy thoái ngắn do tác động của các cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính (1997 – 1998, 2008 – 2009, 2014 – 2015)

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức*** GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS phát triển năng lực nhận thức lịch sử, có kĩ năng tóm tắt, hệ thống hoá các vấn đề lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Lưu ý: GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS thực hiện ở nhà:

– Nhiệm vụ 1: *Vẽ sơ đồ tư duy mô tả tóm tắt xu hướng vận động và sự hình thành trật tự thế giới sau năm 1991 đến nay*.

– Nhiệm vụ 2: *Hãy lập bảng tóm tắt về tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS dựa vào kiến thức bài học để vẽ sơ đồ tư duy.

– Nhiệm vụ 2: HS chọn lọc các sự kiện để hoàn thành bảng tóm tắt về tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận*** – HS trình bày sản phẩm ngay tại lớp.

– Gợi ý sản phẩm:

+ Sơ đồ tư duy

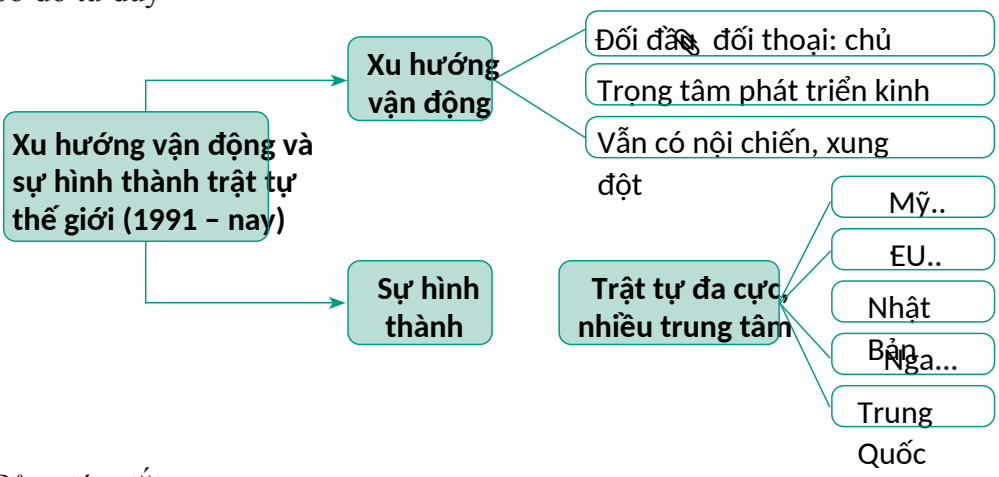

+ Bảng tóm tắt

BẢNG TÓM TẮT TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ CỦA LIÊN BANG NGA VÀ NƯỚC MỸ TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY	
Quốc gia	**Nét chính**
Liên bang Nga	
Mỹ	

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét sản phẩm của HS và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS sưu tầm thông tin từ nhiều nguồn ngoài SGK để chỉ ra được những cơ hội và thách thức cho Việt Nam từ xu thế hình thành trật tự thế giới mới.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao cho cá nhân hoặc nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) thực hiện ở nhà: *Theo em, xu thế hình thành trật tự thế giới mới từ sau Chiến tranh lạnh đã đặt ra những thời cơ và thách thức như thế nào đối với Việt Nam trong xây dựng và phát triển đất nước?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS nêu quan điểm về những thời cơ và thách thức mà xu thế hình thành trật tự thế giới mới từ sau Chiến tranh lạnh đã đặt ra cho Việt Nam trong xây dựng và phát triển đất nước.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– HS báo cáo kết quả hoặc nộp lại sản phẩm theo yêu cầu của GV.

– GV hướng dẫn để HS nêu được:

Thời cơ:

+ Cơ hội tốt để trở thành cửa ngõ quan trọng của một khu vực kinh tế năng động, tiếp cận với các thị trường lớn của thế giới.

+ Lợi thế của nước đi sau khi có thể đi thẳng vào phát triển những lĩnh vực mới của nền kinh tế số,… Thách thức:

+ Sự hình thành những cực, những trung tâm đã làm gia tăng chủ nghĩa đơn phương và quan hệ "bất thường" của các nước lớn, đặt Việt Nam trước những rủi ro về đối ngoại.

+ Các vấn đề toàn cầu và mất an ninh phi truyền thống sẽ tác động trực tiếp đến Việt Nam ngày một sâu sắc hơn.

+ Những áp lực về chuyển đổi phương thức phát triển có thể sẽ đặt nền kinh tế Việt Nam trước nhiều khó khăn, nền kinh tế Việt Nam phải đẩy nhanh sự chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới, dựa trên công nghệ và đổi mới sáng tạo.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm bài tập ở nhà của cả lớp.

BÀI 20. CHÂU Á TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay.

– Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh…), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á từ năm 1991 đến nay; mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, trao đổi, thảo luận để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

– Năng lực vận dụng kiến thức đã học để đề xuất được những việc làm để góp phần xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh và phát triển.

3. Về phẩm chất

– Bồi dưỡng các phẩm chất: nỗ lực, kiên trì vượt khó, sáng tạo (học tập từ nhân dân các nước Hàn Quốc, Nhật Bản trong công cuộc xây dựng đất nước).

– Bồi dưỡng tinh thần đoàn kết trong Cộng đồng ASEAN, trách nhiệm trong xây dựng và phát triển Cộng đồng ASEAN.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Một số tư liệu, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để tổ chức vào bài học.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS quan sát hình ảnh, vận dụng hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luậnGV gọi 1 – 2 HS trả lời.

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở đó, GV dẫn dắt vào bài học, đưa ra thông điệp về mục tiêu bài học, định hướng nhiệm vụ học tập chủ yếu cho HS.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu các nước Đông Bắc Á từ năm 1991 đến nay *a)*

Mục tiêu

HS giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc từ năm 1991 đến nay.

b) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về Nhật Bản

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 3 nhóm, thực hiện các nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: *Em có nhận xét gì về tình hình kinh tế Nhật Bản từ năm 1991 đến năm 2021? Giới thiệu sự phát triển kinh tế – xã hội của Nhật Bản từ năm 1991 đến nay.*

+ Nhóm 2: *Khai thác biểu đồ hình 20.4, em có nhận xét gì về sự tăng trưởng GDP của Hàn Quốc từ năm 1991 đến năm 2021? Giới thiệu sự phát triển kinh tế – xã hội của Hàn Quốc từ năm 1991 đến nay*.

+ Nhóm 3: *Hãy giới thiệu sự phát triển kinh tế – xã hội của Trung Quốc từ năm 1991 đến nay*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm đọc khai thác thông tin SGK để trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– GV mời các nhóm báo cáo kết quả, tương tác góp ý hoàn thiện nội dung.

– Nội dung trình bày của các nhóm nêu được:

+ Nhóm 1: HS nêu được nhận xét chung: Nền kinh tế Nhật Bản từ năm 1991 đến năm 2021 vẫn chưa thoát khỏi trì trệ, xen lẫn giữa suy thoái và tăng trưởng yếu ớt, mức độ tăng trưởng GDP chậm và không ổn định. Từ năm 1991 đến nay Nhật Bản là trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới, có chất lượng cuộc sống cao, chỉ số HDI ở mức cao, chi tiêu cho y tế cao và có xu hướng tăng.

+ Nhóm 2: GV hướng dẫn HS khai thác biểu đồ, có sự so sánh với biểu đồ hình 20.3 để rút ra nhận xét: sự tăng trưởng GDP của Hàn Quốc cao và ổn định hơn Nhật Bản. GDP của Hàn Quốc ở các mốc sau đều cao hơn hẳn so với mốc trước, ngược lại Nhật Bản có mốc sau thấp hơn mốc trước (năm 2021 thấp hơn năm 2010). Trong 30 năm (1991 – 2021), GDP của Nhật Bản chỉ tăng gần 1,4 lần, còn Hàn Quốc tăng tới 5,5 lần.

+ Nhóm 3: GV hướng dẫn HS khai thác biểu đồ 20.6 để thấy được sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Trung Quốc: cụ thể là tốc độ tăng trưởng GDP: trong 30 năm (1991 – 2021), GDP của Nhật Bản chỉ tăng gần 1,4 lần, Hàn Quốc tăng 5,5

lần, còn Trung Quốc tăng 46,5 lần. Đây là một thành tựu lớn chứng tỏ sự phát triển vượt bậc về kinh tế – xã hội của Trung Quốc từ sau năm 1991.

**** Bước 4: Kết luận và chốt kiến thức***

GV nhận xét và chốt kiến thức cần đạt của từng nhiệm vụ.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu quá trình phát triển của ASEAN năm 1991 đến nay

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu ASEAN từ "ASEAN 6" phát triển thành "ASEAN 10" a) Mục tiêu

HS trình bày được quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ năm 1991 đến nay. ***b) Tổ chức thực hiện***

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin trong SGK để hoàn thành Phiếu học tập về quá trình phát triển của tổ chức ASEAN từ năm 1991 đến nay (theo gợi ý dưới đây).

PHIẾU HỌC TẬP

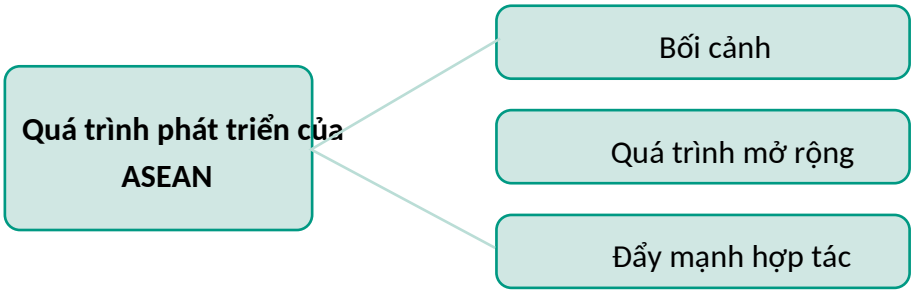

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS đọc thông tin trong bài, ghi lại ý trả lời vào Phiếu học tập.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi đại diện 2 HS lên trình bày, các HS khác nhận xét.

**** Bước 4: Kết luận và chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời, có thể mở rộng nêu các sự kiện chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng an – ninh quan trọng trong quá trình phát triển của ASEAN giai đoạn này và chốt ý.

2.2.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu Cộng đồng ASEAN từ năm 2015 đến nay

a) Mục tiêu

HS trình bày được những nét chính về sự thành lập, mục tiêu, trụ cột chính, ý nghĩa của Cộng đồng ASEAN.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi, khai thác thông tin để thực hiện yêu cầu: *Trình bày những nét chính về sự thành lập, mục tiêu, trụ cột chính, ý nghĩa của Cộng đồng ASEAN từ năm 2015 đến nay.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS thảo luận, tìm thông tin để trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– HS có thể báo cáo kết quả bằng Phiếu học tập hoặc sơ đồ tư duy.

– Dự kiến sản phẩm:

PHIẾU HỌC TẬP

Vấn đề	Nét chính
Thời gian thành lập	Ngày 31 – 12 – 2015, Cộng đồng ASEAN (AC) được thành lập
Mục tiêu	Xây dựng ASEAN trở thành một cộng đồng gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế, chia sẻ trách nhiệm xã hội và hợp tác rộng mở với bên ngoài, hoạt động theo luật lệ và hướng tới người dân.
Trụ cột chính	Cộng đồng Chính trị – An ninh (APSC), Cộng đồng Kinh tế (AEC), Cộng đồng Văn hoá – Xã hội (ASCC).
Ý nghĩa	Là kết quả hợp tác ASEAN trong gần 50 năm, phản ánh mức độ liên kết của ASEAN ngày càng cao, chặt chẽ hơn và có vai trò quan trọng ở khu vực.
Hạn chế	Cộng đồng vẫn là sự "thống nhất trong đa dạng" vì vẫn còn sự khác biệt khá lớn giữa các nước thành viên.

**** Bước 4: Kết luận và chốt kiến thức***

GV nhận xét, chuẩn kiến thức: Sự ra đời của Cộng đồng ASEAN là kết quả hợp tác ASEAN trong gần 50 năm, phản ánh mức độ liên kết của ASEAN ngày càng cao, chặt chẽ hơn và có vai trò quan trọng ở khu vực. Tuy nhiên, Cộng đồng vẫn là sự "thống nhất trong đa dạng" vì vẫn còn sự khác biệt khá lớn giữa các nước thành viên. Chúng ta cần có những việc làm cụ thể để góp phần xây dựng và phát triển Cộng đồng vững mạnh trong tương lai. GV có thể mở rộng giới thiệu hoặc yêu cầu HS qua theo dõi truyền hình, báo chí để hiểu hơn về những thuận lợi và thách thức của các nước ASEAN hiện nay.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp giúp HS có kĩ năng tóm tắt, hệ thống hoá các vấn đề lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV cho HS thảo luận nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng tóm tắt tình hình kinh tế, xã hội của các nước Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc từ năm 1991 đến nay.*

– Nhiệm vụ 2: GV gia nhiệm vụ cho cá nhân HS: *Vẽ trục thời gian thể hiện quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: Các nhóm thảo luận, lập bảng vào vở hoặc ra giấy.

– Nhiệm vụ 2: HS sử dụng thông tin SGK vẽ trục thời gian.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận*** – HS báo cáo sản phẩm.

– Gợi ý sản phẩm:

+ Nhiệm vụ 1: HS có thể tham khảo bảng dưới đây.

BẢNG TÓM TẮT TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA NHẬT BẢN, HÀN QUỐC VÀ TRUNG QUỐC TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

Lĩnh vực		**Sự chuyển biến**
Kinh tế	Vị thế nền kinh tế	+ Nhật Bản là một trong những trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới. + Hàn Quốc là một trong bốn "con rồng châu Á". + Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới sau Mỹ (2010).
	Tốc độ tăng trưởng GDP	...
Xã hội	Chỉ số phát triển con người	...
	Tuổi thọ	...

– Nhiệm vụ 2: Gợi ý: Trục thời gian nêu được sự phát triển của tổ chức ASEAN từ 6 lên 10 thành viên, những dấu mốc kí kết văn bản, hiệp định quan trọng đối với sự phát triển của tổ chức.

**** Bước 4: Kết luận và chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử và vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

Lưu ý: Nhiệm vụ này HS thực hiện ở nhà hoặc ngoài giờ học và báo cáo sản phẩm theo yêu cầu của GV.

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV giao cho cá nhân thực hiện ở nhà: *Sưu tầm thông tin từ sách, báo, internet, hãy viết bài giới thiệu một thành tựu tiêu biểu về kinh tế, xã hội của Trung Quốc hoặc Nhật Bản, Hàn Quốc từ sau năm 1991*.

– Nhiệm vụ 2: GV giao cho cá nhân HS thực hiện ở nhà: *Nêu những việc em có thể làm để góp phần xây dựng và phát triển Cộng đồng ASEAN vững mạnh trong thời gian tới*. **** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS sưu tầm tài liệu để xây dựng nội dung giới thiệu.

– Nhiệm vụ 2: HS liên hệ với bản thân để nêu được những việc có thể làm góp phần xây dựng và phát triển Cộng đồng ASEAN vững mạnh trong thời gian tới

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– HS báo cáo kết quả làm việc vào thời gian phù hợp.

– Gợi ý sản phẩm:

+ Nhiệm vụ 1: Bài giới thiệu cần nêu được các nội dung chính và tiêu biểu mang tính đặc trưng trong phát triển kinh tế – xã hội, chính trị, quốc phòng – an ninh vững chắc như: thành tựu phát triển công nghiệp của Trung Quốc; sản xuất ô tô, công nghiệp điện tử của Hàn Quốc, hệ thống y tế của Nhật Bản,…

+ Nhiệm vụ 2: HS liên hệ nêu được việc làm cụ thể như: nỗ lực học tập, tăng cường sự hiểu biết về ASEAN để có nhận thức đúng, đầy đủ về ASEAN và Cộng đồng ASEAN với mục tiêu, tầm nhìn, bản sắc...; nỗ lực học tập, trau dồi tiếng Anh để có thể tham gia hoạt động giao lưu với HS của các nước trong khu vực, tăng cường sự hiểu biết về các nước, đồng thời giới thiệu cho các bạn trong khu vực có thêm hiểu biết về Việt Nam, góp phần củng cố, gia tăng tình đoàn kết giữa các bạn HS ở các nước Đông Nam Á, nâng cao ý thức của HS về Cộng đồng và công dân ASEAN,…

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.

CHƯƠNG 6 VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

BÀI 21. VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh,…) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học qua việc đọc SGK, trả lời câu hỏi hoặc tìm hiểu bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn của GV.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động thảo luận nhóm hoặc cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử: chỉ được những thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.

– Năng lực vận dụng kiến thức đã học để đánh giá kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm; có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử; sẵn sàng tham gia vào các hoạt động phát triển kinh tế – xã hội, giữ gìn an ninh – chính trị ở địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Trang ảnh, phim tài liệu về thành tựu đất nước sau 35 năm Đổi mới.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

– Phương án 2: GV có thể sử dụng tranh, ảnh hoặc các video, clip liên quan đến chủ đề: Sự thay đổi của địa phương em trong thời kì Đổi mới, hoặc phim tài liệu thành tựu đất nước sau 35 năm Đổi mới. Sau đó, GV đặt câu hỏi: *Em có nhận xét gì về sự thay đổi của địa phương mình? Theo em, vì sao có sự thay đổi đó?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS đọc SGK, quan sát tranh ảnh hoặc video để tìm ý trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS lần lượt chia sẻ.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV chọn ý và dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu khái quát công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay

a) Mục tiêu

HS khái quát được các giai đoạn phát triển của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay, từ đó rút ra được nhận xét về sự phát triển đó.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS khai thác Hình 21.3, Tư liệu 1 và làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Trình bày khái quát các giai đoạn phát triển của công cuộc Đổi mới từ năm 1991 đến nay và nêu nhận xét*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Do lấy mốc năm 1991 nên cách chia giai đoạn trong SGK không hoàn toàn đi theo giai đoạn thực hiện các Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm. HS căn cứ vào nội dung chính của các giai đoạn để trình bày.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 1 – 2 HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung hoàn thiện nội dung.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, chốt nội dung: Từ năm 1991 đến nay, Việt Nam đã từng bước vượt qua khủng hoảng kinh tế – xã hội, phá thế bị bao vây, cô lập, mở rộng quan hệ đối ngoại; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế; đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới, tiếp tục hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng. Để có được những bước đi đó, đất nước đã xây dựng được nội lực vững vàng, giai đoạn trước là cơ sở để làm nền tảng phát triển cho giai đoạn sau. Các bước đi này để thực hiện mục tiêu phát triển đã được các Đại hội Đảng đề ra.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu thành tựu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay

a) Mục tiêu

HS trình bày được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh,…) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ học tập: *Hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu mà Việt Nam đạt được trong công cuộc Đổi mới từ năm 1991 đến nay.* Với nhiệm vụ này, GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một lĩnh vực, HS có thể báo cáo kết quả bằng Phiếu học tập hoặc bảng tóm tắt.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận để hoàn thành Phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– Các nhóm báo cáo sản phẩm bằng bảng, Phiếu học tập,...

– Gợi ý phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP	
Lĩnh vực	**Thành tựu tiêu biểu**
Kinh tế	– Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lí của Nhà nước đã có những bước tiến lớn, đặc biệt là sự gia tăng đóng góp của thành phần kinh tế tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài đối với phát triển kinh tế. – Thị trường xuất nhập khẩu mở rộng và nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng lên, nhất là từ sau khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007.
Chính trị	– Bộ máy chính quyền nhà nước và hệ thống luật pháp ngày càng hoàn thiện. – Phá thế bị bao vây, cấm vận và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá.
Văn hoá, xã hội	– Công cuộc xoá đói giảm nghèo được thực hiện thành công đưa đất nước bước ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân cải thiện và không ngừng được nâng cao. – Cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010.
Quốc phòng, an ninh	Tiềm lực quốc phòng và an ninh được tăng cường. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và chuẩn kiến thức.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS phát triển năng lực nhận thức lịch sử, kĩ năng tóm tắt, hệ thống hoá các vấn đề lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: *Hoàn thành bảng tóm tắt về những thành tựu tiêu biểu của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS hoàn thành bảng theo gợi ý trong SGK vào vở.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

HS trình bày bảng đã hoàn thành ngay tại lớp. Các bạn khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện yêu cầu của HS. GV cũng có thể cho HS thực hiện nhiệm vụ này khi tổ chức dạy học mục 2 của bài.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Nhiệm vụ này giúp HS vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: *Có ý kiến cho rằng: Những thành tựu của công cuộc Đổi mới đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và cuộc sống hằng ngày của bản thân em. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?*

– Nhiệm vụ 2: *Xây dựng một bài giới thiệu (poster, inforgraphic,...) về sự thay đổi của một trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục, y tế ở địa phương em (tỉnh hoặc huyện) từ năm 1991 đến nay*.

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV định hướng cho HS đây là nhận định đúng.

– Nhiệm vụ 2: HS lựa chọn một lĩnh vực tiêu biểu ở địa phương để tìm hiểu, viết bài giới thiệu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– HS báo cáo sản phẩm học tập vào thời điểm thích hợp hoặc thu lại sản phẩm để chấm điểm ĐGTX.

– Gợi ý nội dung trình bày:

+ Nhiệm vụ 1: HS đồng ý với ý kiến và giải thích được lí do những thành tựu của công cuộc Đổi mới đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và cuộc sống hằng ngày của bản thân em. Lí do: Tạo thuận lợi cho việc đi lại, thông tin liên lạc, hoạt động học tập, vui chơi, giải trí,…

+ Nhiệm vụ 2: HS viết bài giới thiệu theo các câu hỏi gợi ý: Thành tựu tiêu biểu là gì? Vì sao lựa chọn lĩnh vực đó? Mô tả sự thay đổi theo thời gian (kèm hình ảnh minh hoạ). Sự thay đổi đó thể hiện điều gì?

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét kết quả làm việc của HS. GV chọn 2 – 3 sản phẩm tốt để chia sẻ với cả lớp.

CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KĨ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

BÀI 22. CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KĨ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học – kĩ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam.

– Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc tổ chức, hướng dẫn HS hoạt động nhóm, trao đổi, thảo luận về nội dung của bài học.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử: nhận diện được các tư liệu lịch sử (tư liệu viết, hình ảnh,…), biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật và xu thế toàn cầu hoá.

– Năng lực nhận thức lịch sử: mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học – kĩ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam; trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam.

3. Về phẩm chất

Thông qua bài học, HS nhận thức được trách nhiệm đối với công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước hiện nay để bồi đắp phẩm chất chăm chỉ, ý thức vươn lên với tinh thần không ngừng học hỏi, đổi mới nhằm chiếm lĩnh và sáng tạo những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ. Tôn trọng sự đa dạng của văn hoá nhân loại, nâng cao ý thức trách nhiệm công dân toàn cầu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Hình ảnh, tư liệu liên quan đến những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật.

– Bảng thống kê các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực thiết kế trên phần mềm Powerpoint.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

– Phương án 2: GV cho HS quan sát hình ảnh rô-bốt Xô-phi-a và thực hiện yêu cầu: *Nêu ngắn gọn hiểu biết của em về sự kiện rô-bốt Xô-phi-a tham gia Diễn đàn cấp cao và Triển lãm quốc tế về công nghiệp 4.0 ở Hà Nội năm 2018. Em có suy nghĩ như thế nào về rô-bốt Xô-phi-a và sự kiện trên?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS quan sát hình ảnh và chia sẻ những điều mình biết.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS lần lượt chia sẻ, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung thêm thông tin (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét hoạt động của cá nhân HS và trao đổi của cả lớp. Sau đó, GV chuẩn kiến thức và dẫn dắt vào bài học mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật và ảnh hưởng đối với Việt Nam

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật

a) Mục tiêu

HS mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học – kĩ thuật trên thế giới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***– GV giao nhiệm vụ học tập:

+ Nhiệm vụ 1: GV chia lớp thành các nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) và giao nhiệm vụ học tập: *Nêu những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học – kĩ thuật trên thế giới.*

+ Nhiệm vụ 2: Sau khi hoàn thành nhiệm vụ 1, GV giao nhiệm vụ cho các nhóm nêu quan điểm: *Em ấn tượng nhất với thành tựu nào của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật? Vì sao?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS khai thác thông tin bảng một số thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật và các hình 22.3, 22.4, 22.5 và 22.6 để thực hiện nhiệm vụ.

– Nhiệm vụ 2: Các nhóm dựa vào kết quả đã hoàn thành ở nhiệm vụ 1, thảo luận và trình bày quan điểm về thành tựu ấn tượng và giải thích lí do.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

Gv mời đại diện 2 – 3 nhóm báo cáo kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe và có thể đặt câu hỏi để nhóm trình bày giải thích rõ hơn.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét kết quả thảo luận của các nhóm. GV có thể cho các nhóm tự đánh giá mức độ đạt được theo tiêu chí sau:

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM (BẢNG TÓM TẮT)

STT	Tiêu chí		Điểm
1	Nội dung	Trình bày đúng, đủ những thành tựu tiêu biểu.	4 (thiếu mỗi ý trừ 0,5 điểm)
		Bố cục mạch lạc, lô gíc.	1
2	Hình thức	Bảng trình bày cân đối, chữ viết rõ ràng, sạch sẽ.	1
		Có sử dụng hình ảnh minh hoạ.	1
3	Báo cáo	Trình bày rõ ràng, tự tin.	1
		Trả lời được câu hỏi thêm của GV hoặc bạn học.	1

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đối với Việt Nam

a) Mục tiêu

HS nêu được những ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đối với Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS thảo luận cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu một số ảnh hưởng ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đối với Việt Nam.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS khai thác Tư liệu 1, đọc thông tin SGK để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi báo các kết quả và gọi một số cặp đôi khác nhận xét, góp ý.

– Gợi ý, HS có thể báo cáo kết quả thảo luận bằng bảng tóm tắt:

NHỮNG ẢNH HƯỞNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KĨ THUẬT ĐỐI VỚI VIỆT NAM		
Nội dung	**Thành tựu tiêu biểu**	**Hướng dẫn**
Tích cực	– Thúc đẩy sự phát triển của kinh tế Việt Nam theo hướng hiện đại, hội nhập khu vực và thế giới, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. – Nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của người dân.	HS khai thác Tư liệu 1, thông tin thời cơ trong SGK trang 113
Tiêu cực	– Dễ bị biến thành nơi gia công, lắp ráp đơn giản,	Đọc thông tin

	giá trị gia tăng thấp trong chuỗi giá trị toàn cầu. – Nguy cơ về an ninh, chính trị, an toàn xã hội.	mục b, thách thức

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, bổ sung và chốt nội dung.

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu xu thế toàn cầu hoá và tác động đối với thế giới và Việt Nam

2.2.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu xu thế toàn cầu hoá

a) Mục tiêu

HS trình bày được những nét cơ bản về xu thế toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV cho HS thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu: *Khai thác tư liệu 2 và thông tin trong mục, hãy cho biết toàn cầu hoá là gì? Trình bày những biểu hiện chủ yếu của toàn cầu hoá.*

– Nhiệm vụ 2: GV giao cho cá nhân HS thực hiện yêu cầu: *Hãy nêu và đánh giá những tác động của xu thế toàn cầu hoá đối với thế giới.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm 1: HS khai thác tư liệu 2, nêu được khái niệm toàn cầu hoá và trình bày được những biểu hiện chủ yếu.

– Nhiệm 2: HS tìm hiểu SGK và kết hợp với hiểu biết của mình nêu được tác động đối với thế giới và Việt Nam (cả tích cực và tiêu cực).

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– HS báo cáo kết quả làm việc.

– Dự kiến sản phẩm◆ Nhiệm vụ 1:

+ Khái niệm: "Toàn cầu hoá – sự hội nhập mạnh mẽ của các nền kinh tế và xã hội trên toàn thế giới là một quá trình phức tạp ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh trong cuộc sống của chúng ta".

+Biểu hiện của toàn cầu hoá:

Về kinh tế: Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế gắn với các tập đoàn xuyên quốc gia hoặc tổ chức phi chính phủ, sự mở rộng hệ thống tài chính toàn cầu với các tổ chức kinh tế, tài chính khu vực, quốc tế.

Về văn hoá: Sự chia sẻ, tăng cường giao lưu, trao đổi, thâm nhập lẫn nhau của các nền văn hoá.

Về chính trị: Sự phát triển và ảnh hưởng ngày càng gia tăng của các tổ chức khu vực (Liên minh châu Âu – EU, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á – ASEAN,…) và các tổ chức quốc tế (Liên hợp quốc – UN,…).

◆ Nhiệm vụ 2:

TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HOÁ		
Nội dung	**Tích cực**	**Tiêu cực**
Đối với thế giới	Thúc đẩy nhanh sự hình thành thị trường kinh tế toàn cầu, xã hội hoá lực lượng sản xuất, kinh tế tăng trưởng cao; gia tăng giao lưu, trao đổi văn hoá giữa các quốc gia, dân tộc và định hình xu hướng văn hoá toàn cầu; tạo nên sự liên kết ngày càng chặt chẽ giữa các lực lượng, các quốc gia, khu vực trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu vì mục tiêu phát triển chung của nhân loại.	Tăng cường sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, khoảng cách chênh lệch giàu nghèo trong mỗi quốc gia, giữa các quốc gia và các khu vực trên thế giới, trầm trọng thêm ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, xói mòn và đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc.
Đối với Việt Nam	Tạo cơ hội tiếp cận vốn đầu tư nước ngoài, trình độ khoa học – công nghệ tiên tiến của thế giới, mở rộng hoạt động thương mại, xuất khẩu lao động, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; tạo điều kiện để nâng cao uy tín, địa vị quốc tế thông qua các tổ chức khu vực (ASEAN), quốc tế (Liên hợp quốc); mở rộng giao lưu, quảng bá văn hoá Việt Nam ra thế giới, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, làm giàu cho nền văn hoá Việt Nam.	Sự phụ thuộc của kinh tế Việt Nam vào thị trường bên ngoài cùng sự cạnh tranh khốc liệt, đồng thời cũng dẫn đến nguy cơ bị dễ hoà tan, làm biến mất bản sắc văn hoá truyền thống.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét và chốt lại nội dung cần nắm được để HS ghi vào vở.

**** Bước 5: Mở rộng***

GV nêu câu hỏi: *Tại sao nói toàn cầu hoá vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với Việt Nam?* hoặc GV có thể tổ chức cho HS tranh biện với 2 quan điểm: Toàn cầu hoá đem lại nhiều cơ hội hay thách thức hơn cho Việt Nam.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Giúp HS có kĩ năng tóm tắt, hệ thống hoá các vấn đề lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện yêu cầu: *Hãy vẽ sơ đồ tư duy về những thành tựu tiêu biểu thuộc các lĩnh vực của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật.* GV có thể cho HS thực hiện nhiệm vụ này khi tổ chức dạy học mục 1 của bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin để hoàn thành sơ đồ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS trình bày đã sơ đồ đã hoàn thành ngay tại lớp. Các HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu có).

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Lưu ý: HS thực hiện hoạt động này ở nhà hoặc ngoài giờ học và báo cáo sản phẩm hoặc nộp lại sản phẩm theo yêu cầu của GV.

– Nhiệm vụ 1: GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS về nhà thực hiện nhiệm vụ: *Em có mong muốn trở thành công dân toàn cầu không? Vì sao?*

– Nhiệm vụ 2: GV cho HS thảo luận cặp đôi ngoài giờ học: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet về một thành tựu khoa học – kĩ thuật của Việt Nam và chia sẻ với bạn về thành tựu đó.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– Nhiệm vụ 1: HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

– Nhiệm vụ 2: HS tìm kiếm thông tin từ sách, báo và internet về một thành tựu khoa học – kĩ thuật của Việt Nam để chia sẻ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– Nhiệm vụ 1: HS báo cáo sản phẩm học tập vào thời điểm thích hợp.

– Nhiệm vụ 2: HS chia sẻ về một số thành tựu của Việt Nam như: Vệ tinh Micro Dragon do 36 thạc sĩ công nghệ vệ tinh của Trung tâm Vũ trụ Việt Nam chế tạo dưới sự hướng dẫn của Nhật Bản; hai nữ sinh Đan Khuê và Nam Anh của Trường THPT chuyên Khoa học tự nhiên Hà Nội nghiên cứu ra một số giải pháp để điều trị căn bệnh ung thư,…).

Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ ở nhà của HS.

BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN

CHỦ ĐỀ 3 VÀ LỢI ÍCH CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG

Thời gian thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

– Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam.

– Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

2. Về năng lực

2.1. Năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động thảo luận nhóm, cặp đôi để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết vấn đề đó.

2.2. Năng lực đặc thù

– Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông..

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam; nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

– Năng lực vận dụng kiến thức đã học nêu được những việc làm cụ thể để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo.

3. Về phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng các phẩm chất trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử. Đồng thời có hành động cụ thể góp phần bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, SBT Lịch sử và Địa lí 9 – bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

– Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; một số tranh ảnh, bản đồ địa lí, một số tư liệu lịch sử và địa lí tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

– Máy tính, máy chiếu (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

Kết nối những điều HS đã biết với những điều HS chưa biết, tạo tâm thế hứng khởi, kích thích sự tò mò của HS để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt vào bài học.

– Phương án 2: GV có thể cho HS quan sát bản đồ Việt Nam và nêu yêu cầu*: Kể tên các tỉnh ven biển ở nước ta. Theo em, biển đảo có vai trò như thế nào trong lịch sử của dân tộc Việt Nam?*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS có thể ghi nhanh ra giấy nháp ý để trả lời.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS trả lời trước lớp. HS có thể trả lời đúng hoặc chưa đúng, chưa đủ.

GV khuyến khích, động viên các em đưa ra ý kiến

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thứ***

Dựa vào câu trả lời của HS, GV chọn ý, định hướng nội dung trọng tâm để dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lí về chủ quyền biển đảo của Việt Nam

2.1.1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chứng cứ lịch sử về chủ quyền biển đảo của Việt Nama) Mục tiêu

HS trình bày được những chứng cứ lịch sử về chủ quyền biển đảo của Việt Nam qua các thời kì lịch sử, từ đó hiểu được biển và văn hoá biển là một phần quan trọng trong lịch sử dân tộc, cha ông ta đã liên tục có những hoạt động xác lập, thực thi chủ quyền biển đảo trên Biển Đông.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Phương án 1: GV chia lớp thành 2 nhóm thực hiện các yêu cầu:

+ Nhóm 1: *Khai thác tư liệu 1, 2 và thông tin trong mục, hãy trình bày những chứng cứ lịch sử trước năm 1884 thể hiện chủ quyền biển đảo của Việt Nam.*

+ Nhóm 2: *Trình bày các chứng cứ lịch sử từ sau năm 1984 về chủ quyền biển đảo của Việt Nam ở Biển Đông.*

– Phương án 2: Nếu có điều kiện, GV có thể tổ chức dạy học theo dự án: Tổ chức triển lãm trưng bày để giới thiệu những chứng cứ lịch sử về chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử. HS sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu để trình bày theo thời kì lịch sử như SGK hoặc theo loại hình tư liệu (hiện vật, thành văn, bản đồ,…).

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

Các nhóm khai thác thông tin, tư liệu liên quan đến nội dung tìm hiểu để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***– Các nhóm báo cáo kết quả.

– Gợi ý nội dung trả lời:

+ Với yêu cầu tìm hiểu về chứng cứ lịch sử trước năm 1884, HS nêu được các chứng cứ như các di chỉ khảo cổ học, các công trình sử học và địa lí cổ của Việt Nam. HS khai thác thêm thông tin ở mục Kết nối với văn học để hiểu thêm về quá trình khai thác, chinh phục biển của người Việt Nam đã có từ lâu và được thể hiện qua các truyền thuyết, thơ ca.

+ Với yêu cầu tìm hiểu về chứng cứ sau năm 1884, GV hướng dẫn HS khai thác thông tin, nêu được những hoạt động của chính quyền Pháp tại Đông Dương khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV gọi đại diện các nhóm HS trình bày, sau đó nhận xét và chốt lại ý.

2.1.2. Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cơ sở pháp lí về chủ quyền biển đảo của Việt Nama) Mục tiêu

HS trình bày được cơ sở pháp lí quan trọng khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam ở Biển Đông.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV cho HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Trình bày những cơ sở pháp lí về chủ quyền biển đảo của Việt Nam.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS đọc thông tin trong SGK để thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

GV gọi 2 – 3 HS trình bày trước lớp, các bạn khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại cơ sở pháp lí về chủ quyền biển đảo của Việt Nam như sau:

+ Việt Nam phê chuẩn và trở thành thành viên có trách nhiệm của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS).

+ Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật trong nước về biển, khai thác biển như: Luật Biên giới quốc gia, Luật Dầu khí, Luật Cảnh sát biển Việt Nam,... Đặc biệt, Luật Biển Việt Nam được thông qua vào năm 2012 đã cụ thể hoá các quy định của Công ước trên nhiều vấn đề như: biên giới lãnh thổ, hàng hải, thuỷ sản, dầu khí, bảo vệ môi trường biển và hải đảo,...

2.2. Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam

a) Mục tiêu

HS nêu được vai trò của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm (4 – 6 HS mỗi nhóm) để thực hiện yêu cầu: *Hãy nêu vai trò của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

HS thảo luận, thực hiện yêu cầu.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

– GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm báo cáo kết quả. Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, góp ý.

– Nội dung trình bày nêu được 2 vai trò:

+ Là tuyến phòng thủ của đất nước: biển đảo nước ta là môi trường tác chiến quan trọng trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc. Hệ thống các đảo, cụm đảo trên Biển Đông có ý nghĩa lớn đối với việc phòng thủ, bảo vệ, kiểm soát vùng biển, vùng trời trên biển của quốc gia. Từ biển khơi hướng vào đất liền, hệ thống đảo, cụm đảo Việt Nam được chia thành các tuyến đảo ven bờ và tiền tiêu. Trên các đảo có thể lập những căn cứ kiểm soát vùng biển, vùng trời nước ta, kiểm tra hoạt động của tàu thuyền đi lại, ngăn chặn sự xâm nhập trái phép, bảo đảm an ninh quốc phòng. Trong lịch sử, hệ thống đảo tiền tiêu như Cô Tô, Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ; quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa,… có vị trí quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Cung cấp tài nguyên phát triển tiềm lực đất nước: thềm lục địa Việt Nam có nhiều bể trầm tích chứa dầu khí; tiềm năng về khí – điện – đạm và năng lượng biển; có nguồn hải sản có giá trị cao, nhiều mỏ sa khoáng và cát thuỷ tinh có trữ lượng khai thác công nghiệp,…; Việt Nam có thể phát triển những ngành kinh tế biển như: khai thác dầu khí, phát triển nhiều loại hình du lịch biển, thương mại biển,….

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét kết quả làm việc của HS và chuẩn kiến thức.

**** Bước 5: Mở rộng***

– Sau khi HS hoàn thành nhiệm vụ trên, GV giao nhiệm vụ cho các nhóm tiếp tục thảo luận để trả lời hỏi: *Tại sao các nhà giàn trên Biển Đông được quan tâm xây dựng, vai trò của các nhà giàn này đối với bảo vệ chủ quyền biển đảo ra sao?*

– GV gợi ý để HS nêu được:

+ Các nhà giàn được xây dựng và cử lực lượng quân đội ra chốt giữ tại đây để phát triển kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền vùng biển, thềm lục địa của Tổ quốc.

+ Vai trò của các nhà giàn là lập các đèn biển để thông báo cho tàu, thuyền đánh cá và vận tải hàng hải đi lại trong vùng; đặt trạm nghiên cứu khí tượng thuỷ văn; làm nơi tránh bão và ứng cứu ngư dân,.. Đây chính là những cột mốc đánh dấu chủ quyền trên biển, "tiền đồn" bảo vệ việc khai thác tài nguyên và thực thi chủ quyền tại thềm lục địa.

3. Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

HS tóm tắt, hệ thống hoá các vấn đề lịch sử, từ đó phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức lịch sử.

b) Tổ chức thực hiện

**** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: GV giao cho cá nhân HS: *Lập bảng tóm tắt về những chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam.*

– Nhiệm vụ 2: GV cho HS hoạt động cá nhân, thực hiện yêu cầu: *Xây dựng sơ đồ tư duy tóm tắt ý nghĩa của biển đảo Việt Nam đối với việc khẳng định, bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*

**** Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

– Nhiệm vụ 1: HS khai thác nội dung trong mục 1, hoàn thành bảng tóm tắt theo gợi ý trong SGK vào vở.

– Nhiệm vụ 2: HS xây dựng sơ đồ tư duy nêu được hai vai trò chính: bảo vệ chủ quyền biển đảo và phát triển tiềm lực toàn diện của đất nước, lấy được các ví dụ cụ thể đối với mỗi vai trò.

**** Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

HS trình bày bảng, sơ đồ tư duy đã hoàn thành ngay tại lớp. Các HS khác quan sát, nhận xét hoàn thiện nội dung.

**** Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức***

GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và chuẩn kiến thức cho HS hoàn thiện vào vở.

4. Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện

Lưu ý: HS thực hiện hoạt động này tại nhà hoặc ngoài tiết học và báo cáo sản phẩm theo yêu cầu của GV.

– GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS về nhà thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Nhiệm vụ 1: *Theo em, các tư liệu được nêu trong mục 1 có ý nghĩa như thế nào đối với việc bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay?*

+ Nhiệm vụ 2: *Hãy nêu những việc làm cụ thể mà em có thể thực hiện để góp phần bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*

– GV hướng dẫn HS thực hiện như sau:

+ Nhiệm vụ 1: HS phân tích được ý nghĩa của tư liệu, hoạt động thu thập tư liệu đối với công tác bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay.

+ Nhiệm vụ 1: HS nêu được những biện pháp góp phần bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông như tìm hiểu về biển đảo, tham gia các cuộc thi tìm hiểu về chủ quyền biển đảo,...

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.